



**My Stairway
To
Subud**

Anthony Bright-Paul

My Stairway to Subud

Nguyên tác của Anthony Bright-Paul

Minh Thần dịch 2016

© Phiên bản 10.2017 góc nhỏ

Anthony Bright-Paul

My Stairway
To
Subud

Minh Thần
dịch 2016

gn
2017

Phần 1

Chương 6 - Sự xuất hiện của Subud

Đoạn 1	9
Đoạn 2	15
Đoạn 3	21
Đoạn 4	27
Đoạn 5	33
Đoạn 6	39
Đoạn 7	45
Đoạn 8	50
Đoạn 9	56
Đoạn 10.	63
Đoạn 11	68

Chương 7

Tôi là ai?	75
------------	----

Phần 2

Chương 9 — Extracts

6. Bapak nói về Chúa GiêXu	82
7. Con trai Bapak	84
11. Định mệnh và Định hướng.	85
15. Ông Soeparto ở Nhật Bản	86
16. Lúc Bapak ở Paris	87



The author and wife on an anniversary jaunt to London

Phần 1

Chương 6 - Sự xuất hiện của Subud

Chương ‘Sự Xuất Hiện của Subud (Arrival of Subud)’ này lấy trong *Stairway to Subud* của Anthony Bright Paul. Như hầu hết những ai đến với Subud, ông cũng là người thích nghiên cứu những vấn đề tâm linh. Duyên phận đưa đẩy ông tới chỗ quen biết lối tu của Gurdjiêff ở Coombe Springs mà John Bennett là đệ tử chân truyền. Tác giả ngưỡng mộ ông Bennett, coi ông là một vị chân tu xứng đáng là sư phụ mình. Nhưng tu tập được vài năm, tác giả lại cảm thấy bị bế tắc, không đạt được những kết quả mong ước, theo những gì có trong giáo lý của Gurdjiêff. Trong tình cảnh bế tắc đó chợt có tin động trời là ông Bennett tuyên bố “chúng ta cần sự giúp đỡ của người ngoài” để thông qua sự bế tắc của mình. Điều này khiến mọi người sửng sốt, vì từ trước họ đã coi ông là cột trụ, là gương mẫu nên noi theo.

Hầu hết các hồi kí của những người đầu tiên vào Subud đều nhắc tới thời kì Coombe Springs. Nhưng không có cuốn nào đã thuật lại khá đầy đủ và thú vị về cái thời kì đầu tiên đó của Subud ngoài Nam dương, ngoài chương *The Arrival of Subud* trong *Stairway to Subud* của Anthony Bright Paul.

Đoạn 1

Khi cô Howard lần đầu cho tôi hay Pak Subuh sẽ đến, tôi đã đặt chân tới nơi đằng sau chỗ nhóm mình. Cái tin đó có tác động tức khắc thật khác thường. Một vài người tuyên bố những điều thống thiết về lòng

trung thành của họ với ông Bennett: ông là sự phụ họ và họ không muốn có ai khác. Những người khác thì tuyên bố chẳng có gì đáng ngại vì ông Bennett đã giới thiệu Subud.

Về phần mình tôi cảm thấy chuyện này là phi lí nếu chấp nhận điều gì đó chỉ vì ông Bennett đã nói là như vậy, và đó là điều trái ngược với tất cả những gì chúng tôi được dạy bảo. Chúng tôi chưa từng được khuyến khích chấp nhận những ý tưởng chính mình trước tiên chưa thử nghiệm và kiểm chứng, khiến mình đạt được một sự hiểu biết khách quan. Chúng tôi luôn được khuyên bảo là đừng chấp nhận bất cứ gì, một lời khuyên vẫn còn hiệu nghiệm với tôi. Làm cách khác là bắt công bắt ông Bennett chịu trách nhiệm.

Những ai muốn theo lối tu tập mới thì phải thông báo cho các hội viên kì cựu của nhóm. Điều đáng kể là dù thiên hạ có những thái độ khác nhau, phần đông đã chọn lựa được “khai mở” để tiếp nhận latihan Subud.

Buổi tối đầu tiên đó, ông Bennett dùng bữa trên lầu với một vài người khách, trong đó có Icksan Ahmed, một trong những người Nam Dương mới tới. Người ta yêu cầu tôi hầu bàn bữa ăn đó, một nhiệm vụ tự nguyện, chỉ để phần nào thỏa mãn tính hiếu kì. Pak Subuh và những người Nam Dương khác ăn uống tại cánh nhà phía Tây.

Icksan Ahmed là một người Nam Dương trẻ, chắc nịch, với một nụ cười tỏa sáng tuyệt vời. Trong lúc dùng bữa, mọi người đã rất vui nhộn, khi ông Bennett cho Icksan hay thiên hạ đã lo ngại vì nghĩ rằng sẽ có một tôn sư mới. Ông Bennett đã vui vẻ đến nỗi hầu như cười nói khúc khích. Hồi đó việc đó đã ấn tượng tôi rất nhiều. Chúng tôi đã lâu đời coi ông là sự phụ và lãnh tụ, khiến cho khó có thể thấy ông ngồi dưới chân một kẻ khác. Dù sao, những thành tích thông thường của ông, ông biết nhiều thứ tiếng và là một nhà khoa học, là những điều khiến tôi tự hỏi kẻ ông chịu tuân phục là hạng người nào.

Lúc cuối tuần Pak Subuh đến, tôi lần đầu trông thấy ông đi xuống lầu. Ông ăn mặc gọn gàng một bộ đồ màu vàng vùng nhiệt đới. Không có gì ấn tượng tôi nhiều, ngoài lối đi đứng đặc biệt của ông. Đáng diệu ông quả thực có điều gì đó trung lập.

Chỉ sau đó tôi mới trông thấy các phụ nữ. Họ lập tức khiến chú ý vì

phẩm cách trầm tĩnh, áo quần duyên dáng và cái tính đàn bà đặc biệt của họ.

Sự xuất hiện của Pak Subuh và đoàn tùy tùng lập tức tạo nên một sự chấn động rất lớn. Những tin tức về sự xuất hiện của ông quả thực khiến choáng váng. Chúng tôi hầu như không có thì giờ tự hỏi mình về sự quan hệ của những quan niệm của Gurdjieff với Subud (về Subud thì chúng tôi chẳng biết gì hết) trước khi mọi người phải thích nghi với sự hiện diện của cá nhân ông với những người đi theo ông.

Thiên hạ ở Coombe Springs đã từng được tập luyện để thích nghi. Dù sao, họ đã được giáo hóa trong cái truyền thống của sự 'tout est changé' (mọi việc đã thay đổi) trong khoảnh khắc nhận biết được. Thường có những khách bên ngoài đến thăm, và mọi người đều làm việc chung cho đại sự, như sự thăm viếng của Madame de Salzman và lễ cưới của Ann, cô con gái ông Bennett.

Tuy thế, trước kia mọi người đã ứng phó những sự việc có thể xảy ra theo quan hệ của mình. Hầu hết những người đến thăm trước đây là những vị chức cao trong hệ thống tôn ti của Gurdjieff, và do đó được hiểu và tôn trọng theo cái 'raison d'être' (lí do tồn tại) của Coombe Springs, hoặc tối thiểu là những người muốn tìm hiểu và có thiện cảm với lối tu này.

Pak Subuh và những người của ông thì khác hẳn. Điều thứ nhất là họ không chút nào muốn tìm hiểu lối tu Gurdjieff. Thứ hai là họ không dùng bữa cùng chúng tôi trong phòng ăn, như thói quen của phần đông những người đến thăm, mà ăn uống riêng biệt tại cánh nhà phía Tây. Thứ ba là họ chỉ muốn những thức ăn Nam Dương, nên những kẻ làm việc trong bếp phải chuẩn bị hai bữa ăn khác nhau. Vậy, người Hồi giáo không uống rượu nhưng họ lại uống rất nhiều Coca-Cola, những thứ đem tới trong thùng. Thứ tư là họ làm mọi chuyện theo sự thúc đẩy của tâm linh, một cách bất chấp giờ giấc nhưng không khiến ai giận.

Với ông Bennett thì hầu như luôn đúng giờ giấc. Tôi nhớ có lần ông đã quở mắng chị Marjorie bị xui xẻo, vì chị đã không đến đúng giờ buổi họp. Khi chị phản đối thực ra mình không đến trễ, ông đáp lại như vậy là cũng trễ rồi, vì chị đã không cho mình thời gian chuẩn bị.

Những người Nam Dương trong đoàn tùy tùng của Bapak luôn ăn

uống sau Bapak và Ibu; đôi khi lúc chiều ta có thể trông thấy họ đi thơ thẩn quanh vườn mong đợi Bapak đi ăn uống. Tuy nhiên, tôi không có ý muốn nói là Bapak đến không đúng giờ những buổi họp. Ông nhanh chóng thích nghi với những lề lối của Tây phương, và khi phải đúng giờ giấc, như sau này lúc Hội Nghị năm 1959, ông đặc biệt đến đúng giờ.

Ngoài những người Nam Dương còn có hàng loạt những người khác đến Coombe Springs, những kẻ chỉ muốn tìm hiểu Subud và thường có một thái độ chiếu cố thích thú đối với đám người có tinh thần kỉ luật theo lối tu Gurdjieff: họ dọn bữa ăn, rửa chén đĩa, làm sổ sách và hàng trăm những việc khác liên quan tới tổ chức. Tất nhiên là những việc thường làm hằng ngày bị gián đoạn phần nhiều do latihan.

Tôi còn nhớ trong ngày đầu tiên Pak Subuh tới, cô Howard vui vẻ nhận xét về những gì mới xảy ra là “đúng với ý cậu.” Cô muốn nói về việc ai cũng biết tôi là một kẻ có cảm tình với người Á Đông, thích đọc những thánh thư của Đông phương, say mê âm nhạc và lối múa Ấn Độ. Tôi u sầu đáp lại sự vui vẻ của cô. Tôi đã kết giao với nhiều người Á Đông để chỉ nhận thấy hầu hết mọi người chỉ thích kĩ thuật của Tây phương, và thường nhạo báng di sản văn hóa của mình, nếu không phải là họ chẳng biết chút gì về nó. Thậm chí họ hình như chẳng muốn chút nào tìm hiểu những chuyện tâm linh như người Tây phương, và tôi bắt đầu nghi ngờ là Đông phương chẳng có gì ngoài những mảnh vụn của một tri thức xa xưa, thực chất của nó chính người Đông phương cũng không hiểu được.

Tôi nói về tất cả những chuyện đó để cho thấy thái độ không hứng thú và đầy thành kiến hồi đó của mình. Sau này, khi nói chuyện với bạn bè về những ngày đầu tiên đó, tôi nhận thấy nhiều người trong họ đã phải xúc động vì sự xuất hiện của Subud; bản năng đã khiến họ cảm thấy tính chất thiêng liêng của nó, và do đó trước khi được khai mở, trong lòng họ đã nghiệm được một sự kích động nào đó, có những giấc mơ dị kì và sự linh cảm. [Thực ra, tối thiểu có 2 thanh niên đã có những chứng nghiệm rất sâu sắc trước khi được chính thức khai mở. Chỉ mãi sau này tôi mới biết được là ông Bennett đã được Hussein Rofe khai mở vài tháng trước đó. Vậy, đã có một nhóm thanh niên đã theo lối tu tập đặc biệt này mỗi tháng, và rất có thể là những người đã được ông khai mở.]

Nhưng với tôi thì không là vậy. Nếu ai đã đọc những chương trước thì chắc chắn thấy như thế nào tôi đã chịu ảnh hưởng thâm sâu của những quan niệm của Gurdjieff, như thế nào tôi tận tâm với ông và bà Bennett.

Khi nhìn lại chuyện đó, thì dễ dàng thấy được những điều này nọ. Cũng dễ dàng viết được chuyện nhiều người chúng tôi đã bị bế tắc tâm linh; chúng tôi đi đến chỗ nhận biết được sự cần thiết của phương pháp tu của Gurdjieff gọi là The Work, nhưng lại càng lúc càng nhận thấy mình không tiến hành được: chúng tôi cần được sự trợ giúp của bên ngoài. Hiện nay thì tất cả những chuyện đó đã rõ rệt. Nhưng hồi đó tôi chưa nhận thức được sự bế tắc đó.

Trái lại, tôi thấy toàn bộ hệ thống tư tưởng của Gurdjieff rất thỏa đáng, và công việc tu tập của các nhóm là trung tâm cuộc sống mình. Nếu tôi không thể tu tập tiến bộ, không thể nhớ lại mình là ai (theo lối tu đó) thì tôi không nghi ngờ có những người khác đã tìm thấy bí quyết. Thành thật mà nói, tôi cảm thấy ông Bennett đã giấu một lá phé trong tay áo mà ông sẽ chỉ đưa ra, khi chúng tôi đã cố gắng đầy đủ. Chỉ mãi sau này tôi mới bắt đầu hiểu được nỗi thống khổ tâm linh của chính những người mà chúng tôi coi là lãnh tụ, và họ đã khiêm tốn nhìn nhận mình không thể đi xa hơn với khả năng và kiến thức hiện có.

Tôi khinh miệt đám người chợt nhận thấy mình hết phương kế. Tôi hoang mang vì chợt có sự tiết lộ là Gurdjieff đã tuyên bố sẽ có ai đó đến sau mình. Tại sao chúng tôi đã không nghe nói tới điều đó trước kia? Tôi thấy mất thể diện, khi có chính một đệ tử của Ouspensky nói rằng Ouspensky tuyên bố cái hệ thống tu tập của mình không thể thành công được, “trừ phi chúng ta có thể tìm thấy một con đường khai thông được Trung Tâm Siêu Đẳng của Cảm Xúc, và chúng ta đã chưa tìm thấy con đường đó.”

Tất cả những gì tôi nghe nói về Subud khiến mình ngờ vực. Có lời nói bóng nói gió là “latihan” có thể nối kết với Trung Tâm Siêu Đẳng của Cảm Xúc. Điều đó đi ngược lại tất cả những thuyết (của Gurdjieff) về việc 3 trung tâm hạ đẳng phải cùng nhau hoạt động. Sau 7 năm nỗ lực và nghiên cứu, tôi thấy mình khó nuốt được cái quan niệm về sự có thể truyền thụ của ân huệ tâm linh. Điều đó với tôi có vẻ như không chỉ phi thường, mà còn khó thể và thậm chí không thể được.

Đêm chủ nhật tôi phải trở về Manchester, nhưng người ta khuyên tôi hiện giờ đừng nói bất cứ gì cho nhóm Manchester. Tôi đã được nghe những giảng giải của ông Bennett cho một vài nhóm. Sau đó, tôi được phép nói chuyện với các thành viên ở Manchester và cho chạy một băng ghi âm về một buổi nói chuyện giới thiệu của ông Bennett cho các nhóm

ở Hà Lan. Khi nghe ông nói hết điều này tới điều khác, người ta nhận thấy những quan niệm của ông đã phát triển.

Dù sự hoài nghi của mình, những nói chuyện đó có những khía cạnh khiến tôi chú ý. Ông Bennett nói rất nhiều về những vấn đề của Ý Chí và Ý Chí Tự Thân (Self-Will) và đưa ra ý kiến là có rất nhiều những thứ mà chúng ta gọi là “Work”, những nỗ lực của mình, thực ra là do ý chí tự thân. Tất nhiên, đó không là chuyện mới lạ gì với chúng tôi, nhưng những ngôn từ ông dùng hồi đó làm nổi bật cái song đề tâm linh nổi tiếng này: “Làm sao tôi có thể quy thuận ý chí với sức mạnh của chính ý chí?” Hiển nhiên đó là một sự mâu thuẫn về từ ngữ.

Tôi cũng thấy phục tính lương thiện của ông Bennett khi ông ước định tình hình. Tôi rất cảm kích cái khả năng nhìn nhận của ông việc chúng ta thực sự đã chẳng tới được bất cứ đâu, và chúng ta đã chỉ tự lừa dối mình khi nghĩ rằng mình đang tiến bộ. Ông nói rằng mình không nghi ngờ sự chính đáng của những nguyên tắc và hướng đi của lối tu Gurdjieff, nhưng cũng phải có một sự đột biến. Không có gì phải nghi ngờ sự cần thiết của con đường hồi ức tự thân (self-remembering) nhưng không ai trong chúng tôi có thể tự mình hồi ức. Chúng ta cần được trợ giúp, và hơn thế nữa, được trợ giúp bởi một Cội Nguồn Siêu Đẳng. Theo ông, sự “khai mở” trong Subud chính là sự khai thông cho cái Cội Nguồn Siêu Đẳng đó. Điều ông cho thấy, nhất là đối với những ai theo Gurdjieff, là lối tu Subud có thể giúp cho lối tu của họ, và không có sự chuẩn bị nào tốt hơn cho lối tu đó ngoài tất cả những gì chúng tôi đã học hỏi.

Tôi không thể không phục những luận cứ đó. Theo tôi nghĩ, tất cả chúng tôi, không ít thì nhiều, đều biết rằng mình cần được trợ giúp. Nếu là vậy thì tôi đã nghĩ sai lầm về Pak Subuh, vì cho rằng ông sẽ dạy cho chúng tôi một phép tu cực kì thần bí, ông thực ra sẽ cho thấy lá phé mà tôi thường nghĩ là được cất giấu trong tay áo ông Bennett.

Mọi việc xảy ra như thế nào đó khác với những gì tôi mong chờ. Tôi nhận được một bức thư của ông Bennett cho hay là ông đã nói với Pak Subuh về tôi, và đề nghị tôi nên có mặt tại Coombe Springs lúc cuối tuần cùng với những tối Thứ Hai và Thứ Năm nếu có thể, khiến tôi biết chắc được lối tu mới mẻ đó.

Tất cả những gì trong buổi cuối tuần đó, trừ một buổi tối Thứ Hai là cao điểm, đã lu mờ trong kí ức tôi. Tôi chỉ có thể nhớ lại là lúc nào đó

buổi chiều Thứ Hai có khoảng 15 người nam tụ họp trên lầu nơi phòng làm việc của ông Bennett, trước khi được “khai mở”. Ông nói đại lược những điều dẫn nhập. Chúng tôi phải cởi giày, ca vát và đồng hồ đeo tay. Chúng tôi chỉ việc đứng và cho cảm xúc mình được thông mở. Nếu nghiệm thấy những động tác khởi phát trong thể chất, chúng tôi không được chống cự mà chỉ việc tuân theo. Chúng tôi không được cố gắng kiềm chế những liên tưởng trong đầu óc, mà chỉ việc để cho nó tự do thơ thẩn, không bị cưỡng ép.

Đoạn 2

Chúng tôi xếp hàng đi xuống phòng ăn dưới lầu, nơi sàn nhà trải một vài tấm thảm mới và màn cửa được kéo xuống. Chúng tôi được cho đứng hầu như thành một vòng tròn. Pak Subuh đã có mặt trong phòng với một vài người Nam Dương. Tôi còn nhớ là có một mùi rất tinh thính, điều tôi chưa từng nghĩ thấy trước đó.

Pak Subuh nói một vài lời bằng tiếng Nam Dương được ngắc ngứ thông dịch bởi một trong những người phụ tá Nam Dương. Ông nói điều gì về sự đích thực phụng thờ Thượng Đế, về con đường của Subud là chúng ta không nên dùng tư tưởng cho thiên định mà chỉ việc tiếp nhận. Kế đến là “Hãy nhắm mắt và chúng ta bắt đầu.”

Hầu như ngay lập tức một số người bắt đầu ca hát một cách kì dị. Họ đọc lập ca hát nhưng điều đó lại ăn khớp với nhau một cách lạ lùng. Những kẻ ca hát có vẻ như đang chuyển động quanh phòng. Một kẻ nào đó bắt đầu cầu nguyện trong một ngôn ngữ mà tôi đoán là tiếng Ả Rập. Lời nói “Akbar Allah” được lặp đi lặp lại nhiều lần. Nhưng nếu chỉ lớn tiếng cầu nguyện như điều ta nghe thấy từ một thầy tu Hồi giáo hay muezzin thì như vậy sẽ khiến mình có một cảm tưởng sai lầm. Lời cầu nguyện có vẻ như thốt ra từ nơi thâm sâu nhất của bản chất, như kẻ cầu nguyện bị đau đớn vì hối hận, buồn phiền và sự nài nỉ van xin. Điều đó có một tác động rất mạnh đối với cảm xúc, nên tôi bắt đầu cảm thấy rất nhỏ bé và hoàn toàn đáng khinh. Cùng lúc đó, tôi bắt đầu cảm thấy sợ hãi và rất căng thẳng. Nơi cuối phòng khác, một kẻ bắt đầu khóc lóc như mình sắp bị nổ tung thành hai phần. Một kẻ khác thì bắt đầu cười, như vì một trò cười thú vị nhất trên thế giới. Những kẻ khác nữa thì đang chuyển động đây đó rất nhanh, nếu xét theo sự thờ hỗn hỗn và những

bước chân trên sàn nhà của họ.

Tập càng lâu, tôi càng căng thẳng, khiến tôi giữ chặt lấy bản thân mình, cương quyết chống lại bất cứ gì có thể xảy ra. Chợt nhiên tôi nghe thấy nói “Xong rồi!” và sự huyền não ngưng lại. Tôi mở mắt ra và trông thấy 6 hay 7 người bạn mình đang đứng như mình, trong khi những người khác thì hiển nhiên đang chuyển động đây đó. Nửa tiếng đồng hồ đã trôi qua.

Tôi đi đến cánh cửa kế bên để mang giày và mặc áo vét tông. Một anh bạn tìm cách bắt gặp cặp mắt tôi với một cái nhìn dò hỏi. Tôi nhanh chóng thu thập đồ đạc và đi xuống trạm xe lửa để trở về London. Có 4 người trong chúng tôi đến tập ngồi chung một toa xe, nhưng không ai nói lên lời nào.

Tôi đến London lấy một xe lửa chạy lúc khuya từ Euston tới Manchester, trong xe tôi có một nơi cho riêng mình để xét lại những cảm xúc của mình. Tôi cảm thấy xôn xao. Tôi không hề nghi ngờ là mình đã hiện diện trong lúc có một cái gì rất đặc biệt. Tôi không hề nghi ngờ là có sự hiện diện của một sức lực rất mạnh, nhưng những gì tôi cảm thấy thì rất ô hợp và rời rạc. Trong đầu óc tôi nổi lên rất nhiều câu hỏi. Tại sao lại ca hát? Cái gì khiến cho có những lời cầu nguyện bằng tiếng Ả Rập? Tại sao thiên hạ chuyển động đây đó? Động lực nào khiến chuyển động? Cái sức mạnh mà chúng tôi khai thông là gì? Cái chúng tôi tiếp nhận được là gì?

Suốt đêm những câu hỏi đó trở đi trở lại trong óc não tôi. Những gì tôi cảm thấy hỗn độn tới nỗi tôi không biết cái gì khiến mình lo âu nhất. Nhưng có một điều khiến tôi không bình ổn lại được. Toàn bộ lối tu tập đó có vẻ như trái ngược lại tất cả những gì mà chúng tôi đã học hỏi ở những phương pháp Gurdjieff.

Không biết đã bao nhiêu lần rồi chúng đã cố gắng định thần, ngồi khoanh chân trên sàn nhà, chăm chú nhìn một điểm duy nhất, không để cho mắt mình lơ đãng, không cho phép mình vô tình cử động. Như thế nào đó tôi đã tin chắc lối tu Subud phải là lối tập định thần, nhưng hiển nhiên nó không là vậy.

Định thần! Định thần! Định thần! Tôi không biết từ ngữ đó đã bao nhiêu lần được dùng trong hệ thống Gurdjieff. Chúng tôi cố gắng phân chia sự định thần, luyện tinh sự định thần. Chúng tôi quán xét bản thân mình bằng cách hỏi: “Hiện giờ sự định thần của tôi ở đâu?” Chúng tôi

hỏi cách gia tăng sức mạnh sự định thần. Chúng tôi đặt rất nhiều trọng tâm nơi cái sức mạnh đó chỉ vì điều này: nó được coi là phương tiện quan trọng và kiệt xuất nhất cho phép tu gọi là The Work của Gurdjieff.

Rất có thể là tôi đã lầm lẫn về chuyện đó, nhưng nhiều người khác cũng hiểu biết như vậy, như trường hợp sau đây. Một chị bạn của tôi (Dinah Day) đến Ấn Độ gặp một vị guru dò hỏi chị: “Phép tu The Work dùng để làm?” Chị đáp: “Định thần.” Khi chị kể lại chuyện đó cho ông Bennett, ông tự ý thêm vào: “Hoàn toàn sai. Cô đã khiến người ta có cảm tưởng sai lạc về lối tu của chúng ta. Tôi là sự định thần của tôi.” Nếu chị đã lầm lẫn coi sự định thần là một “phương tiện,” tôi nghĩ là phần đông chúng tôi cũng hiểu như vậy.

Dù là gì đi nữa, tất cả các phương pháp và động tác của phép tu Gurdjieff đều có tính chất kiểm chế, định đoạt, cân nhắc suy nghĩ, nhưng latihan của Subud hình như là phản đề của điều đó.

Tất cả những ý nghĩ đó khiến tôi rất khổ sở. Coombe Springs và tất cả những gì nó đại diện cho đã là một phần của bản chất tôi. Tuy có những nhiệm vụ cực nhọc, nhiều cái còn có vẻ lối bạch, và việc thường tới đó thật bất tiện và tốn kém với tôi, nhưng tất cả những chuyện đó chẳng đáng gì. Nó là một hòn đảo của hy vọng, một nơi chốn mà cuộc sống có trọng điểm và ý nghĩa trong đại dương của những sự phi lí, nghịch lí và hỗn độn.

Tới nay thì cái hòn đảo đó đã biến thành gì? Ông Bennett đã mất hết lương tri? Nhưng còn những đệ tử độc lập khác của Gurdjieff thì sao, những nhân vật như Bissing, Wolton và Hoare? Họ tất cả đều là môn đồ của Gurdjieff, đồng môn của Ouspensky, những người coi sự lừa dối chính mình là kẻ thù không đội trời chung. Tất cả đã bị lừa gạt?

Tôi không giải đáp được những câu hỏi của chính mình, và khi đi ngủ lúc sáng sớm, tôi nhận thấy mình rất có thể sẽ làm điều này là cắt đứt quan hệ với ông Bennett và Coombe Springs.

Những ý nghĩ ngày hôm sau của tôi trở nên kém bi thảm và kém quá cảm hơn. Thiên hạ ở Manchester đã nghe nói đôi điều về Subud cho tới lúc đó, nhưng tôi quyết định không nói gì thêm. Dù sao, tôi không muốn ảnh hưởng tới những người ở Manchester. Trong vòng một tuần, tôi thấy mình một lần nữa lại đến Coombe Springs.

Lần này thì tôi không còn thấy sợ latihan như trước. Tương đối có ít tiếng ồn ào, và thay vì sợ hãi tôi thấy buồn chán. Tôi chỉ bước đi hết bước này tới bước khác, nhưng chẳng có gì xảy ra. Tiếp theo cái đó là một tâm trạng hoài nghi, điều tạo thêm một tâm trạng cấu kính, muốn gây hấn.

Sáng Chủ Nhật hôm đó Pak Subuh có một buổi nói chuyện cho những người phái nam đã được khai mở. Đây là lần đầu tiên nhiều người chúng tôi gần cận trông thấy Pak Subuh và nghe ông nói. Husein Rofe, nhân vật người Anh đã học hỏi với Pak Subuh ở Nam Dương và khai mở cho ông Bennett và những vị trưởng bối khác, là người thông ngôn.

Giọng nói của Pak Subuh thật du dương và cách phát âm thật trong rõ. Việc đó là tối quan trọng với tôi, vì tôi đã đọc đâu đó là một vị "Chân Tu" thì luôn có một giọng nói êm ái, và tôi cũng tin chắc là không có một nhân vật tâm linh cao nào mà lại có thể ăn nói luộm thuộm. Ngôn ngữ Nam Dương, tối thiểu với lỗi tai tôi, cũng rất khiến say mê.

Tôi lập tức thấy cảm phục sự thanh thản của Pak Subud, điều có vẻ như dễ dàng và không tính toán. Dù sao đi nữa thì đó cũng là thứ gì khác biệt với những gì chúng tôi thường luyện tập. Còn buổi nói chuyện thì khác hẳn với bất cứ những gì tôi nghe thấy trước đây. Nó hiển nhiên khác rất nhiều với những gì tôi nghe ông Bennett nói, những điều phần nhiều là những sự phân biệt tinh tế về tâm lí. Pak Subuh giảng giải nhưng lại không hoàn toàn là sự giảng giải. Trước hết, đó là những gì áp đặt bằng quyền lực, đúng hơn có thể nói là những sự công bố.

Chẳng hạn, giảng giải về danh từ Subud là sự viết tắt của 3 danh từ Susila, Budhi và Dharma, ông nói: "Susila nghĩa là lối sống chân chính theo Ý Thượng Đế, Budhi là cái sức mạnh cư ngụ trong chân tâm con người. Dharma nghĩa là quy thuận và chân thành chấp nhận Thượng Đế."

Nhưng những điều nói đó không giải thích cho tôi thấy latihan là tác động của cái sức mạnh đó, hay sự quy thuận nó là sự quy phục Ý Thượng Đế. Khi ông nói những điều như "Các đồ đạc vật chất bị bao bọc bởi một sức mạnh có thể ảnh hưởng tới tâm can con người," tôi cảm thấy, Đúng quá! Chúng ta là những cơ chế phản tác lại môi trường, và có lẽ các đồ đạc vật chất bị một sức mạnh bao bọc, nhưng điều đó thì tôi không biết. Pak Subuh cũng nói rằng tác động của latihan chỉ có thể nghiệm được,

khi tâm trí và dục vọng ngưng hoạt động, và thúc giục những ai đã nghiệm được thì đừng lấy thế làm tự mãn, những ai chưa nghiệm được thì phải kiên nhẫn. Ông nói rằng sự quan trọng đích thực của lối tu này hiện nay chúng ta chưa thấy được, nhưng chúng ta dần dần sẽ hiểu được khi tiến bộ.

Trong lúc mọi người được đặt câu hỏi, có ai đó hỏi một điều đã khiến tôi thắc mắc. “Chúng tôi có sự định thần của mình. Chúng tôi phải làm gì với sự định thần trong lối tu tập này? Tôi đã hiểu là chúng tôi không nên đưa nó về một hướng nào đó hay thiên định, nhưng như vậy vẫn còn vấn đề là chúng tôi phải làm gì với sự định thần của mình?” Điều đó được thông dịch và Pak Subuh đáp rằng anh không nên lo ngại về chuyện đó, mà chỉ việc tuân theo tác động của lối tu tập này. Theo tôi nghĩ, cả Rofe lẫn Pak Subuh đã không thực sự hiểu câu hỏi, hay đúng hơn, họ không quan tâm tới vai trò tâm lý của sự định thần, mà chỉ là việc tạo nên trong đầu óc một thái độ giúp người ta tiếp thu được latihan.

Tôi lên tiếng nói rằng thành thật mà nói thì tôi nhận thấy cuộc luyện tập đầu tiên của mình thật khủng khiếp. Làm sao có thể biết chắc được mình đang khai thông cho một sức mạnh siêu đẳng, mà không là hạ đẳng? Khi phần đầu câu hỏi được thông dịch, Pak Subuh nhìn qua phía tôi cười khúc khích, trong khi những người đang có mặt khác phá lên cười, và cho tới nay tôi không thể nhớ lại được những gì ông nói sau đó. Tôi không thể không bị lây bởi tính hài hước của Pak Subuh. Nhưng trong khi tôi vui thích muốn cười, cái phần một nửa kia của tôi lại bị phật ý và than trách: “Ông không trả lời các câu hỏi. Ông không trả lời các câu hỏi.”

Trong những lúc còn lại của ngày hôm đó, tôi trò chuyện với nhiều bạn bè mình, chỉ để nhận thấy đã có rất nhiều sự thay đổi đã xảy ra trong chỉ một tuần. “Victor, bạn nghĩ thế nào về buổi nói chuyện?” Anh ngắt lời tôi rồi đi mất. “Nhưng bạn đã nghiệm gì được không trong latihan?” một kẻ khác hỏi. “Cũng như tất cả các bạn” tôi vội vã đáp. Một anh bạn thứ ba mà tôi thấy có cảm tình với mình. Không ai trong chúng tôi đã nghiệm thấy bất cứ gì, và cả hai chúng tôi đều ngạc nhiên nhận thấy là phân nửa bạn bè mình có vẻ như đã chịu ảnh hưởng của Subud và chấp nhận nó. Họ đã bỏ rơi Gurdjieff? Họ có thể nhanh chóng đánh mất những khả năng phê phán của mình đến như vậy sao? Chúng tôi đang chuyện trò trong chiều hướng đó thì cô Howard (sau này là bà Bennett) bước vào phòng. “Tôi biết cậu cảm thấy như thế nào”, cô nói. “Tôi đã tập 3 cái latihan và sau đó tôi nói với ông B, tôi không thể tiếp tục theo tập thứ này.” “Cứ thử thêm một lần nữa,

ông nói. Và lần này thì lại được.” Tôi lấy làm thương hại cho cô.

Tôi chưa từng là kẻ tài giỏi che đậy, và cho tới lúc này thì dù muốn dù không nổi thống khổ của mình bắt đầu tự nó truyền qua nhóm Manchester. Tôi cảm thấy hãnh diện họ là một nhóm. Dù sao, tôi tự an ủi mình, không ai có thể lừa bịp những người miền Bắc ương ngạnh này. Trong khi tranh luận với họ, tôi vẫn không nói bất cứ gì về Subud, nhưng thực sự đã khuyến khích cái tính hoài nghi thiên bẩm và nuôi dưỡng quan điểm độc lập và phê phán của họ. Khi một người trong họ, một kẻ tập thói miên, cam đoan tôi là một nhân vật khó cứng cổ nhất, tôi lạnh nhạt thấy hơi an ủi vì điều anh nói.

Dù sự gia tăng chống đối của mình, tôi vẫn còn đến Coombe Springs, bất cứ dịp nào có thể, thường phải chi đến 5 pounds cho một chuyến đi tập latihan lúc tối. Tâm trạng tôi càng lúc càng rầu rĩ và là của một kẻ muốn nổi loạn. Trước kia tối thiểu là bỏ tiền ra mình lấy lại được cái gì đó. Bây giờ thì lại theo một lối tu tập quái đản mà mình chẳng nghiệm được gì hết ngoài sự buồn chán và bức tức. Hơn nữa, tôi thấy hình như mình đang chứng kiến sự tiêu tan của tất cả những gì mình cho là quý báu nhất trong 4 năm qua.

Bởi mọi việc đã bắt đầu chuyển biến một cách hết sức nhanh chóng. Trong vòng vài tuần có hơn 400 người được khai mở, phần nhiều là những đệ tử của ông Bennett, nhưng cũng có vài môn đồ độc lập lớn tuổi của Gurdjieff và Ouspensky, cùng với một số những người đi tìm đạo khác. Cũng có những kẻ đến để chữa bệnh, vì họ nghe nói là tập latihan đôi khi có thể tác động tới sức khỏe của thể chất.

Phòng lớn gồm 9 cạnh đã được xây cất nhưng chưa xong hẳn, nên một túp lều tạm thời được dựng lên tại một nơi khác trên mặt đất. Như vậy thì có thể chứa khoảng 30 người trong một lúc. Tuy nhiên với số người đó, những buổi tập lúc tối thường xảy ra từ 8 tới 12 giờ đêm. Đồng thời những nhóm theo lối tu The Work vẫn tiếp tục tập luyện và tham dự những buổi đàm đạo mỗi Chủ Nhật. Subud chỉ là cái gì có thêm cho những lễ thói nhọc nhằn hằng ngày.

Trong vòng chỉ vài tuần người ta bắt đầu thấy rõ những phản ứng của thiên hạ đối với Subud. Có những kẻ đã bị sốc rất nặng và vội vàng ra đi. Có những kẻ, họ chẳng nghiệm được gì hết, vẫn còn gan lì lưu lại, mà đôi khi họ châm chọc và phê phán Subud. Nhưng phần đông thiên hạ không những đã nghiệm được mà còn coi những gì nghiệm thấy là điều quan trọng nhất trong đời mình. Nói là họ vui sướng thì cũng không đúng hẳn.

Chính ông Bennett cũng có vẻ như đang đi trên mây. Khuôn mặt ông rõ rệt tỏ niềm hân hoan, như mình đang trong một trạng thái kích động của nội tâm. Thực vậy, cái hiện tượng đó là thường tình đối với những ai đã nghiệm được. Có lần tôi nghe ông nói: “Hôm nay là ngày sinh nhật của tôi. Tôi nghĩ mình là kẻ chuẩn bị cho những người khác, nhưng không ngờ mình thấy được một điều như vậy trong đời mình.”

Đoạn 3

Có lần, khi chúng tôi đi ra ngoài vườn sau một buổi latihan, ông hỏi tôi: “Cậu có cảm thấy gì không?” Tôi chưa nói cho ông hay thì ông đã đi mất. Làm sao hiểu được sự càng lúc càng nóng vội của ông? Tôi bắt đầu cảm thấy giận ông, như chính ông phải chịu trách nhiệm về nỗi thống khổ của tôi. Tôi không thể không nói cho ông hay điều đó, khi ông vào phòng để đồ ăn, nơi một số người trong chúng tôi đang rửa chén đĩa. “Đây này” ông đáp “cậu Christopher cũng đã theo tập, và khi đi về cậu ấy hoàn toàn tin là tôi khùng.” “Cháu cũng nghĩ là bác khùng”, tôi nói. Ông chỉ cười.

Mọi người đã cười. Tôi đi hết chỗ này tới chỗ khác như một con ong cẩu kính, châm chích những bạn bè bất hạnh của mình. Họ cười. Một vài người bắt đầu kể cho tôi về những chứng nghiệm của họ. Tất nhiên điều đó không thể không khiến thích nghe, vì chúng tôi đã quen biết nhau trong nhiều năm. Tôi đặc biệt nhớ tới những gì một anh kĩ sư trẻ kể, một kẻ đến thăm Coombe Springs từ Norfolk, khi anh còn là sĩ quan trong quân đội. Anh là một người trầm lặng, với những lời nói rõ và nhanh, rất có khiếu kĩ thuật và một thiên tư lãnh đạo. Anh đã giúp rất nhiều trong công việc xây cất tòa nhà 9 cạnh, và nhiều người thích làm việc dưới sự chỉ huy của anh.

Tôi nhận ra chính anh là kẻ đã khóc lóc thảm thiết, ngay trong cái latihan đầu tiên khi cả hai chúng tôi được khai mở. Tôi đặc biệt thích nghe những gì anh kể, vì hồi đó tôi không mấy tin bất cứ ai đã nghiệm thấy động tác: tôi cảm thấy đó chắc là những gì giả mạo và tự tạo. Tôi quyết định mình sẽ không cử động vì bất cứ gì, nếu không thấy rõ là lối tu tập đó khiến mình cử động. Anh kĩ sư đó kể cho tôi là anh đã cảm thấy một sự thúc đẩy trong lòng, trước hết theo cách này rồi cách khác, cho tới khi anh ngã xuống đất. Rồi anh bắt đầu khóc, nhưng là “cái khóc

không cưỡng nổi.” Trong suốt lúc đó anh chỉ việc theo dõi những gì đang xảy ra, và hiển nhiên là anh phải để cho xảy ra, mà không thể làm cho ngưng lại bất cứ lúc nào.

Những chuyện đơn sơ như vậy của bạn bè mình không thể không khiến tôi cảm phục. Sự kiện có sự tác động của một quyền năng nào đó là điều không thể chối cãi. Chính hiệu lực của tác động càng lúc càng khiến tôi quan tâm.

Pak Subuh có thêm nhiều buổi nói chuyện. Ông nói đi nói lại latihan là một “ân huệ,” một đặc ân của Thượng Đế. Theo giải thích của ông, một quá tình thanh lọc đã được làm cho hoạt động sẽ tự tiến hành khiến tất cả các lỗi lầm sẽ được loại trừ. Nội dung chính của tất cả những gì ông nói có vẻ như trái ngược với những tín ngưỡng của tôi.

Làm sao có thể loại trừ các lỗi lầm mà không hết sức kiên trì và tiếp tục nỗ lực? Pak Subuh nói đi nói lại về sự “quy phục” và “quy thuận” Ý Thượng Đế, về việc chúng ta không thể hiểu được lối tu tập này với trí óc nhưng nhất định nó sẽ đúng lúc đem mình đến sự chân thực phụng thờ Thượng Đế. Nhưng tôi tự hỏi mình, quy phục trong latihan cũng y như quy phục Ý Thượng Đế?

Tôi không chỉ là kẻ duy nhất thắc mắc. Vài người đã bỏ đi, trong đó có vài vị là những người đại diện cho và thân nhất của ông Bennett. Các bạn bè thân của tôi, đa số là thanh niên, thì có những ý kiến khác nhau.

Tôi tiếp tục khoảng 6 tháng nữa thì tới lúc kỳ nghỉ việc hằng năm của mình. Sự xuất hiện của Subud đã làm đảo lộn tất cả những dự định cho một kỳ nghỉ mệt tại lục địa, nên tôi có ý đến nghỉ một tuần tại bờ biển miền Nam. Tôi lấy làm vui về những diễn biến đã xảy ra, khiến mình không hân hoan mong đợi kỳ nghỉ mệt của mình.

Tôi lái xe tới London tạm dừng lại tại đó để thăm những người bạn thân của mình là John và Mellie Pensenay tại căn hộ Hampstead của họ. Tại đó cũng có hai nhân vật khác là những kẻ đã thụ đạo với ông Bennett trong nhóm chúng tôi. Chúng tôi đặc biệt hiểu biết nhau khá nhiều. Tất cả những người đó đã bắt đầu nghiệm được cái gì đó của latihan.

Tâm trạng tôi trở nên hưng hăng và chẳng mấy chốc tôi đặt mình vào thế công kích. Đại loại tôi nói những điều này: “Các bạn đừng hiểu lầm

mình, mình không có ý tranh cãi về những thuật ngữ tôn giáo. Đâu có gì là khó khăn khi quan niệm cái 'Tôi' hay 'chủ nhân của nội tâm' phải quy phục Ý Thượng Đế. Nhưng các bạn có biết mình đang làm gì không? Các bạn có hiểu được cái sức mạnh mà mình phục tùng? Làm sao các bạn có thể biết được sự quy thuận trong latihan là phục tùng Ý Thượng Đế?" Tôi lập đi nói lại theo cái chiều hướng đó.

Các bạn bè tôi nghe tôi nói và họ cười. Họ hiển nhiên rất có thiện chí với tôi khiến tôi không thể không cảm phục sự nhẫn nại của họ. Họ không tranh chấp những quan điểm của tôi nhưng cũng không tìm cách sửa sai tôi. Cuối cùng tôi nói: "Vấn đề là thế này: tôi đúng và tất cả các bạn đều sai. Ngược lại, tình trạng tôi là tiêu cực, và tất cả các bạn là tích cực."

"Tonio, như vậy thì càng tốt," Mollie đáp. "Dù sao thì bạn cũng luôn trung thực."

John nói thêm một điều, hồi đó tôi chưa hiểu được, sau này cho thấy rất có ích. "Mình nhận thấy nếu tìm cách khai thông, sự tập luyện của mình bị chậm lại. Phải ngay cả cũng đừng tìm cách làm bất cứ gì."

Tất nhiên tôi đã tìm cách khai thông. Sau cú sốc ban đầu, tôi đã làm tất cả những gì có thể để đặt mình trong trạng thái đúng cách tiếp nhận được. Tôi rất muốn nghiệm được, và điều đó chắc chắn đã làm tổn thương lòng tự ái của mình, khi tôi nghĩ rằng mình trì độn hơn và kém nhạy cảm hơn những người khác ở Coombe.

Buổi tối hôm đó tôi đi tập latihan cương quyết đây sẽ làm lần cuối. Subud có thể có ích cho vài người, nhưng tôi không tin nó là con đường mình sẽ theo. Đầu óc tôi trong tình trạng hoài nghi đến nỗi tôi quyết định lần này mình sẽ mở mắt nhìn thấy những gì đang xảy ra.

Vài phút sau khi latihan bắt đầu, tôi làm theo những ý định của mình. Một kẻ đứng đối diện tôi đang xoay tròn đầu và vai một cách rất nhanh. Một kẻ khác quỳ trên sàn nhà, cánh tay có những điều bộ giản dị và ngoạn mục. Về phần Pak Subuh, ông chỉ việc đi đây đó hút một điếu xì-gà, thỉnh thoảng dừng lại trước mặt một kẻ nào đó. Đột nhiên Icksan Ahmed đứng trước mặt tôi. "Bạn nhắm mắt lại," anh mắng nhỏ. Ngay sau khi nhắm mắt lại, tôi nghe thấy anh hát: "Allah, Allah, Allah!" và lập tức một sức rất mạnh đổ xuống như trận mưa bên trong và chung

quanh tôi. Lưng tôi cong về phía sau và phía trước, rồi lại phía sau, một cách rất nhanh chóng, mãnh liệt tới nỗi tôi bị mất thăng bằng ngã trên sàn nhà. Khi nằm tôi có thể cảm thấy cái sức mạnh đó dâng trào và lắng lư xuyên qua cơ thể mình. Tôi nghĩ chắc là mình đang cười. Tất cả những sợ hãi của tôi tức khắc tan biến.

Khi tập xong latihan, tôi đến căn nhà chánh yếu cùng với những người khác dùng trà tại phòng bếp. Tôi vẫn còn cảm thấy được nơi bản thân sự hiện diện của cái năng lực sinh động đó và thấy hân hoan mà lại vô tư. Nhưng trong lòng mình tôi vô cùng sung sướng.

Cái trạng thái của tôi lúc đó không xa lạ gì với mình; trái lại, nó rất quen thuộc. Thậm chí cho tới nay tôi có thể nhớ lại hương vị chén trà mình uống. Tôi đi đến phía sau nhà bếp lấy một quả cà chua, và hình như tôi có thể nhớ lại vị của trái cà chua. Tất cả các giác quan của tôi trở nên sâu sắc bén nhạy. Trong lòng mình, tôi cảm thấy rất thoải mái và thanh thản.

Sự trải qua của cái trạng thái đó tương tự với những gì tôi nghiệm được trong nhiều dịp, sau khi cố gắng rất nhiều tập luyện những điều về động tác và tâm lí (của lối tu Gurdjieff). Nếu có sự khác biệt nào thì đó là chỉ là về cường độ và sự dễ dãi của những gì cảm nhận được. Nhưng dĩ nhiên sự khác biệt chánh yếu là về nguồn gốc. Thông thường thì cần phải có sự cố gắng và thời gian, sự tranh chấp giữa “có” và “không có”, giữa xác nhận và phủ nhận trước khi cái sức mạnh dung hòa hiện diện. Mặt khác trong latihan tôi đã được khiến cho cử động bởi một sức mạnh huyền bí nằm ngoài sự lĩnh hội của mình, và cảm thấy sự tràn ngập của một năng lực sinh động.

Cặp mắt tôi chắc đã lóng lánh và khuôn mặt thì hồng hào, bởi khi tôi đến trò chuyện với một vài người bạn mình, họ lập tức nói: “Có chứ, chúng tôi thấy được như vậy.”

Ngày hôm sau, tôi hoãn lại việc mình đến bờ biển miền Nam, để mong gặp Icksan nói chuyện với anh. Lúc sắp trưa tôi tìm thấy anh đang ngồi đọc báo. “Anh còn nhớ đến tôi không?” tôi hỏi.

“Nhớ chứ,” anh đáp miệng mở rộng cười. Chúng tôi đến vườn hoa hồng ngồi trên một chiếc ghế dài. Tôi hỏi anh làm sao anh đã đến phía tôi trong latihan; anh đáp là mình đã được lôi kéo. Tôi cũng hỏi anh tại sao đêm đó mình lại nghiệm được, nhưng trong 6 tuần trước đó thì

không. Anh chỉ nói rằng lúc đó tôi đã được “khai thông”. Tôi nghĩ chuyện đó khá quái lạ vì cái tình trạng cực kì hoài nghi của đầu óc mình, nhưng sau đó lại thấy được ngay lúc đó mình không quan tâm tới gì, và cũng có thêm nhiều dịp khác trong đó tôi đã nghiệm được ngay lúc mình không mong muốn và quan tâm tới gì.

Tôi không đích xác nhớ lại được buổi trò chuyện đó, bởi một trong những điều đó là Icksan hoàn toàn không nói tiếng Anh khá. Anh chỉ nói: “Tôi nói Allah, Allah! Như tôi nói Lạy Chúa, Lạy Chúa!” và khi đang ngồi tôi bắt đầu cảm thấy trở lại những rung động của lối tu tập này trong lòng mình. Anh cũng nói về pembersihan hay sự thanh lọc, và làm một số trắc nghiệm. Thực chất của những gì anh nói là latihan sẽ làm sống lại và khiến trở nên thanh khiết một số dụng cụ của nội tâm. Việc anh làm những trắc nghiệm đó như thế nào thì tôi không thể nói lại ở đây, nhưng hình như sự nhạy cảm của anh đã khiến anh hiểu biết được rất nhiều điều hoàn toàn vượt ngoài giác quan và trí tuệ.

Icksan là một người bè bè chắc nịch, vui tính khoảng 30 tuổi, một người thích đá vung một trái banh và nghe âm nhạc êm dịu. Trong buổi trò chuyện ngắn ngủi cùng anh, tôi đi đến kết luận là anh vượt xa những môn đồ cao cấp nhất của Gurdjieff mà tôi quen biết. Trong những vị đó có rất nhiều những vị trí tuệ lỗi lạc đạt được những thành tích mà Icksan thiếu thốn, nhưng anh lại tiếp cận được với một cội nguồn tri thức làm cho trí tuệ cao siêu nhất trở thành nô na.

Kỳ nghỉ của tôi tại bãi biển miền Nam chỉ đáng nói tới vì một điều duy nhất, và đó là sự vô cùng vui thú được dùng cặp mắt mình. Mấy tiếng đồng hồ liên tiếp tôi say mê để ý nhìn mặt biển tỏa ánh sáng lung linh.

Sau một tuần, tôi trở về Coombe Springs, háo hức đi tập latihan, tự hỏi không biết mình sẽ nghiệm được gì nữa không. Đó là lúc khởi đầu của một Xêmina lần thứ hai trong mùa hè. Có nhiều người đến từ nước ngoài và các tỉnh, kể cả những nam và nữ từ Manchester.

Tôi quả thực đã nghiệm được latihan, nhưng theo một cách khác hẳn. Lần này thì toàn thể thân tôi xoay tròn qua bên phải rồi bên trái, trong khi cánh tay mình vung ra như đồ đập lúa trong vài phút, trước khi mình bị khiến cho nằm trên sàn nhà.

Những cử động đó kéo dài không bao lâu, chỉ khoảng 10 phút. Nhưng

mỗi lần tiếp tục tập thì có sự tiến bộ, sự khác nhau của các động tác và sự gia tăng của thời gian cảm nhận được trước khi, có thể nói vậy, tôi bị khiến cho nằm dài trên sàn nhà và chẳng còn gì xảy ra nữa.

Tôi phải nói rằng tới lúc đó thì toàn bộ những cảm nghĩ của mình về Subud đã thay đổi. Tất nhiên là tôi vẫn còn nhiều điều muốn hỏi. Nhưng hầu hết hứng sự giảng giải và những điều muốn hỏi đều chẳng có gì phải khiến thắc mắc. Vì chính mình đã nghiệm được nên tôi không còn quan tâm tới việc muốn diễn đạt chứng nghiệm của mình với bất cứ ngôn từ nào. Tôi vẫn chưa hiểu được đó có là hay không sự “phục tòng Thượng Đế”, sự “thanh lọc” hay tác động của trung tâm siêu đẳng của cảm xúc. Tôi không dung thứ cho bất cứ cách diễn đạt nào bằng lời nói. Không có cách diễn đạt nào đúng hẳn với cái chứng nghiệm đó. Điều này cũng đúng với những gì tôi đang viết. Tôi có thể diễn tả những biểu hiện, nói bóng nói gió về sự thay đổi của các trạng thái, nhưng không thể truyền đạt bằng ngôn từ hay du nhập những chứng nghiệm khác để so sánh. Tôi chỉ thâm sâu cảm thấy sự chính đáng của nó, và đó là điều mà tôi cần. Nhưng tất nhiên tôi còn cảm thấy có gì nhiều hơn nữa.

Những người bạn miền Bắc cứng đầu, có óc độc lập và phê phán của tôi đã không khiến tôi thất vọng. Nhiều người trong họ đã mãnh liệt nghiệm được lần đầu theo tập, nhưng phần đông thì trong tuần tiếp theo. Tuy nhiên, có hai anh bạn bị sốc trong lúc latihan và hoang mang vì những gì Husein Rofe giải đáp cho những câu hỏi của họ. Sau này, tôi thỉnh thoảng gặp một người trong họ tại Manchester. Hình như anh đã nghĩ rằng ông Bennett cùng tôi thuộc một môn phái thần bí nào đó, rằng chúng tôi dùng máu của hồn vía những kẻ khác cho những chuyện kinh tởm. Và Pak Subuh là kẻ điều chỉnh làn sóng của lối tu tập này!

Còn anh bạn kia thì bị sốc vì Rofe đã giải đáp những điều khiến thắc mắc về sự tinh khiết của tính dục. Trong những điều đó có chuyện Rofe khuyên dặn tránh giao hợp với một người đàn bà lành những tình dục, vì người đàn ông không chỉ phải tiêu trừ những lỗi lầm của người đàn bà, mà còn cả những cái không tốt đẹp của tất cả những người đàn ông mà người đàn bà đã ăn ngủ với!

Theo tôi thấy, Rofe là một người ngay thẳng và rất chân thật khiến có cảm tình. Dù sao, hai anh bạn đó không còn theo tập cùng nhóm chúng tôi nữa, và tiếp tục nghiên cứu những quan niệm và pháp môn của Gurdjieff một cách độc lập. Điều này thật đáng tiếc, vì tôi cảm thấy

chúng tôi là huynh đệ trong một công nghiệp, và tôi đã được lợi do sự hợp tác của nhau. Tôi thấy hình như họ đã kết luận quá vội vã. Nhưng tôi lấy tư cách gì để phê phán họ? Chỉ có điều này tôi thấy là chắc chắn: chúng ta có thể không theo được The Work (lối tu của Gurdjieff) nhưng The Work luôn theo chúng ta. Ông Bennett cũng thường nói như vậy, và tôi mãi liệt cảm thấy chắc họ phải theo một con đường khác, nhưng những gì là hợp lí trong những nỗ lực trước đây của họ sẽ và phải mãi mãi là hợp lí.

Đoạn 4

Những xêmina của mùa hè 1957 đã phải là điều gì phi thường chưa từng thấy. Bề ngoài thì vẫn có những việc làm hằng ngày phải rán sức làm. Tôi đã đề cập tới sự xây cất của một phòng lớn có 9 cạnh. Trong những lúc xêmina đó, sự xây cất trở nên nhanh chóng và rất hăng say. Ngoài ra còn có cái động cơ là làm cho tòa nhà dùng được cho việc tập latihan. Mặt bên và mái nhà được xây cất, và suốt ngày thiên hạ lẳng xăng trên giàn làm nhà cao.

Trong sự cố gắng người ta cảm thấy rất đoàn kết. Nhưng về chuyện tu tập theo Gurdjieff thì mọi chuyện không được ổn định. Ông Bennett vẫn có những buổi nói chuyện thông thường, và theo chúng tôi hiểu thì Pak Subud đã nói rằng cứ nên tiếp tục theo lối tu đó. Người ta cho là ông nói chuyện về những nguyên tắc của The Work, và chúng tôi bị khiến cho thoái chí hỏi về Subud để tránh những lộn xộn. Mặc dù vậy, hiển nhiên phần nhiều các câu hỏi đều trực tiếp liên quan tới Subud, vì đó là đại sự trong đầu óc chúng tôi. Cũng có những khuynh hướng như trước kia.

Sự thật là chỉ không đầy vài tuần trung tâm sự chú ý là Subud. Nhiều người London đã được khai mở, và trong những tuần đó những nhóm ở các tỉnh Bournemouth, Bristol, Liverpool và Birmingham xuất hiện en masse (đông đảo). Nhiều người đến từ Na Uy, Pháp, Hà Lan và Đức, đó là chưa nói tới những nơi xa xôi khác của địa cầu. Kết quả là luôn có hàng loạt những người mới đã nghiệm được latihan đầu tiên của họ, trong khi những người khác thì hầu như trở thành "kì cựu" chỉ trong 2 tháng.

Tất cả những điều đó tạo nên một tình cảnh phức tạp. Những ai đã mãi liệt nghiệm được và là môn đồ trung tín của ông Bennett đột

ngột mất hết hứng thú đi dự những buổi diễn thuyết của ông. Những gì họ tiếp nhận trong latihan là tối quan trọng với mình. Những gì ông nói hình như chỉ làm cho nặng nề và rối rắm thêm. Với những người khác thì cái thái độ đó có vẻ là không tỏ lòng biết ơn. Những người khác nữa thì bị sốc và thấy khó hiểu: họ dựa vào sự hỗ trợ của ông Bennett. Một vài kẻ rủ nhau bỏ đi. Phần đông mọi người đều đứng giữa. Họ tiếp tục đi dự những buổi diễn thuyết của ông hoặc vì thích nghe ông nói hoặc vì muốn tỏ lòng biết ơn của mình, nhưng dù muốn dù không họ cũng đang thay đổi.

Họ được thay đổi bởi sức mạnh của một yếu tố duy nhất: sự trải nghiệm của latihan. Sự trực tiếp của trải nghiệm, cái sự thật nhắc đi nhắc lại là không có trung gian và cũng không cần phải có, sự độc đáo và riêng tư của những gì tiếp nhận được, tất cả những điều đó chỉ có thể có một hiệu quả độc nhất: làm cho mọi người trở nên độc lập và khiến họ dứt bỏ việc dựa vào sự dạy bảo của bất cứ ai khác. Điều đó không lập tức xảy ra. Trong thời kì chuyển tiếp người ta có những lập trường khác nhau: có kẻ thì hoàn toàn trở nên độc lập, có kẻ thì theo truyền thống dựa vào những ý kiến của người khác.

Mọi điều bị đảo lộn. Nhiều người mà tôi nghĩ là có thể tiếp thu và nhạy cảm thì chẳng nghiệm được gì hết. Pak Subuh hay Ibu bổ nhiệm những người khác, những kẻ hầu như bị loại ra khỏi Coombe Springs, làm phụ tá chỉ trong vòng hai buổi tập! Ngay cả trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, có những người đã thấy rõ được những gì xảy ra trong lòng mình.

Những buổi nói chuyện của Pak Subuh khiến tất cả chúng tôi rất thích thú. Đối với đại đa số những tiền đề căn bản của ông không còn gì là khó hiểu: đó là việc latihan là một Ân Huệ của Thượng Đế và một quá trình thanh lọc sẽ xảy ra. Đó là vì tuy hình thức của latihan thật là lùng, nhiều người trực tiếp nghiệm được cái tác động là thanh lọc và ân huệ của nó. Chính người Nam Dương cũng ngạc nhiên về sự tiếp thu và tiến bộ nhanh chóng của họ.

Nội dung những buổi nói chuyện của Pak Subuh rất đáng chú ý. Ông không bao giờ tự coi mình như một thiên sứ nào đó. Ông nói tới những điều mà chúng ta có thể nghiệm được, và khi ông nói tới những gì có tính chất sự áp đặt của quyền lực, thì phải ngầm hiểu rằng đó là một biện pháp tạm thời. Ông giảng giải việc quá trình thanh lọc từ phần bên ngoài là cơ thể, rồi thì cảm xúc, ý thức và tri thức sẽ được thanh lọc.

Pak Subuh cũng biểu diễn một số những trắc nghiệm. Ông thường đặt một câu hỏi, trong khi mọi người đặt mình trong trạng thái latihan để tiếp nhận giải đáp. Khả năng tiếp thu của mỗi cá nhân tùy theo mức độ sự thanh lọc của mình. Ông cũng nói rằng toàn bộ cơ thể sẽ được làm cho sống lại, và có những trắc nghiệm liên quan tới sự sống của những bộ phận khác nhau của cơ thể. Chẳng hạn, ông thường hỏi: “Cặp mắt mình, mắt mình như thế nào?” hoặc “Phổi mình, mình có phổi không?” Cá nhân tôi chẳng tiếp nhận được gì hết trong những trắc nghiệm đó. Nhưng những người khác thì có, rất rõ rệt. Trong trường hợp phổi chỉ có một vài người nghe thấy rõ rệt. Pak Subuh cũng trắc nghiệm về việc ta cảm thấy như thế nào trong những tình cảnh khác nhau. Chẳng hạn, “Mình cảm thấy ra sao trước mặt một kẻ rất giàu có?” hoặc “Mình cảm thấy ra sao khi gần một kẻ cần được giúp đỡ?” Tôi nói đến nơi đây một vài trắc nghiệm đơn giản. Sau này, tôi nghe nói tới những trắc nghiệm chắc chắn là kì diệu: “Với một kẻ có một linh hồn trình độ thực vật, người đó có thể du hành vòng quanh thế giới nhanh như thế nào?” Giải đáp của câu hỏi đó thật hấp dẫn. Nó khiến tôi đôi khi nghĩ rằng các phi hành gia chỉ làm những chuyện lãng phí thì giờ.

Trọng tâm những nói chuyện của Pak Subuh là chúng ta nên tiếp tục theo tập latihan, và đến lúc nào đó những sai sót của mình sẽ được tu chính: chúng ta sẽ được khiến cho đích thực phụng thờ Thượng Đế. Chúng ta không cần phải tìm kiếm Thượng Đế mà chỉ việc quy thuận. Thượng Đế gần cận chúng ta hơn chúng ta gần cận mắt mình. Bởi tiếp tục theo tập, chúng ta tự động dần dần sẽ được đưa dẫn tới con đường chân chính. Đó là điều gì vượt ngoài ý muốn mình. Những hoạt động của tư tưởng và cảm xúc, tuy cần thiết cho cuộc sống, thì chống lại latihan. Không thể hiểu được latihan với năng lực của tư tưởng. Chúng ta không nên dụng tâm tìm hiểu những động tác của latihan, hay lý giải các chứng nghiệm, bởi đến lúc nào đó nghĩa lí của những điều đó sẽ được biểu lộ.

Những nói chuyện của Pak Subuh cũng khiến cho người ta tranh luận rất nhiều, và thậm chí còn chia rẽ nhau. Điều này không có gì khó hiểu, bởi những ngôn từ như “nỗ lực” và “siêu nỗ lực” hầu như là thánh ngôn tại Coombe Springs. Đối với tôi điều đó chẳng có gì là khó khăn, bởi Gurdjieff đã đặc biệt cho hay sự tự giác có thể là kết quả của nỗ lực, nhưng sẽ không thay đổi được gì. Quả thực nhiều người đã thật rõ rệt nhận biết được những chướng ngại đối với mình bởi chính những nỗ lực đó. Họ đã tuyệt vọng vì cảm thấy không thể vượt qua những chướng

ngại đó: họ bị bế tắc. Gurjjeff cũng nói rằng con người có quyền được lựa chọn giữa các ảnh hưởng, và ta có thể chịu ảnh hưởng của những cái siêu đẳng. Tôi thấy hình như Pak Subuh cũng nói một điều tương tự y hệt, nhưng với những ngôn từ khác. Theo ông, chúng ta chịu ảnh hưởng của những sức mạnh vật chất, thực vật, thú vật và con người. Tôi thấy như vậy là rất giống với những cơ chế ảnh hưởng trở lại ngoại giới. Gurdjieff cũng nói rằng sự trường kì “tu thân” là cần thiết, và Pak Subuh cũng không nói gì khác hơn ngoài sự thanh lọc là một quá trình dài lâu. Người ta đã thấy thật rối rắm vì coi sự nỗ lực là đồng nghĩa với sự “tu thân”. Nhưng sự hiểu lầm đó đã có lâu trước khi có Subud.

Trong những xêmina đó, tôi bắt đầu cảm nhận được những người chung quanh mình một cách rất khác biệt nhau. Không cần phải được nói cho hay, tôi cảm giác được những ai mãnh liệt nghiệm được latihan, và chúng tôi có vẻ như một cách kì quái được cùng nhau tụ họp lại. Cũng y như vậy, tôi mãnh liệt nhận thức được những kẻ tiếp cận mọi vấn đề theo trí óc như chính tôi. Tôi bắt đầu thấy được tại sao có những kẻ không chịu đựng mình được. Lối tiếp cận theo trí óc khiến tôi cảm thấy nặng nề và khó chịu, và hiển nhiên có nhiều điều trong Subud cần được tiếp cận theo cảm xúc thay vì trí óc. Điều này đặc biệt là trường hợp những nói chuyện của Pak Subuh. Sau này, tôi được dịp nghe những buổi nói chuyện được thu thanh trong đó mình có mặt, và nhận thấy sự thông dịch thì nghèo nàn tới mức nào. Hồi đó, tuy Pak Subuh nói tiếng Nam Dương nhưng tôi đã trực tiếp cảm thấy ý nghĩa của những gì ông đang nói.

Tôi may mắn được quen biết những người Nam Dương trẻ là Icksan, Rahmad, Sjafruddin và Asikin, và đôi khi được họ mời tới chơi nơi phòng ở của họ. Icksan là người có thể dễ thân thiện nhất và là nguồn trợ giúp lớn cho giới trẻ. Icksan thông thường vui vẻ nhưng có những lúc tính khí anh cũng khiến chùng hững. Có lần tôi đang hỏi anh nhiều điều này nọ thì anh càng lúc càng khiến tôi lúng túng. Thực tế là anh đã nhiều lần lớn tiếng ợ. Một trong những người Nam Dương cho hay: “Trong những lúc hỏi chuyện này nọ bạn đang mưa ra ngoài.” Tôi thật ngạc nhiên, nói như vậy là vẫn còn lịch sự. Ông Bennett luôn khuyến khích chúng tôi đặt câu hỏi. Và những gì tôi hỏi là những điều hệ trọng liên quan tới những nguyên tắc của Subud.

Tôi hay được là trong lúc tập latihan chúng tôi mưa ra những xạ khí

làm cho các phụ tá phải khó chịu, và sau đó họ phải tập một latihan khác để thanh tẩy. Nhưng tôi đã không nhận thức được là mình có thể mưa ra trong lúc thông thường trò chuyện. Tôi xin lỗi Icksan. “Không hề chi,” anh đáp, rồi chột nhiên: “Cứ việc tập!”

Thực tình mà nói, tôi cảm thấy hơi bối rối, như trước đây khi tôi 14 tuổi, một thằng bạn mình chột quỳ xuống đề nghị chúng tôi cùng cầu nguyện! Vẫn còn ngồi trên ghế, tôi nhắm mắt lại. Dần dần tôi tịnh tâm nhưng không thể buông thả những ý nghĩ của mình và cảm thấy lo ngại vì đã làm cho Icksan thấy khó chịu. Cuối cùng, những ý nghĩ của tôi bắt đầu tan biến và tôi có thể cảm thấy sự màu nhiệm của nguồn sinh lực rung động trong lòng mình. Sau 15 phút chúng tôi ngưng tập. Trán tôi đỏ mồ hôi. Icksan cười. “Coca cola?” anh hỏi.

Tuy chúng tôi nên tập latihan chung chỉ hai lần mỗi tuần, Icksan biểu diễn cho nhiều người cách tập trong lòng mình và cách gần cận latihan. Đôi khi anh ngồi trên ghế xôfa trong phòng và khi tiếng chuông kêu gọi bữa ăn trưa hay chiều và trong phòng đầy nhóc người, anh thường nói với người bên cạnh mình: “Bây giờ tập latihan nhưng đừng để cho mọi người trông thấy.” Trong nhiều dịp anh tụ tập một số người trong chúng tôi chỉ để ngồi chung với nhau khoảng 20 phút, trước khi cảm nhận latihan. Chúng tôi thường tập trong lòng mình, khiến cho sau này latihan trở nên thâm sâu hơn. Như vậy thật lợi ích. Chỉ ngồi mà mơ mộng, theo ý tôi, còn tệ hơn là chẳng được việc gì.

Khi trở về Manchester, tôi tức khắc nhận thấy có một diễn biến đáng chú ý. Một số nam và nữ đã được khai mở, có khoảng hơn chục người mong muốn tiếp tục theo tập latihan. Cho tới lúc đó, tất cả những buổi tập đều xảy ra tại London, nơi những người Nam Dương luôn có mặt, hay những người mà Bapak chỉ định làm phụ tá. Một vài người được phép tập một mình. Chúng tôi nhanh chóng sắp xếp mọi chuyện: phái nữ tập tại tư gia vợ chồng Tyrer, còn phái nam thì tại căn hộ tôi. Chúng tôi chỉ việc nói “Bắt đầu” và đặt mình trong trạng thái quy thuận, thì lập tức latihan mình tự khởi động, mỗi người nhận được tùy theo tình trạng riêng biệt của mình. Chẳng bao lâu chúng tôi thấy sức mạnh của latihan không hề suy giảm, mà latihan chúng tôi còn bắt đầu thay đổi và tự động phát triển. Điều đó tức khắc khiến chúng tôi không còn quan niệm sai lầm về latihan là nó không thể hoạt động nếu thiếu sự hiện diện của Pak Subuh, một quan niệm sai lầm thường có nơi nhiều người

tại Coombe Springs. Tôi còn nhớ là khi nói với vài người trong họ là họ phải tiếp tục tự tập lấy tại nơi chốn mình là Manchester, thì họ hỏi: “Ai có trách nhiệm? Ai làm cho latihan hoạt động?” Chẳng bao lâu cũng có những nhóm khác bắt đầu tự tập lấy tại Bournemouth, Bristol, Liverpool, Kensington và Hà Lan.

Tôi khó có thể nói về những diễn biến xảy ra trong tháng 9, 10, 11 của năm 1957, vì chỉ có thể nói một cách tổng quát. Trước hết, phần đông là những đệ tử theo những quan niệm của Gurdjieff, hầu hết là những kẻ theo học ông Bennett. Như đã đề cập trước kia, có một số những nhóm độc lập theo lối tu Gurdjieff. Một vài nhóm đó òạt theo tập latihan. Nhưng những nhóm chánh yếu, những kẻ dưới sự dẫn dắt của Madame de Salzmans tại Paris và London, thì không. Sau này, tôi nghe nói là họ đặc biệt bị cấm cản không được dính dáng chút gì tới Subud, nếu muốn tiếp tục theo lối tu Gurdjieff. Chính trong những tháng đó là lúc có nhiều người đến nhưng không có liên hệ gì trước đó với Coombe Springs. Nhiều người trong họ là thân nhân của những ai đã được khai mở. Thường thường họ là những người trước đó không thích tìm hiểu về những chuyện tâm linh, nhưng bởi ấn tượng của những gì trông và cảm thấy, đương nhiên họ cũng muốn được như vậy. Nhiều người theo thông thiên học, thuyết thần bí của Rudolf Steiner, thuyết duy linh, tập Yoga, là đệ tử của Krisnamurti. Phải kể thêm những tín đồ phái Giáo Hữu (Quaker), Công giáo, đúng ra là những tín đồ Thiên Chúa giáo thuộc mọi phái. [Sau này có cả những thầy tu Công giáo thuộc dòng tu Thánh Benedict của tu viện Thánh Vandrille miền Bắc nước Pháp]

Điều đó là một gánh nặng cho ban tổ chức của Coombe Springs. Hàng ngàn bức thư được gửi tới mà phải hồi đáp. Người ta yêu cầu dành cho nơi ăn chốn ở và được gặp mặt riêng. May mắn là hồi đó các nhóm đều có một cơ sở tài chánh vững chắc. Pak Subud chống lại bất cứ hình thức thu thuế nào và nhất định đòi tất cả các quyền góp phải tự nguyện.

Trong sự đổi mới đó có những kẻ cho những gì mình được hưởng là chuyện đương nhiên, trong khi những kẻ khác phải chịu một gánh nặng tài chánh đáng kể. Nếu cho rằng chuyện đó không khiến bất bình, thì nghĩ như vậy là sai. Hồi đó có những người đã hy sinh rất nhiều thời giờ và tiền bạc để phục vụ Subud, và chỉ vì vui lòng và sẵn sàng phục vụ, nên họ phải lãnh trách nhiệm. Sau này, nhiều người không ưa quyền thế và trách nhiệm của họ. Theo tôi thấy, những người đó hiện nay phải xấu hổ

vì lối cư xử hời hợt của mình. Thế nhưng, tôi vẫn không thấy rõ như thế nào chuyện đó có thể tránh được. Trong sự hân hoan của mọi người, ta phải khiêm tốn nhận thấy rõ rệt mình như thế nào đang trong giai đoạn sơ bộ của sự thanh lọc.

Đoạn 5

Đầu tháng 11 năm 1957, tôi được dịp bàn luận về tình hình của Nhóm Manchester với ông Bennett. Đa số vẫn còn gặp gỡ nhau nhưng chưa được khai mở. Ông Bennett đồng ý thay tôi nói chuyện với Pak Subuh. Một vài phút sau tôi được mời gọi tới phòng khách của Pak Subuh. Tôi chưa từng tới đó trước kia, tuy Icksan đã có lần mời tôi đến. Tôi đã không chịu đi, vì mình chẳng có gì để hỏi! Lập tức, khi đến trước mặt Pak Subuh, tôi ngửi thấy một mùi thơm tuyệt vời như lúc được khai mở, và tôi hầu như có thể cảm thấy những chấn động trong phòng, những gì như những làn sóng tuôn tràn về phía tôi. Điều ngạc nhiên là Pak Subuh đồng ý tới Manchester trong 5 ngày, đi cùng với bà vợ, cô con gái Rahayu, Icksan và Isman Ahmed, chị Sheila Ross, chị Elizabeth Howard và ông Bennett.

[Tôi nghiệm được cái hiện tượng ngửi thấy đó nhiều lần. Có lần, mùi thơm từ ông Bennett nồng nàn tới nỗi tôi phải cho là người Nam Dương đã cho ông một thứ nước hoa kỳ lạ của Đông phương bôi sau khi cạo râu. Sau này tôi được dịp nhiều lần ngửi thấy mùi thơm đó từ Bapak và Sjafruddin, và không mấy khi nơi những hội viên người Anh của nhóm. Tôi nhận thức được điều đó liên quan tới sự thanh lọc, và nó thường khiến mình nhanh chóng cảm thấy tình trạng mê ly của sự xuất thần.]

Yêu cầu của tôi nhanh chóng được đáp ứng đến nỗi tôi lập tức điện thoại cho Manchester, để tin đó truyền tới cho mọi người. Tôi nhận được một cú điện thoại của vợ chồng Tyrer đề nghị cung cấp nơi ăn ở cho đoàn người gần cận Bapak. Buổi sáng Thứ Hai, tôi thuê được hai phòng lớn cho thời kì từ Thứ Sáu tới Thứ Ba tuần kế tiếp. Buổi tối tôi nói chuyện với nhóm, kêu gọi mọi người góp tiền và yêu cầu họ cho phép tôi được sắp xếp mọi chuyện và tùy ý dùng số tiền quyên góp, vì không còn nhiều thì giờ. Mọi người đều hưởng ứng. Một người trong họ, anh Bob Paskin, kéo tôi qua một bên, nhét vào tay tôi những tờ 50 pound, và trong vòng vài ngày tôi đã có hơn 100 pound. Có lẽ có 3 hay 4 người

khác nữa, những kẻ dành dụm được tiền. Với những kẻ khác, theo tôi biết, 10 shillings cũng là một sự hy sinh rồi, nên tôi rất hài lòng về sự đáp ứng của họ.

Buổi sáng lúc Pak Subuh đến, sương giá trầm trọng và sương mù dày đặc tới nỗi tôi mất hướng đi trong Victoria Park, nơi mình sinh sống. May thay, sương mù tản mát nhường chỗ lại cho ánh nắng sáng chói trước khi đoàn người đến. Một vài người trong nhóm lái xe đến gặp họ tại nhà ga để đưa họ tới nơi ăn chốn ở của họ. Ngay sau đó, chúng tôi nhận thấy những dự tính gọn đẹp của mình phải sắp xếp lại. Chúng tôi đã không đoán biết được là Ibu nhất quyết đòi cho chị Sheila Ross được ở chung với mình. Vậy nên cặp Tyrers có thêm một người khách nữa ngoài dự tính của họ. Cặp Ahmed ở chung với cặp McLeods, còn ông Bennett và chị Elisabeth thì với cặp Paskins.

Tối hôm đó, phần đông những hội viên còn lại của Nhóm Manchester được khai mở, cùng với những người đến từ Liverpool, Garstang, Sheffield và Hull. Sự đặc biệt của latihan là làm cho cảm thấy rất hoan hỉ. Hồi đó, những kẻ đã được khai mở tại Coombe Springs bắt đầu phát ra tiếng động, ca hát và chuyển động đây đó. Ngay cả ông Bennett cũng lo ngại về những tiếng động, và nói cho đúng thì chúng tôi chỉ đang trong giai đoạn đầu.

Sau latihan, nhiều người chúng tôi trở về căn hộ của cặp Tyrer để tụ họp nơi phòng khách nhỏ bé. Tất cả chúng tôi đều hơi lúng túng, vì không biết nên ra về hay nán lại, và khi chính ông Bennett cũng đi về, thì đó như điều gì gián tiếp cho chúng tôi biết mình cũng nên làm như vậy. Tuy thế, ngay sau đó Icksan khiến chúng tôi cảm thấy thoải mái, còn Pak Subuh thì chợt nói chuyện một cách thân mật trả lời những câu hỏi của chúng tôi. Buổi tối đó làm cho không khí thay đổi hoàn toàn. Tại Coombe Springs chúng tôi chỉ thoáng trông thấy Pak Subuh, hay trong những buổi nói chuyện chung, khi chúng tôi bước vào phòng tập latihan. Không có nhiều người đã được tiếp xúc riêng tư với ông hay với những người Nam Dương khác, vì tất nhiên là người ta muốn tôn trọng đời sống riêng tư của họ. Ngoài ra còn có sự ngăn cách của ngôn ngữ. Nhưng tại Coombe thì không chỉ có những chuyện đó. Còn có cái truyền thống là người ta không được chiếm lấy thời gian của các vị lãnh tụ tâm linh, nếu không có một câu hỏi hay vấn đề trầm trọng.

Tại Manchester, tất cả những cảm nghĩ đó bị xua tan. Trong vòng vài

phút mọi người ngồi trên sàn nhà, truyền cho nhau những thức uống, cười nói và hút thuốc. Pak Subuh giảng giải về sức mạnh thú vật, ông không chỉ làm cho buồn cười, những diễn giải của ông còn cực kì khôi hài. Lập tức, tất cả chúng tôi đều cảm thấy một sự thanh thản mới lạ. Nhiều người chúng tôi thường trở nên căng thẳng. Pak Subuh nói tiếng Anh “No more seriosity! (Đừng nghiêm trang thêm)” và lạ lùng thay, không ai còn nghiêm trang nữa.

Mấy ngày tiếp theo đó có đầy biến cố, những chuyện khiến cảm mình thấy thuộc một gia đình cực kì hạnh phúc. Chúng tôi lấy xe chở Pak Subuh và gia đình ra phố hay đi mua sắm. Buổi tối có những buổi latihan chung, và sau đó Bapak có một buổi nói chuyện. Hiện nay tôi không thể nhớ lại đề tài những chuyện đó, trừ một chuyện duy nhất là ông nói rằng chúng tôi không những chưa được như những đứa bé trong một lớp học, mà chỉ là những đứa bé nhòm ngó qua khung kính những học sinh khác trong một lớp học. Nhưng nếu không thể nhớ lại đề tài, tôi còn nhớ được cái không khí. Mọi việc đều rất nhẹ nhàng và thú vị.

Sau những nói chuyện đó, nhiều người trở về căn hộ của cặp Tyrer. Một buổi tối nọ, ông Bennett giới thiệu hai y sĩ cho Bapak. Bapak cho họ hay là tập latihan thường làm cho thiên hạ bớt bệnh tật, nhưng đó không là chủ đích của Subud, mà chỉ ngẫu nhiên xảy ra do quá trình thanh lọc. Bapak cũng nói rằng nếu tiến bộ các y sĩ có thể nhận thấy nơi mình cái khả năng đồng cảm chẩn đoán: sự cảm thấy nơi thân thể mình những cơn đau của bệnh nhân.

Đến một lúc nào đó sự thật của những gì Bapak nói sẽ được chứng tỏ. Tôi biết có nhiều người đã được chữa lành khỏi bệnh suyễn. Trong nhóm Manchester có một phụ nữ bị bệnh thiếu máu hiểm ác trong 10 năm, và do đó cách vài tuần là phải tiêm chích. Sau vài tháng, chị cảm thấy mình không cần phải tiêm chích nữa, và sau đó, theo lời khuyên của Bapak, chị dẹp bỏ luôn chuyện đó. Sau 12 tháng, chị đi kiểm tra sức khỏe và nhận thấy công thức máu mình trở nên bình thường. Về chuyện đồng cảm chẩn đoán, tôi cũng có vài chứng nghiệm đáng chú ý, những điều tôi sẽ thuật lại sau này.

Buổi tối, Pak Subuh và Ibu thường xem đài truyền hình. Tôi ngạc nhiên thấy mọi người Nam Dương đều thích xem truyền hình, vì hồi đó tôi coi đó là cái gì ghê tởm. [Đó là thời của truyền hình trắng đen, chưa có truyền hình màu]. Tôi chỉ có thể nói là họ đã hồn nhiên chân thật thích

thú điều đó.

Một buổi sáng, tôi đang ngồi hút thuốc cùng Bapak thì Icksan chọt vào phòng khách của cặp Tyrer. Tôi tìm cách giải thích qua Icksan đường lối tu tập mà mình theo trước khi vào Subud. Tôi hỏi là có bất cứ gì mình có thể làm trong đời sống hằng ngày để giúp cho sự tiến bộ của latihan. Khi hiểu được câu hỏi của tôi, Bapak nói với một cử chỉ dứt khoát: "Tidak! (không làm gì hết)". Nhiều lần sau vụ đó, khi tôi gặp Icksan, anh thường mỉm cười, bắt chước Bapak mà nhấn giọng nói "Tidak!"

Đó là điều không dễ gì chấp nhận. Trước đó, tôi nghe nói có ai đó đã hỏi Rofe sự chuẩn bị tốt nhất cho latihan là gì. Ông đáp latihan là sự chuẩn bị. Icksan cũng thường nhấn mạnh sự việc tất cả chỉ là vấn đề quy thuận. Nhiều người cũng không thể chấp nhận điều đó. Chuyện đó không có gì phải lấy làm lạ. Biết bao nhiêu người đã không thể chấp nhận cái ý kiến cho là "Con người không làm được gì hết" ?

Có những kẻ cương quyết thấy họ phải nỗ lực, phải tự lãnh trách nhiệm về rất nhiều những chuyện mình làm, trong khi những kẻ khác thì tuyên bố là không thể thỏa hiệp, bởi ngoài sự quy phục một Siêu Ý thì ta không làm gì hơn được với những quan niệm của mình về vấn đề. Hình như ai nghĩ sao cũng được. Đó chỉ là những quan điểm, chỉ là những ý tưởng. Latihan tác động tới thiên hạ bất chấp những ý kiến của họ, và hiển nhiên đã chế giễu họ. Biết bao nhiêu người đã hô hào "quy thuận" lại là những kẻ nỗ lực rất nhiều? Biết bao nhiêu người biện luận cho nỗ lực lại là những kẻ chẳng làm gì hết? Tuy những ý kiến khác nhau, dù muốn dù không, latihan đã khiến cho thay đổi.

Hoặc hình như là như vậy. Nhưng chuyện thay đổi chính nó cũng là chuyện khó khăn. Vẫn còn nhiều người tuyên bố là chẳng có gì xảy ra hết, chính mình hay bất cứ ai cũng chẳng thay đổi gì. Cũng có những người tuyên bố những điều vô lí về những thay đổi đã xảy ra cho họ, nhưng trong khi đó lại cho thấy rõ nhược điểm của những gì không thể thay đổi. Đó có lẽ là vì vài người trong chúng ta đã mong đợi được thay đổi về những gì không thể thay đổi được, và do đó đã thất vọng, trong khi những kẻ khác thì lầm tưởng một sự cải thiện tạm thời tình trạng mình là sự thay đổi chủ yếu về tính nết mình.

Dù gì đi nữa, cá nhân tôi tin chắc là có rất nhiều người đã thay đổi được rất nhiều. Những thay đổi đó không luôn thấy rõ được. Chẳng hạn,

một nhân vật nọ đã thổ lộ cho tôi, điều này khiến tôi rất ngạc nhiên, anh thực sự là một kẻ đồng tình luyến ái. Anh khá chi tiết kể cho tôi về những chuyện tình của mình, về việc như thế nào anh nhận biết được những kẻ đồng tình luyến ái khác, như thế nào anh rất ham muốn làm tình với họ. Nếu anh không nói với tôi điều đó, tôi không tin là mình nhận thấy anh đã thay đổi được chút gì, vì chỉ nhìn bề ngoài thôi, anh thuộc hạng người vui tính, hóm hỉnh và tận tâm.

Tại Manchester, cũng như tại London, cách tập latihan làm vài người thấy mất thể diện, nên họ lập tức bỏ đi. Hồi đó hầu hết mọi người đã nghiệm được mãnh liệt, nhưng cũng có những kẻ ban đầu chẳng cảm thấy gì hết, tuy thế họ vẫn kiên trì đến tập. Tôi rất thông hiểu cảm nghĩ của họ!

Một anh bạn trẻ là giáo viên theo tập latihan trong vài tháng, nhưng càng tập anh càng cay cú. Chị vợ duyên dáng của anh đã nghiệm được ngay khi bắt đầu tập, và anh liền cảm thấy họ không như vợ chồng nữa. Đột ngột, anh kịch liệt tuyên bố với các phụ tá là latihan làm đổ vỡ hôn nhân mình. Chỉ sau khi bộc lộ cho hả những cảm xúc của mình anh mới bắt đầu cử động mãnh liệt, một cách thật hung dữ mà tôi nghĩ là chính anh cũng phải ngạc nhiên.

Những gì một người bạn thân nhất của tôi, anh Dan Cahill, trải qua thì khốn khổ hơn. Anh là một người Mỹ cao lớn với một trí tuệ sắc sảo và một óc khôi hài cực kì vô duyên. Anh được khai mở tháng 5 năm 1957, tập hết xuất latihan này tới xuất latihan khác nhưng chẳng nghiệm thấy gì hết. Cái tính khôi hài vô duyên của anh hóa thành nghiêm trang; anh càng lúc càng trở nên cô độc và rầu rĩ. Anh tiếp tục đình hoãn việc về Mỹ để tập những xuất latihan đặc biệt. Cuối cùng, thất vọng về Subud, anh ra đi cay độc chỉ trích sự tự mãn khoe cho thấy của những kẻ cho mình đang trong quá trình thanh lọc.

Ngay sau khi anh trở về Mỹ, Pak Subuh lần đầu đến thăm California. Dan thư từ cho tôi hay anh không ham latihan nữa và trở về với công việc trước kia của mình là viên chức hàng hải. Bởi chiếc tàu anh bị chậm trễ vài tuần, anh lấy máy bay tới California có ý hỏi ý kiến Bapak về sự nghiệp mình. Trong dịp đó anh tập latihan và chợt nghiệm được đáng kể. Anh nghiệm được mãnh liệt tới nỗi anh thư từ cho tôi hay tập latihan là việc lí thú nhất trong đời mình. Tàu anh đưa anh tới Úc, đúng lúc để dự cuộc thăm viếng lục địa Úc lần đầu của Bapak, nơi anh đóng một

vai trò tích cực. Sau này, anh trở thành một trong những cột trụ của nhóm New York. Anh có tiếng là một kẻ nghiêm khắc chống đối những tư tưởng phóng túng, cương quyết bắt bẻ điều anh cho là những thay đổi tưởng tượng. Tuy vậy, tôi có thể nói là anh đã thay đổi rất nhiều, bằng chứng là đồng thư mà tôi còn giữ của anh.

Cái khía cạnh đó của Subud, nổi thống khổ do sự thiếu bằng chứng về những chứng nghiệm của chính mình, hồi đó khiến tôi lo nghĩ rất nhiều. Tôi thường muốn hỏi Bapak tại sao ông không bao giờ đặc biệt giúp đỡ những kẻ không nghiệm gì được. Khi nghe nói rằng “có những nút chai bị xiết chặt đến nỗi phải mất nhiều thời gian để kéo ra”, tôi chỉ lạnh nhạt thấy thoải mái.

Tôi chưa từng phải hỏi điều đó, bởi lúc Bapak đến thăm Manchester tôi đã biết được giải đáp. Không thể “giúp đỡ” gì được. Thực vậy, nếu có thể giúp cho thiên hạ, thì chính tôi cũng sẽ không còn trong Subud nữa. Bởi Subud sẽ không gì khác hơn là một cách thôi miên, như điều tôi lo ngại lúc ban đầu. Thực sự, chẳng gì có thể làm được, bởi chẳng có gì đã được làm, bất luận thế nào. Quả thực phụ tá là môi giới, đường dẫn qua đó thiên hạ ban đầu có thể tiếp nhận, nhưng có tiếp nhận được không hay tiếp nhận được gì thì không thuộc quyền phụ tá. Pak Subuh nói rằng mọi người thực sự đã tiếp nhận được, có những người thì một cách tinh tế hơn những người khác, và không phải mọi điều đều có thể ý thức được.

Người ta có thể được khai mở theo những mức độ khác nhau, ông cũng nói, và có trường hợp là một phụ tá có thể khai mở cho một người có linh hồn cao hơn nhiều linh hồn mình; nếu là vậy thì người phụ tá thường cảm thấy rất vui sướng.

Từ “phụ tá” là một từ kì dị, bởi hiển nhiên chỉ Thượng Đế mới có thể phụ giúp, và Pak Subuh tuyệt đối dứt khoát cho hay là nếu mong muốn giúp đỡ, các phụ tá sẽ chỉ làm cho bị trở ngại thêm. Tuy thế, thực tế thì có những người có thể dễ dàng buông thả những ý nghĩ của mình, nên họ phó mặc được, và ta có thể thấy được tại sao thiên hạ được lợi nếu họ tập chung với nhau. Những người buông thả ý nghĩ mình có thể làm điều đó một cách dễ dàng hơn trong một không khí đồng cảm quy phục. Do đó mà ban đầu người ta khó tập được một mình. Hầu hết mọi người đều có khuynh hướng tăng cường quy trình trí tuệ mình khi họ đơn độc tập.

Trước khi rời khỏi Manchester, Pak Subuh bổ nhiệm một số nam và nữ làm phụ tá, như những cặp McLeods, Tyrer, Fletcher và bản thân tôi là những người được phép khai mở cho người khác. Lúc đó, một số nam và nữ, kể cả ông Bennett, được làm phụ tá ở London. Theo huấn thị của Pak Subuh đó không là một sự thăng chức, nhưng nhiều người lại không nghĩ vậy. Khi sau này Pak Subuh qua Mỹ, hầu hết mọi người đều muốn là phụ tá, nhưng ở Nam Dương, sau khoảng 15 năm trong Subud, không ai muốn là phụ tá! Tại mỗi quốc gia, có những kẻ đã bức tức vì họ không được làm phụ tá, và chỉ với thời gian công việc phụ tá mới được coi là một bổn phận.

Đoạn 6

Tất nhiên chúng tôi muốn biết về những đòi hỏi ở việc thành phụ tá. Bổn phận mình là gì? Bởi hồi đó chúng tôi thấy phụ tá là những nhân vật đặc biệt có khả năng siêu cảm. Tuy nhiên, những khuyên răn của Pak Subuh hầu như chỉ hướng tới cái khía cạnh trần tục: chúng tôi phải giữ đúng giờ giấc tập, coi xem người này đừng đụng vào người kia, săn sóc những kẻ bị rối loạn, giải đáp những câu hỏi của hội viên dự bị. Về bản thân latihan điều chúng tôi nghe nói là “bạn chỉ việc tập cái latihan của mình.”

Chỉ có vậy thôi. Hết sức giản dị. Nhiều người chúng tôi nghĩ phụ tá đã làm cái gì đó, sự ca hát và cầu kinh của họ giống như thần chú, họ ngâm hát để tạo nên trạng thái latihan. Cuối cùng tôi hiểu được sự khai mở mà mình đã không hiểu được. Những phụ tá đã ca hát chỉ làm một chuyện duy nhất là làm latihan của chính mình. Anh phụ tá kêu ca “Akbar Allah! Akbar Allah!” làm vậy là vì được khiến cho làm vậy. Các phụ tá chẳng làm gì hết; họ chỉ việc tiếp nhận như bất cứ ai khác.

Sự nhận thức được đó là sự kiện xua đuổi tất cả những nghi ngờ còn lại về Subud của tôi. Tuy thế, nhiều người không thể chấp nhận sự kiện đó: họ vẫn khoái trá coi mình là khôn ngoan khi tin tưởng có một sự bí ẩn nào đó. Với thời gian, nhiều người trong số những kẻ nghi ngờ đã thành phụ tá, và chỉ khi nghiệm được sự khai mở cho những người khác, họ mới tin không có gì là bí ẩn.

Pak Subuh cũng lập nên một hội đồng tại Manchester, như đã làm ở

London. Theo tôi, hồi ban đầu nhiều người trong chúng tôi không coi những hội đồng đó là quan trọng. Tôi làm thư kí, và một trong những vị cao niên trở thành Huỳnh Trưởng. Trên nguyên tắc các phụ tá phải trông coi những chuyện tâm linh, trong khi nhiệm vụ của ban quản trị là sắp xếp những chuyện như thuê phòng, mua sắm, coi xem tiền quyền góp dùng vào việc gì và tất cả những chuyện thế gian đại loại như vậy.

Chỉ hai năm sau khi Pak Subuh tới nước Anh để dự Hội Nghị Subud năm 1959 thì nhiều người trong chúng tôi mới hiểu được ý nghĩa của những sự sắp xếp đó. Thành thật mà nói, những hội đồng đó có vẻ là những guồng máy cồng kềnh để quyết định những việc không khó khăn, nên tôi có khuynh hướng tối đa thao túng ban quản trị. Tôi không chỉ là kẻ duy nhất phạm lỗi lầm đó, và chẳng bao lâu ban quản trị đặc biệt chứng tỏ một sự độc lập không vui lòng bị dùng làm công cụ. Hiện nay theo tôi thấy, vấn đề căn bản của Subud là cái cơ chế đó, nhưng hồi đó thì khó nghĩ tới cái gì khác ngoài cái quan hệ giữa lãnh tụ và đám người được dẫn dắt.

Trong vòng vài ngày sau khi Pak Subuh rời khỏi Manchester, các báo chí có đầy những tiêu đề về cô đào điện ảnh nổi danh người Hung Gia Lợi là Eva Bartok. Cô đã sinh ra một đứa bé gái nhưng không cho biết tên người cha nó. Đó là một chuyện khá li kì, nhưng chỉ sau đó người ta mới hay là cơ thể cô có chuyện rắc rối gây nguy cho mạng sống mình và đứa bé. Cô cầu cứu ông Bennett, cô đã học đạo của ông trong một thời gian, và ông cho cô hay về Pak Subuh. Kết quả là Eva được khai mở, sức khỏe cô trở nên khả quan đáng kể, và cô sinh ra đứa bé gái không hề hấn gì.

Sự sinh đẻ không hề hấn gì, cô cho ngay đó là tác động của latihan. Vậy nên, không chỉ cô, mà luôn cả Subud, đã được quảng cáo đáng kể tại Anh, tại những nước Âu Châu trên lục địa, tại Hoa Kỳ và Úc. Nhiều bài báo được đăng trên những tạp chí bằng tiếng Pháp, Đức, Thụy Sĩ và Tây Ban Nha, với những hình chụp cô Eva, Pak Subuh, Ibu, ông Bennett và căn phòng rộng chín cạnh tại Coombe Springs.

Trước kia cô Eva đã tìm hiểu trong nhiều năm những tư tưởng của Gurdjieff, và thường xuyên đến Coombe trong những lúc không đóng phim. Tôi còn nhớ tới lúc lần đầu xuất hiện cô làm việc cắt cỏ với một đám phụ nữ tại khu vườn của nhà bếp. Tôi tham dự như mọi người phép tu The Work với những động tác của nó, cùng với những buổi học đạo chung. Thậm chí có lần cô đã mất nhiều giờ làm việc cắt gan tươi trong

bếp, một việc làm theo tôi hiểu thì cô không thích. Nhiều thanh niên trêu chọc và đùa cợt cùng cô, và theo tôi thấy, cô vui thú trong một nơi chốn mình chỉ là một người chị em trong lối tu The Work.

Sự quảng cáo không mời mọc đó liên quan tới Eva Bartok có một chỗ đứng xác định trong lịch sử sự phát triển của Subud, trong đó lần đầu tiên nhiều người trên lục địa Âu Châu nghe nói tới sự hiện hữu của Subud và chủ đích của nó, mặc dù sự lệch lạc và thiếu chính xác của các bài báo. Địa chỉ của Coombe Springs được công bố, và những thư từ thăm dò như thác lũ bắt đầu đổ tới. Chẳng mấy chốc, điều đó dẫn tới sự thành lập nhiều nhóm trên lục địa.

Ông Bennett đã từng giao tiếp với khá nhiều người trên thế giới, nhưng ngoài nước Anh ra, theo tôi biết thì chỉ tại Hà Lan là có những nhóm trực tiếp học đạo dưới sự điều khiển của ông. Có một vài người là khách thường xuyên đến từ Đức và Sandinavia (Bắc Âu).

Trong vài tháng kế tiếp, tất cả chúng tôi đều là chứng nhân cho sự sinh sôi nảy nở của nhiều nhóm. Khoảng cuối năm 1957 Bapak và Ibu đến thăm Hà Lan để khai mở cho những người đã có chân trong nhóm học đạo Gurdjieff. Tiếp theo là cuộc thăm viếng nước Đức, điều chủ yếu được bạn Ruth Gruson tổ chức. Tại đó người ta cảm thấy hết sức mạnh tác động của sự quảng cáo về Eva Bartok, và khoảng 300 người được khai mở trong một thời gian ngắn. Lần đầu tiên ở Âu Châu phần đông thiên hạ không thuộc bất cứ nhóm Gurdjieff nào, và nhiều người đến chỉ vì muốn chữa bệnh. Bởi thiếu một cơ cấu tổ chức nên có những khó khăn kinh khủng, và như có thể thấy trước, nhiều người đã rẽ đám, nhưng đồng thời cũng có nhiều người khác quyết tâm.

Khi trở về từ lục địa, Pak Subuh đi thăm một số tỉnh, trong đó có Bristol, nơi công ty tôi hoạt động. Tôi đi ăn uống vài lần với những người Nam Dương, và lái xe chở Bapak đi coi đây đó. Tôi để ý thấy Bapak có vẻ như không thích xem những căn nhà cổ xưa sang trọng tại Costwold hay những kiến trúc huy hoàng tại Bath, nhưng lại cực kì thích chiếc cầu treo trên vùng Avron, khung cảnh thuyền bè và những đường xe lửa xuyên qua núi. Tôi hỏi ông về chuyện đó, ông cười thầm đáp rằng mình chú ý tới tương lai, chứ không tới quá khứ. Ông không chút nào có khuynh hướng đi tìm những vết xưa cũ, không như những phái thần bí thường coi sự minh triết của thời xưa cao hơn của thời nay: họ nhìn về phương Đông hơn phương Tây, một quan điểm mà tôi chia sẻ. Chẳng hạn, tôi đã

từng coi Tây Tạng là nơi chốn tâm linh cao siêu nhất trên thế giới, một quan điểm của nhiều môn sinh thần bí học. Tuy nhiên, Pak Subuh không chia sẻ cái ý kiến đó. Sự kiện các lụt-ma có thể chịu đựng cơn nóng và lạnh tốt cùng, ông không coi là một thành tích đáng nể, mà chỉ là cái khả năng của tinh thần biến thành đặc tính của đá sỏi.

Tại Bristol tôi làm môi giới cho một số hội đàm, điều tôi đã làm trước đó và sau này nhiều lần. Những hội đàm được sắp xếp đó hầu như luôn không được tốt đẹp. Người ta trò chuyện thiếu tự nhiên, và thường có những câu hỏi như “những cử động chắc phải có một ý nghĩa gì chứ?”. Tôi thường thấy không thoải mái vì đã chủ trương những hội đàm đó. Có những kẻ chỉ việc coi những người Nam Dương là trọng tâm, và chính người Nam Dương cũng luôn cảm thấy thoải mái với họ. Khi có khá nhiều người, người ta hình như luôn nói về những chuyện chung chung, và không khí trở nên nặng nề. Tôi thường thấy hình như không khí trở nên nhẹ nhõm hơn, khi càng lúc càng có nhiều người giải tán. Tôi biết là mình đang cảm thấy tình trạng mình trở nên quá nặng nề và đầy ý nghĩ, và thường vội vã làm cho mình trở nên trống không. Bản thân Pak Subuh thì luôn tươi cười và kiên nhẫn, dù có nhiều người đi nữa và tuy các phụ tá thường rõ rệt trông như đang đau ốm.

Trong nhiều dịp tôi có mặt làm trắc nghiệm. Một vài trắc nghiệm thật lạ thường, và tôi không thể cho là mình đã hiểu được gì. “Toàn bộ cái thế giới này lớn như thế nào với một linh hồn thuộc trình độ thực vật?” Tôi chẳng cảm thấy gì, nhưng chị Sheila Ross nói rằng như là một cú châm bằng đinh ghim trên đầu lưỡi. Tôi than phiền với Bapak là mình chưa từng thấy bất cứ gì do trắc nghiệm, và ông bảo tôi đứng trước mặt ông. Tôi quả thực có một vài cử động, nhưng không hài lòng về sự giải đáp.

Dựa trên những kinh nghiệm của chính mình, một khi bắt đầu nghiệm được, tôi thấy không khó khăn đặt mình trong trạng thái latihan. Thật khó có thể diễn tả chuyện đó làm như thế nào. Tôi có thể tự nói với mình “mình để cho lòng mình ưng thuận” hay “mình buông thả” nhưng như vậy với những ai chưa nghiệm được latihan thì cũng làm cho họ chẳng biết được gì. Thường thường tôi bắt đầu tập bằng cách hít thở rất thâm sâu, hơi thở cuốn hút giữa hàm răng, rồi bắt đầu có những cử động.

Sau một hay hai tháng những cử động của tôi trở nên dữ dội. Tôi có vấn đề với đôi vai và hình như latihan muốn làm cho nó trở nên lỏng lẻo hơn. Tôi được làm cho cúi xuống phía trước, và với một động tác thẳng

đứng một cánh tay vung qua đầu để đập mạnh khiến đầu đón vào đằng sau bắp đùi. Nó dữ dội đến nỗi khiến tôi loạng choạng rồi lùi ngược về phía sau. Tôi đứng thẳng người lên chỉ để lặp lại những điều đó. Đột ngột một hôm nọ tôi cảm thấy mình như đang trên một chiếc bàn xoay tròn. Tôi liền xoay tít trong khi cánh tay mình đưa lên tằm vai với đà xoay. Đồng thời từ đáy phổi mình phát ra một tiếng hú hết sức kinh khiếp với một âm lượng và sự dài lâu mà hình như không lá phổi nào của con người chịu đựng nổi. Sau khi xoay tít trong một lúc, tôi đâm sầm xuống mặt đất. Latihan có một sức rất mạnh nơi tôi, và khi nghe thấy sự báo hiệu “Tập xong” tôi còn thấy latihan dao động khắp thân mình, và tôi phải thú nhận là đôi lúc mình đã hoảng sợ. Hình như cá tính của tôi có thể tức khắc hoàn toàn tan biến. Những cảm giác của tôi thoáng rộng tới nỗi những chuyện nhỏ nhặt nhất cũng khiến mình muốn khóc hay cười một cách vui sướng.

Cái trạng thái đó tôi nghiệm được nhiều lần, và ấn tượng đối với mình không chỉ là việc cần phải tu tập, mà còn khiến hiểu thấu suốt được sự tu tập phải từ từ tiến triển. Thiên hạ thường nghĩ rằng họ muốn tâm linh mình tiến xa, họ mong đạt được trạng thái thanh khiết của các vị Thiên Sư, nhưng tôi thắc mắc là không biết có bao nhiêu người trong chúng ta có khả năng chịu đựng mình trong trạng thái thông thoát và nhạy cảm, và trong bao lâu. Ngay cả những gì mình nghiệm thấy chỉ có chút ít nhưng như vậy cũng hầu như là quá nhiều rồi bởi cái cảm giác sinh động do latihan. Trong trạng thái đó, tôi tin chắc là Thượng Đế quả thực truyền xuống những chỉ dẫn cho con người nếu trạng thái mình thoáng mở nhận được. Ngoài ra, những chỉ dẫn đó còn có thể khiến mình tiến tới nhanh chóng hơn và tài tình hơn, điều mình không ngờ tới được. Nhưng hiển nhiên trong tình trạng hiện nay của mình, tôi khó có thể chịu đựng được việc lâu dài trải qua cái mức độ đó.

Tôi tiếp tục xoay tít trong nhiều tháng như một dervish, một thầy tu Hồi giáo múa may gào thét trong trạng thái xuất thần. Tôi thường cảm thấy đau ốm sau khi xoay tít rất nhanh trong nửa tiếng đồng hồ, đặc biệt nếu mình ngăn nó lại. Nhưng không lâu sau đó, tôi cảm thấy vô cùng sống động, như hệ thống của mình được rửa sạch khỏi rất nhiều dơ dáy. Nhiều lần, tôi cảm thấy như đầu mình hoàn toàn trong sáng và mất hết các ý nghĩ, trong khi mọi tri giác của mình trở nên cực kì sáng tỏ. Thường thường tôi có cái cảm giác kì dị là thấy được những động lực của thiên hạ. Tôi không thể gian dối, hay tệ hơn nữa có thể cảm thấy mình đang

gian dối và biết rằng những người khác sẽ nhận thấy được. Không phải là tôi nói những điều không là sự thật, trong lúc phát biểu một ý kiến. Tôi luôn có thói quen mạnh mẽ phát biểu ý kiến mình, và thường cảm thấy hơi khó chịu và lúng túng. Sau này tôi đi đến chỗ nhận biết được cái cảm giác đó. Điều đó luôn xảy ra, khi những ý kiến của tôi là ngụy tạo, không tương ứng với tình trạng nội tâm mình. Chính trường hợp đó là việc mình gian dối.

Thời kì xoay tít chợt chấm dứt, và tôi bắt đầu lao nhẩy với những tiếng kêu la vui thích. Điều đó nhanh chóng biến thành lối múa Ấn Độ, có cả những dáng điệu của ngón tay và những nhịp điệu phức tạp của chân cẳng, và những sự lao nhẩy với đôi chân co lại. Hồi đó tôi cũng làm những thế asana của Yoga mà tôi đã thử trước khi đến Coombe Springs. Phải vất vả lắm tôi mới tập được thế ngồi hoa sen, và chỉ có thể duy trì nó một cách cực kì khổ. Nhưng lúc này thì trong khi cười tôi thường quỳ đầu gối trên sàn nhà, hai đầu gối dang ra, và cơ thể tôi trượt về phía sau để nằm trên mặt đất. Tôi làm như vậy nhiều lần, một cách hết sức dễ dàng và thoải mái, tuy đó là một trong những thế khó khăn hơn.

Những sự la hét của tôi trở nên những phát âm rõ ràng hơn, cho tới một ngày nào đó thì biến thành lời nói. Tôi nghĩ hầu hết đều là tiếng Hebrew hay Ả Rập. Một hội viên Do Thái giáo đến bên tôi sau một xuất latihan để nói với tôi là tôi đã đọc thuộc lòng những phần chánh yếu của một động từ tiếng Hebrew. Một lần khác, tôi nói những tiếng địa phương của Ấn Độ. Anh Ganesh, một người tộc Tamil mà trước kia tôi quen ở Manchester, đã gia nhập RAF (Không Lục Anh), được bổ nhiệm tới Kuala Lumpur, Mã Lai. Tại đó anh lấy máy bay tới Singapore để đích thân được Bapak khai mở. Nhưng ở Manchester trong lúc đang tập, tôi lại thẳng thừng khiển trách anh trong ngôn ngữ Tamil của anh! Tôi thường nghĩ rằng chắc mình đã phải nói những gì rất hệ trọng và thiêng liêng, đặc biệt là "Jiwa Allah." Tôi hiểu jiwa nghĩa là linh hồn và Allah là danh hiệu của Thượng Đế. Tuy thế, sau này anh Haryono, con trai Pak Subuh, đến Manchester để cùng tập latihan, và tôi hiểu được rằng mình đã khiến anh rất tức cười vì đã nói những điều chương tai bằng tiếng Java! Chẳng hạn như "Gãi nách cho tớ" và điều gì tệ hơn. Đôi khi tôi chợt nhận thức được là mình đang nói tiếng Pháp. Tuy tôi chỉ nói tiếng Pháp tồi tệ nhưng trong latihan cách phát âm của tôi trở nên khá hơn nhiều khiến không nhận ra được là của chính mình. Trong một vài

dịp, tôi cũng nói tiếng Anh. Tất cả những điều nghiệm được đó thật dị thường. Những lời nói chỉ việc tuôn ra, đôi khi trong sáng, đôi khi hung bạo kinh khiếp. Có lần khi đang tập tôi kêu la nhiều lần bằng tiếng Ả Rập: “Thượng Đế tuyệt đối cấm làm. Thượng Đế tuyệt đối cấm làm.” Asikin vội đến bên tôi nói sau khi tập xong: “Tony, anh đã làm gì vậy? Anh đã làm gì vậy? Bapak có đó và Bapak có thể nghe thấy anh.” Bạn có thể tưởng tượng được tôi cảm thấy như thế nào.

Tại sao mình nói được nhiều thứ tiếng, chính tôi cũng không hiểu. Có lẽ, như Bapak đã nói, tới lúc nào đó chúng ta sẽ hiểu được.

Sau một thời gian tôi không thể nói là mình biết trước được sẽ xảy ra những gì: đôi khi mình yên lặng, đôi khi mình phủ phục trong tư thế lễ bái. Lúc nghĩ chẳng có gì xảy ra thì tôi lại thường nghiệm thấy sự vui sướng vô cùng trong nhiều tiếng đồng hồ sau đó.

Đoạn 7

Cách biểu lộ của latihan tùy theo mỗi cá nhân. Đại khái có thể nói rằng những người trẻ cử động dễ dàng và mạnh mẽ hơn người già, và có cái khuynh hướng này là mọi điều trở nên trầm lặng hay tối thiểu là cân đối hơn. Tuy thế, có những kẻ rất to tiếng lớn miệng trong một thời kì là 5 năm. Nhiều người thấy những linh thị trong lúc tập, và họ đã tả thuật lại cho tôi những chuyện đáng kể, nhưng về phần mình tôi chưa từng thấy bất cứ gì.

Tất cả những biểu lộ đó có vẻ kỳ quái và thậm chí điên khùng với những người ngoài Subud, những gì chỉ cho những kẻ quái dị hay điên khùng. Tuy thế, nếu chỉ lấy nhóm Manchester là ví dụ, tôi thấy họ là những người không quên hẳn chân mình đang đặt trên mặt đất. Chẳng hạn, một trong những phụ nữ trẻ của nhóm (chị Gwen Tyler) là một nữ y tá chuyên nghiệp với miệng lưỡi sắc bén và thần kinh bằng thép, một kẻ thường đến cạnh bạn bè mình để xin họ cố gắng hiến máu cho ngân hàng máu. Nhưng chính con người đó một đêm nọ đã đánh thức chồng mình dậy vì chị trông thấy một thiên thần trong phòng! Trong nhóm chúng tôi có một số giáo viên, hai y sĩ, những người làm công, những thủ trưởng xí nghiệp, những kĩ sư, những bà nội trợ, những trưởng phòng nhân sự, những người bán hàng, những thợ làm tóc; tóm lại là những

thường nhân thuộc mọi thành phần xã hội, với giọng nói đặc biệt vùng Lancashire. Tất cả những người thường đó đã có những trải nghiệm cá biệt về hiện tượng quá trình thanh lọc.

Sự quen thuộc những hiện tượng đó làm cho nó có chỗ đứng thích đáng. Trước hết, đó là những điều rất hứng thú. Sau một thời gian, thiên hạ không còn nói tới latihan mình nữa, không chỉ bởi vì đó là lời khuyên của Bapak, mà còn vì những hiện tượng và biểu hiện đó không quan trọng. Tất cả chỉ là thanh lọc, y như việc xua đuổi ma quỷ. Hiển nhiên nhiều động tác có tính cách trị bệnh, như làm cho bắp thịt bớt căng thẳng, khiến người ta bớt phức cảm. Nhưng không chỉ là phép chữa bệnh. Căn cơ và nguồn gốc các động tác mới quan trọng.

Tôi không chối cãi điều này là lúc đó những tiếng động trong lúc tập đã không làm nhiều người mất yên tĩnh, như điều ban đầu đã khiến tôi bực bội, và chắc chắn trong tương lai sẽ làm nhiều người khác phải khó chịu. Tôi chỉ nói tới những người vẫn còn tiếp tục tập, nhất là những ai đã đạt tới một tình trạng tập luyện thâm sâu, là những động tác, tiếng động và sự ca hát của những kẻ khác, tuyệt nhiên không còn làm họ mất yên tĩnh. Cái nguồn gốc mới là điều quan trọng. Chúng tôi rõ rệt hiểu được rằng những động tác, việc nói nhiều thứ tiếng và hát những bài thánh ca, đều không do ý muốn mình, không là những gì mình đặt nên.

Chủ đích của Subud trở nên rõ rệt hơn, đúng ra thành một thực tại: quy phục. Không còn nữa những biện luận đó có là quy phục Ý Thượng Đế hay không: câu hỏi đó thật trừu tượng. Nhưng dần dần người ta hiểu được nghĩa lí sự quy phục, điều càng lúc càng nhập vào những khía cạnh thực tiễn của cuộc sống.

Đầu năm 1958 Pak Subuh rời khỏi Anh để tới California, nhưng trước đó trong khoảng một vài tháng hàng trăm đã được khai mở tại Anh và lục địa Âu Châu. Nhiều trung tâm thành lập tại những đô thị lớn. Tại Anh trong năm 1958 các nhóm nhanh chóng sinh sôi nảy nở, khiến cho hầu như không có ai thuộc nhóm này mà không biết tới nhóm kia.

Sự bành trướng ban đầu nhanh chóng của Subud khiến nhiều người chúng tôi cảm thấy một phép màu đang xảy ra, là điều sẽ thay đổi toàn thể thế giới và có triệu triệu người sẽ được khai mở. Theo ý tôi, nhiều người trong chúng tôi đã cảm thấy sắp có một biến cố trọng đại nào đó xảy ra, và đó là điều phần nào được nuôi dưỡng bởi những sự tiên tri nói

bóng nói gió thường có của ông Bennett. Tuy chúng tôi nóng lòng và đầy nhiệt tình, nhưng Pak Subuh và những người Nam Dương thì lại không nóng lòng và xúc động vì sự tiến bộ của Subud. Không phải là Pak Subuh không quan tâm gì, nhưng hình như đôi khi ông tỏ vẻ điều gọi là sự thần nhiên thánh thiện. Nếu có tiến bộ thì đó là Ý Thượng Đế.

Nói theo lối trần tục, nhiều người cảm thấy họ đã trúng lô độc đắc. Subud không những là sự cứu độ, mà còn giúp họ có một nghề nghiệp khá hơn, giải quyết được những vấn đề vật chất và khiến họ được giải thoát khỏi những nỗi lo sợ. Chẳng bao lâu người ta nhận thấy cái thái độ đó thật ngây ngô.

Tôi tin tất nhiên là Thiên Chúa sẽ phù trợ chúng ta, nhưng chúng ta cũng đừng mong được phù trợ mà không bị thử thách.

Đặc biệt có nhiều người thấy sức khỏe mình trở nên khá hơn, và vài người khác thì nghiệm thấy mình đột ngột được lành bệnh. Chỉ trong vòng vài tuần sau khi được khai mở, một phụ nữ Nam Phi được chữa khỏi một căn bệnh máu khiến mình khổ sở trong nhiều năm. Cũng có nhiều người được chữa lành khỏi bệnh thấp khớp, tình trạng bệnh hen suyễn và mất ngủ.

Ngoài ra còn có nhiều người nhận thấy quan hệ vợ chồng được cải thiện, đặc biệt là sự đổi tính của quan hệ tính dục. Nhiều người trở nên vui vẻ, tự do và tự tin hơn một cách đáng kể. Nhiều người khác thì thay đổi công ăn việc làm và bắt gờ thành công trong thương trường.

Nếu có nhiều người nhận thấy sức khỏe và vận may mình trở nên khá hơn, thì cũng có những người khác phải chịu những bất hạnh. Một trong những bạn bè tôi, anh Ron Brandreth, đã chết vì bệnh ung thư sau khi lấy vợ chỉ được 6 tháng. Trong thời kì đó, vợ anh ngày đêm săn sóc anh, tin tưởng cho đến phút chót là bởi cả vợ lẫn chồng đều trong Subud, anh sẽ lành bệnh. Trong lúc anh mất, chị đã thực tế chứng tỏ được thể nào là quy phục. Thực vậy, chị rục rở đầy lòng tin đến nỗi tôi phải nghĩ điều đó thật khó hiểu với những kẻ ngoài Subud. Điều chị thấy khó chịu được nhất là những sự chia buồn quá đáng của bạn bè.

Ngoài ra, nhiều người trở nên điềm tĩnh hơn thì cũng có điều đáng nói này là có những kẻ trở nên võ đoán và hay chê bai. Tôi còn nhớ được rõ rệt là ông xếp mình, W.G.Wade, nói rằng theo những gì ông thấy thì tính

tình tôi đã không thay đổi! Tôi phải nhìn nhận là hồi đó mình đặc biệt cáu kỉnh với ông và thường có những cơn thịnh nộ đột ngột.

Theo tôi thì tất cả những chuyện đó có thể khá dễ dàng hiểu được. Như Icksan thường nói là “sẽ lộ hết ra ngoài”. Trong những diễn biến thông thường của cuộc sống, tất cả chúng ta đều được tập luyện và giáo dục để cư xử theo một lối nào đó và che đậy những cảm nghĩ của đáy lòng mình. Sự tu tập theo Subud không dạy chúng ta có lối cư xử đó, nhưng lại đạt tới bản chất của con người, và cái bản chất đó thường trong tình trạng man rợ và nguyên sinh. Thế nên, nhiều người bắt đầu có lối cư xử theo những gì là chính mình, điều khiến họ trở nên thành thật nhưng cũng thô lỗ và ngây thơ hơn. Những điều khiến họ thay đổi theo cách này hay cách khác thật tức cười: kẻ dễ bị lung lạc trở nên cứng rắn, kẻ nhu mì trở nên hay gây gỗ và lớn tiếng la lối và kẻ không thích xuất đầu lộ diện lại muốn được chú ý; tối thiểu là trong một thời gian. Nhiều điều phải lộ ra ngoài trong quá trình thanh lọc, và những cái đó đã lộ ra.

Cái tình trạng tẩy lọc đó tác động rất nhiều tới những việc Subud. Nhất là việc không ai có uy quyền nữa, tối thiểu là uy quyền về những việc tâm linh. Những kẻ có vai trò lãnh đạo nhóm nhận thấy sự lãnh đạo của mình trở thành nghi vấn, và các phụ tá thường thấy những lời khuyên của mình không được chú ý tới.

Vị thế của chính ông Bennett cũng trở nên mập mờ. Ông đáng được sự kính trọng và ngưỡng mộ của chúng tôi, vì đã cùng các môn đồ mình ngồi dưới chân Bapak. Từ vị thế là sư phụ, ông trở thành chỉ trong vòng vài tháng một người anh em trong Subud. Tuy thế, hiển nhiên ông đã khó bỏ được cái vai trò sư phụ của mình, và quả thực vẫn còn nhiều người coi ông là chỗ dựa vào để xin ông cho biết ý kiến. Ông tiếp tục giảng đạo và đàm luận một cách bất tận, thường là sự giảng giải những giảng giải của Bapak. Chính việc đó làm cho những môn đồ lâu đời nhất của ông xa lánh ông, đặc biệt những nhóm gồm những thanh niên lấy làm hãnh diện tự gọi mình là đệ tử ông Bennett. Nhiều kẻ lấy làm tức giận, nếu họ nghe nói ông bị chỉ trích, và họ vạch trần ra điều này là nhiều người trong chúng tôi đã mang ơn ông.

Đó phần nhiều không do việc giáo thuyết hay những giảng giải của ông là đúng hay sai, mà do việc nhiều người cảm thấy không cần phải có tất cả những giảng giải này nọ, khiến họ có thể đợi chờ cho tới lúc mình hiểu được những chứng nghiệm của chính mình, như Pak Subuh đã nói là sẽ

xảy ra. Nhiều người công khai đặt nghi vấn tại sao ông vẫn còn đàm luận, giảng đạo và giải đáp những thắc mắc.

Ông Bennett có vẻ như không chấp nhận cái thái độ không lập lờ nước đôi của những người Nam Dương về sự quy phục, điều ông luôn làm dịu đi với niềm tin của mình về Nỗ Lực. Thật khó tin được, bởi người ta biết tôi là một kẻ sùng kính ông, là tôi có thể nói rằng chính tôi càng lúc càng không chấp nhận được những quan điểm của ông và thấy mình không thể đi nghe những buổi nói chuyện của ông. Tôi biết tình trạng của nhiều người cũng y như của mình, và họ là chính những kẻ đã kính trọng và có thiện cảm với ông nhưng lại không còn thể nghe theo ông.

Những lúc tôi đến London, ông bà Bennett mời tôi đi ăn hiệu tại The Lodge. Tôi có thể nói là mình đã công khai không đồng ý với ông trong một vài trường hợp và đã đấu khẩu tại những buổi họp của Hội Đồng, một điều chưa từng nghe nói tới trước khi có Subud. Nhưng tôi luôn có thể dựa vào thiện chí của ông.

Khi tôi nói chuyện với ông tại phòng làm việc của ông, ông hoàn toàn không thấy phiền vì sự nổi loạn. Trái lại, ông nhìn nhận là mọi người đang trưởng thành, và sự cần phải trưởng thành để được độc lập. Thậm chí ông còn nói: “Đây này, trong suốt đời mình thầy Gurdjieff muốn có chung quanh mình những người không là đàn cừu, nhưng họ luôn là đàn cừu. Hiện nay đã có Subud, và sau 3 tháng không ai là con cừu nữa.”

Điều không thể nghi ngờ được là sau một thời gian ngắn nhiều người đã chỉ dựa vào sức mình. Tôi còn nhớ tới hai sự cố về chuyện đó với Pak Subuh. Có ai đó nói rằng mình cảm thấy latihan khá hơn, khi có vài vị phụ tá nào đó bên cạnh mình. Nhưng Pak Subuh lại nói rằng nếu thiên hạ dựa vào phụ tá, họ sẽ chỉ là gánh nặng cho phụ tá, và ông tỏ vẻ một bộ điệu đặc biệt về cái hậu quả đó.

Một lần khác, tôi được dịp đứng bên cạnh Pak Subuh, ông Bennett và một anh bạn người Đức. Anh người Đức đó rất gắn bó với một hiền nhân Ấn Độ nổi tiếng là Krisnamurti. Bapak trải nghiệm việc trước kia anh đã coi vị hiền nhân đó như thế nào, và làm những điều bộ tỏ lòng tôn kính. Bapak trải nghiệm tiếp: “Theo Ý Thượng Đế thì thái độ của bạn nên như thế nào?” Bapak làm hai điều bộ xoay vòng vào phía trong; cuối cùng là hai ngón tay trở ép vào nhau, và lần này thì ông nói bằng tiếng Anh: “Equal !” Tôi không thể không cảm thấy là sự biểu diễn

đó, tối thiểu là phần nào, đã có lợi cho ông Bennett và chính mình.

Đầu năm 1958, ngay trước khi Bapak đi California, khoảng 15 hội viên của nhóm Manchester đến Coombe cho ngày nghỉ cuối tuần, còn tôi thì yêu cầu Bapak gặp họ. Lúc 11 giờ sáng Thứ Bảy tất cả chúng tôi tụ tập vào phòng khách của ông. Điều tiêu biểu là có lúc ông nói một cách nghiêm trang, và lúc tiếp theo lại làm chúng tôi cười rộ lên. Tôi còn nhớ tới việc ông làm Dấu Thánh Giá, và nói rằng cái đó nghĩa là sự kết hợp của bản chất nam và nữ. Ông nói tiếp Đức Ki Tô là con người duy nhất có đầy đủ bản chất nam và nữ nơi mình, nên không cần phải lấy vợ. Chợt nhiên chỉ vào tôi ông nói: “Nhưng với bạn Tony đây thì anh phải lấy vợ! Ha! Ha!” Mọi người đều cười.

Sau buổi nói chuyện đó có ai đó hỏi Bapak chúng tôi nên làm gì, khi có người nào đến nhóm mình muốn nói chuyện với chúng tôi về Subud. Sở dĩ có câu hỏi đó là vì có một nhân vật ở Yorkshire đến thăm chúng tôi thường xuyên. Nhân vật đó tự coi mình là một phụ tá siêu đẳng và một thẩm quyền về Subud. Bapak đáp là chúng tôi nên yên lặng ngồi nghe đương sự nói, trong khi để cho latihan thềm lặng hoạt động nơi mình. Tiếp theo, ông biểu diễn, đôi chân mình có thể khiến cho được cử động, và chúng tôi la hét với những điệu bộ dữ dội “Không được! Không được! Không được!” Ông thật tức cười và tất cả chúng tôi đều cười. Mãi sau này, tôi thấy được điều đó trong thực tế, với một người bạn không thuộc Nhóm Manchester, với một sự tự nhiên khiến lúng túng.

Tháng 3 năm 1958 Pak Subuh và đoàn tùy tùng đi California, nơi họ được mời tới – Bapak tới bất cứ đâu khi được mời. Ông Bennet đi cùng với Bapak. Anh Bob Prestie, một người đã ở Coombe được vài năm, đi trước tiên để chuẩn bị chuyến đi. Ông Bennett đã học được tiếng Nam Dương trong 6 tuần (ông nói khá tốt được nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Nga, tiếng Pháp và Ý) và có lần đã khiến tất cả chúng tôi phải ngạc nhiên khi ông ngồi cạnh Pak Subuh để thông dịch.

Đoạn 8

Người ta còn nhớ lại Husein Rofe là người ban đầu làm chuyện thông dịch, nhưng ông đi ra nước ngoài một vài tuần sau khi Pak Subuh đến Anh. Chính Rofe là người đã khai mở cho Bennett và một số nhân vật

theo Ouspensky (Aubrey Wolton, Reginal Hoare, Von Bissing) trước khi Pak Subuh đến. Theo tôi thấy, những hội viên ban đầu đó đã nghĩ thế này thế nọ về ông Bennett. [Thực ra, chỉ mãi sau này tôi mới hiểu được đám Ouspensky đã coi Bennett là “một kẻ không đáng tin cậy”, một kẻ không theo khuôn phép; tội trạng chánh yếu của ông là diễn thuyết cho công chúng. Họ đã không mấy vui mừng về việc Pak Subuh tới Coombe Springs, vì họ sợ ảnh hưởng thái quá của Bennett. Chỉ tội cho Hussein Rofe là người bị kẹt giữa hai chiến tuyến. Trong khi đó thì tại Coombe Springs, những kẻ là đệ tử của Bennett như chúng tôi, thì lại không hay biết gì hết, vì chúng tôi có cảm tưởng chính ông Bennett là người ban đầu đã mời Bapak tới, nhưng thực ra không thì là vậy]. Hiển nhiên Rofe là người đã nhấn mạnh nhiều về khía cạnh kì diệu và trị liệu của Subud, và cái khía cạnh đó thì không mấy hấp dẫn với những môn đồ Gurdjieff. Tất nhiên Bennett và Rofe là những người tính khí khác hẳn nhau.

Tôi chỉ có một dịp duy nhất được nói chuyện với Rofe. Một hôm tôi gặp ông trong phòng âm nhạc đang chơi đàn piano. Ông cảm thấy tôi muốn nói gì với ông, và sau một vài phút ngắn ngủi ông ngưng chơi đàn. Chúng tôi trò chuyện không bao lâu, nhưng đó là điều khiến tôi có một ấn tượng rất mạnh, cái ấn tượng về sự thành thật và trong sáng của một người ăn nói thẳng thừng. Những sách mà sau này ông xuất bản, *The Path of Subud* và *Reflections on Subud* xác nhận những ấn tượng ban đầu của tôi. Ông không phê phán bất cứ gì. Ông chỉ trích cái thái độ bợ đỡ đối với Pak Subuh của một vài kẻ, và không ngần ngại chỉ cho thấy Pak Subuh đã sai lầm trong một vài sự tiên đoán của mình. Tính chân thật hiển nhiên của ông khiến có cái ấn tượng về sự cương trực, và sự kiện ông có thể chỉ trích, thay vì gièm pha, chỉ nhấn mạnh thêm niềm tin cơ bản và sự tôn trọng Subud của ông.

Không phải là tất cả những người Nam Dương đều trở về nước với Pak Subuh. Sjafruddin và Asikin ở lại Anh, trong khi Icksan Ahmed và Rahmad đi Tích Lan, nơi có một trung tâm Gurjieff rất mạnh. Trong một thời gian ngắn, mấy trăm người đã được khai mở tại đó và vui vẻ tập chung với nhau. Bởi chị Ismana Ahmed đi chung với Pak Subuh, nên chị Bulbul Arnold khai mở cho phái nữ. Đó là một sự kiện khá trọng đại, bởi chính chị Bulbul đã chỉ được khai mở vài tháng trước đó. Nhóm Tích Lan có lẽ là nhóm hỗn tạp nhất trong các nhóm, vì gồm người Anh, người tộc Singhal, Tamil, người Ấn Độ và Pakistan: họ là những người theo đạo Hồi, Do Thái, Thiên Chúa, đạo Phật và Hindu. Có lẽ chỉ nhóm Cyprus là

có thể so bì với họ, bởi lúc cao điểm cuộc nổi loạn của phiến quân EOKA, những người Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Anh và Mỹ, những người Hồi giáo và Chính Thống Giáo Hy Lạp, cùng nhau tập latihan trong Subud.

Tại California nhiều nhóm nhanh chóng thành lập, những nhóm lớn nhất là Los Angeles và California. Tại đó, những nhóm do những môn đồ thuộc những môn phái và giáo hội khác nhau, hầu như không có môn đồ của Gurdjieff, theo tôi biết. Từ California, Bapak tới Úc.

Như tại bất cứ đâu, ông John và bà Elisabeth Bennett đi trước để mở đường với những buổi diễn thuyết và khai mở. Chuyện cô đào Eva Bartok đã làn ra ngoài, và báo chí Úc tìm mọi cách để ‘vào latihan’ chụp hình! Sau sự xôn xao lúc ban đầu, mọi việc đều chìm lặng.

Nhiều nhóm thành lập tại những đô thị lớn, và sau việc đó Bapak trở về Nam Dương. Icksan và Ahmed trở về nước ghé qua Singapore, nơi một nhóm khác được thành lập.

Cho tới lúc đó, phần đông những người vào Subud là những kẻ mà tôi gọi là “những người đi tìm đạo”, khác với những môn đồ của một giáo hội. Tôi nói vậy là vì những kẻ mà một giáo hội lôi kéo được, chủ yếu chỉ quan tâm tới những nguyên tắc xử thế. Nhưng những kẻ đi tìm đạo hay đi tìm chân lí thì không mấy quan tâm tới lối hành xử chân chính, mà chỉ là việc mình được chuyển hóa nhờ sự phát triển của tâm linh.

Nên phần đông những kẻ vào Subud là những kẻ đã từng là môn đồ của những lối tu Yoga, Vedanta, Sufi, của những thuyết thần bí, thần trí (theosophy), nhân trí (anthroposophy) và phương pháp Gurdjieff. Điều này có lẽ không mấy ngạc nhiên, bởi những môn đồ đó đã có chung một vài điều: sự nhìn nhận cái căn bản này là các tôn giáo đều như nhau, và những khái niệm về sự phát triển tâm linh. Như vậy tôi không có ý nói Subud không lôi kéo được những tín đồ của các giáo hội. Thực vậy, một số thầy tu đã gia nhập tại những quốc gia khác nhau. Tại Manchester có khá nhiều tín đồ Công giáo, cũng như tín đồ các giáo phái Baptist, Plymouth Brethren và Giáo hội Anh quốc. Điều hết sức thú vị là thấy được như thế nào những tín đồ thông thường không thân thiện nhau của các giáo phái đó lại gặp nhau và cùng chung tập latihan. Ban đầu nhiều người trong họ thấy rất khó khăn làm cho tín ngưỡng mình thích hợp với cái căn bản bao la của latihan. Nhưng sự khó khăn đó chỉ trong lĩnh vực của tư tưởng. Sự giao tiếp, tác động của latihan Subud, hoạt

động một cách đồng đều, không phân biệt, dù những tín ngưỡng, niềm tin căn bản của thiên hạ. Với thời gian latihan của Subud thường khiến cho những tín ngưỡng cố hữu có một nghĩa lí thâm sâu hơn. Nhưng cũng phải thẳng thắn nói là nó cũng khiến cho có một sự hiểu biết khác về một vài giáo điều.

Năm 1958 với nhiều người chúng tôi là một năm thật hứng thú. Tác động của latihan và những trải nghiệm của chúng tôi vẫn còn tươi tắn. Chúng tôi chứng kiến sự bành trướng nhanh chóng của Subud trên khắp thế giới, và nhiều người nghiệm được những kết quả đầu tiên của latihan, như Bapak đã tiên đoán.

Pak Subuh nói rằng nhiều người trở nên có khả năng cảm nhận được bệnh tật. Cái chứng nghiệm đầu tiên của tôi về điều đó xảy ra ngay sau khi Bapak lần đầu đến Manchester. Ông Bennett cho tôi hay ông đã bị đau đớn vì những chấn động trong căn nhà mình đang ở. Bởi đã thường đến nhà ông và khá quen biết những ai ở đó, nên tôi có khuynh hướng hoài nghi. Tuy nhiên, một vài tuần sau tôi đến đó mà không báo trước. Tôi được dẫn vào phòng khách là nơi một đứa bé trai trong nhà, một đứa 15 tuổi mắc chứng liệt co cứng, đang ngồi trên ghế sofa. Ngay khi tôi bước vào phòng, hình như có một chất lỏng hay chất liệu xông lên bao lấy chân tôi. Ngực tôi thắt lại, và hình như có những viên ve nhỏ bé bắn vào đầu mình. Tôi cảm thấy hết sức khó chịu, trong khi đứa bé có vẻ như khá vui mừng và có thiện cảm với mình. Khi trở về nhà, tôi tập một cái latihan tẩy lọc.

Sau này tôi nói cho Pak Subuh hay về cái chứng nghiệm đó. Ông làm trắc nghiệm và nói rằng tình trạng nội tâm của đứa bé thật tốt đẹp, và những đau đớn đó chỉ là bề ngoài. Tôi hiểu rằng đứa bé có thể được giúp bằng cách tập latihan. Đồng thời tại miền Nam England, một đứa bé trai mắc chứng liệt co cứng cũng đều đặn tập latihan chung với bố nó và các phụ tá, và có vẻ đã tiến bộ được nhiều.

Sau đó nữa, tôi có một chứng nghiệm sâu sắc về sự cảm nhận được bệnh tật. Tôi có mặt tại Manchester thì thấy chán nản dữ dội và tự hỏi mình chắc thực ra chúng ta đang tự lừa gạt mình về Subud. Tôi tình cờ gặp một anh bạn không trong Subud nhưng là một kẻ rất có tiếng tăm về sự hiểu biết các quan niệm thần bí, và cũng là người đứng đầu một nhóm nhỏ bé nọ. Chúng tôi vào một quán cà phê, và bắt đầu tranh luận về những quan niệm này nọ. Tôi hỏi anh về những quan điểm của anh

về sự hiện hữu của linh hồn và vấn đề sự tự do của ý chí là điều khiến tôi chăm chú lâu năm. Tiếp theo những câu hỏi khái quát của anh, tôi hỏi thẳng anh là theo ý kiến anh thì ý chí anh được tự do và anh có cái Tôi của mình hay không. Ngay khi anh quả quyết nói rằng mình quả thực có cái Tôi, đáy phổi tôi hình như đầy khoảng một phân nước.

Tôi hầu như lớn tiếng cười, bởi trong khi anh tiếp tục giải thích về cái khả năng lựa chọn của con người, tôi biết rằng anh có nước trong phổi. Sự chán nản và nghi ngờ của tôi chợt mất đi. Một điều kì dị trong vụ đó là nhân vật đó có một cái chân không lành mạnh, nhưng tôi chẳng cảm thấy gì trong đôi chân mình. Sau này, tôi nói chuyện với cặp Tyrers về chuyện đó, những người đã từng học đạo với nhân vật đó. Họ lập tức nói: "Nhưng làm sao cậu biết được phổi của đương sự không được ỏn?" Thực vậy, tôi không biết gì trước đó.

Một dịp nọ, tôi dừng lại tại vùng Midlands để ăn trưa và bước vào một quán nước. Khi nói chuyện với cô gái phục vụ trong quán, tôi chợt cảm thấy như có một cây kim dài đâm vào tim mình. Tôi hỏi cô là tim cô có chuyện gì không. Cô rõ rệt ngạc nhiên vì câu hỏi của tôi. Điều xảy ra là cô đã mắc bệnh từ lâu, nhưng hết bác sĩ này tới bác sĩ khác đã không chẩn đoán được căn bệnh của cô. Chỉ một tuần trước đó, sau nhiều lần, bác sĩ mới chẩn đoán được là tim cô bị thương tổn.

Sau này, những chuyện như vậy thường xảy ra khá nhiều lần nhưng tôi cũng không mấy để ý. Đôi khi, tôi không thể biết chính mình mang bệnh, hay đã đem vào mình bệnh của người khác. Chẳng hạn, khi vừa rời đến California, tôi đôi khi bị viêm xoang (sinusitis) trầm trọng. Chỉ sau này, tôi mới hay được là bà xã mình thường hay bị trở lại căn bệnh từ thời thơ ấu đó, nhưng nó lại mất hẳn vào khoảng lúc tôi bị.

Bổ tôi được khai mở tại Nam Phi. Tôi viết thư kể cho ông về những chứng nghiệm đó, và ông thường hỏi tôi công dụng những cái đó là gì, vì nó phiền phức và khiến đau đớn. Tôi tin rằng kẻ đau ốm được trợ giúp, dù cơn đau chỉ tạm thời chuyển thái. Có thể có những gì khác nữa, nhưng tôi không biết. Tôi biết chắc là điều đó luôn tự động xảy ra, không do ý chí mình. Cái chứng nghiệm đó giúp tôi càng khả nghi những kẻ chữa bệnh bằng tâm linh, hay những kẻ bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ giúp người bệnh với quyền năng tâm linh mình. Không phải là tôi không tin có những kẻ có cái quyền năng thiên phú đó. Nhưng tôi càng lúc càng nhận thấy rõ là những kẻ giúp người bệnh như vậy thì phải chịu gánh

nặng của họ, dù chỉ tạm thời. Theo tôi nghĩ, bất cứ ai đã thực sự chứng nghiệm được điều đó thì có thể sẽ không muốn giúp đỡ, tuy họ chỉ có thể được yêu cầu làm vậy. Điều này nghe có vẻ trái với đạo lý của Thiên Chúa giáo, nhưng trong khi viết chuyện này tôi có xu hướng tránh những kẻ đau ốm, kể cả những kẻ tiêu cực và chán đời.

Sự đồng cảm đó không chỉ hạn chế ở cơ thể. Nhiều người đã thuật lại việc nghiệm thấy những cảm xúc và ý nghĩ mà thông thường không xảy ra. Tôi còn nhớ tới việc khi Bapak đi khỏi nước Anh, tôi đã vui mừng vì sự ra đi đó chẳng có tác động gì. Thực vậy, mỗi lần nghĩ tới Bapak tôi chỉ muốn cười vì vui sướng. Ngay sau khi Bapak ra đi, trong lúc bên cạnh một trong những người Nam Dương trẻ còn ở lại (Asikin), tôi chợt cảm thấy một nỗi buồn buốt nhói. Điều đó trái ngược lại cái trạng thái thường có của mình hồi đó, nên tôi biết chắc mình đã thực sự cảm thấy như vậy. Tất nhiên là phải thận trọng đừng gán tất cả các trạng thái của mình cho người khác. Nhưng chứng nghiệm của tôi luôn có một vị giác đặc biệt cho một trạng thái nhận được, và một cảm giác có gì đó bất thường, khó hiểu.

Có một hiện tượng lạ lùng cần phải được đề cập tới về chuyện đó, điều nhiều người đã nhận thấy. Ở Coombe Springs có một nhân vật (Sydney Jerkins) lấy làm vui thích chỉ trích Subud, Pak Subuh, ông Bennett, cách tổ chức và mọi chuyện. Đặc biệt anh chối cãi việc mình, hay bất cứ ai, đã được latihan thay đổi. Anh tiêu cực một cách rành rành đến nỗi tôi chắc là mình sẽ thấy khó chịu bên cạnh anh. Nhưng trái lại tôi đã cảm thấy vui thích và nhẹ nhõm như mình đang nghe kể những chuyện hết sức tiếu lâm. Tôi thấy hình như trạng thái tâm hồn anh còn khá hơn nhiều những gì anh muốn chúng tôi tin, và sự chỉ trích của anh chỉ là một thói quen máy móc hoàn toàn không ác ý. Một anh bạn tôi cũng nhận thấy một điều ý như vậy với ông Rofe: ông Rofe chỉ trích, nhưng sự chỉ trích đó có vẻ như chẳng có gì cay độc.

Kỳ quái hơn nữa là sự cảm thấy được tình trạng của một người được lấy đi khỏi nơi mình, có thể nói vậy. Có lần người ta hỏi tôi về một nhân vật không liên quan gì tới mình mà mình cũng chưa từng gặp. Một cách đột ngột trạng thái của tôi thay đổi, tôi ngắt lời người bạn mình, và bắt đầu diễn tả tình cảnh của nhân vật đó. Anh bạn tôi hơi ngạc nhiên đáp: “Đúng quá! Đúng quá!”

Trong một dịp khác, tôi nói chuyện với chị Gwen Tyrer về một nhân

vật sinh sống tại một thành phố khác. Có gì đó hình như làm cho chị bực dọc, trong khi tôi đang nói. Đột nhiên chị ngắt lời tôi rồi nói: “Cha đó hơi quái dị, có đúng không?” Tôi lấy làm bực tức bởi nhân vật đó có những đức tính đáng phục. Nhưng chị đã nhận xét rất đúng.

Đôi khi, tôi cảm nghiệm được những điều hầu như không giải thích được hồi đó. Tôi thường ăn uống tại quán Seven Circles, một trong những kinh doanh đầu tiên của Subud, phía trên chúng tôi có phòng tập latihan, dưới sự quản lý của các hội viên Nhóm Manchester. Tại đó có một kẻ hầu bàn thường khiến tôi bất ngờ cảm thấy bực tức. Khi hắn đến gần chiếc bàn nơi các bạn bè cùng tôi đang ngồi, tôi nhận thấy mình hầu như không nói năng gì được. Điều tôi cảm thấy rõ ràng tới nỗi tôi hiểu nỗi tại sao mình lại thô lỗ và cáu kỉnh với hắn. Chỉ sau này mới có điều xảy ra là ngăn kéo đựng tiền đều đặn mất tiền, và nhiều cây thuốc cũng thường xuyên biến mất. Người ta đã chứng minh không chối cãi được hắn là kẻ trộm.

Một vài trường hợp đó cho thấy rõ điều tôi gọi là sự thức tỉnh của Lương Tâm, tuy cái lương tâm đó hoàn toàn khác biệt với cái quan niệm thường có về nó. Thông thường ta sẵn có một ý niệm về những bổn phận mà lương tâm đòi hỏi. Nhưng cái Lương Tâm đó rõ rệt nhanh hơn những ý nghĩ của mình, và thường trái ngược với những gì mình hiểu về sự “phải làm.” Khi phải nói năng, lưỡi tôi phồng lên trong miệng, nên tôi bắt buộc phải câm lặng. Khi phải tỏ sự thân thiện, tôi thấy mình bị làm cho tức giận. Khi phải có ý muốn giúp đỡ, tôi thấy mình thờ ơ. Trên thực tế, tôi thấy hình như điều mình hiểu về cái “phải làm” hoàn toàn là kết quả của tư tưởng.

Như tôi đã đề cập, ông Bennett và một vài vị ở London được phép khai mở cho thiên hạ trong vòng vài tuần sau khi Pak Subud đến. Trước khi Pak Subud đi California đầu năm 1958, nhiều nhóm ở các tỉnh đã bỏ nhiệm vụ tá. Ngay sau đó, những phụ tá mới đó phải đối phó với việc giải thích Subud cho những ai muốn tìm hiểu, chăm nom hội viên dự bị, và sau 3 tháng chờ đợi khai mở cho họ.

Đoạn 9

Dù Pak Subud đã báo trước cho biết, phần đông các phụ tá không

thể không cảm thấy mình có một cấp bậc nào đó, điều họ hết sức chối cãi. Tôi nói vậy mà không có ý xúc phạm tới ai. Ta có thể một cách chân thật và thông minh tuyên bố mình chẳng là gì, nhưng ta cũng hầu như không thể không cảm thấy mình là cái gì đó, đặc biệt nếu được ban cho một địa vị tuy chỉ là của một kẻ phục vụ. Dù sao, những cảm nghĩ của bản thân mình và các đồng nghiệp phụ tá có không trong sạch tới đâu đi nữa, tôi không tin là bất cứ ai đã cảm thấy hãnh diện khi khai mở cho người khác.

Ông Bennett đã viết về những vụ khai mở trong cuốn *Concerning Subud*, trong đó ông nhấn mạnh việc các phụ tá chẳng làm gì hết, mà chỉ là chứng nhân. Đó là cách khách quan nói về những vụ khai mở. Nhưng chủ quan thì tôi không bao giờ quên được những cảm nghĩ tại những buổi khai mở đầu tiên do phụ tá nhóm Manchester đảm nhiệm. Tôi chưa từng nghĩ tới việc mình chẳng làm được bất cứ gì, còn nói chi tới việc nên làm cái gì đó. Như những người khác, tôi chỉ lo nghĩ tới việc mình không quy thuận đầy đủ, vẫn còn ý thức được trong dịp đó, những ý nghĩ của mình sẽ không ngưng hoạt động. Chính bởi sự hoàn toàn không thể làm gì được, nên đó là cái kì diệu nhất của điều đó. Chính điều này khiến thấy rõ được: “tôi không thể quy thuận” nhưng “tình thương của Thượng Đế khiến tôi làm được.” Và chính các phụ tá cũng thấy rõ được là họ chẳng làm gì hết, ngoài việc tuân theo sự tiếp nhận của mình, latihan mình.

Chúng tôi còn trẻ, kiêu hãnh, thiếu kinh nghiệm, và việc có mặt tại những buổi khai mở đó là điều thật lạ thường. Theo tôi nghĩ, điều đó đã khiến tất cả chúng tôi rất ngạc nhiên, khi trông thấy thiên hạ thường mãnh liệt cử động ra sao trong buổi tập đầu tiên của họ. Điều phi lý là những kẻ được khai mở thường nhiệt liệt tạ ơn những kẻ khai mở cho họ, khi chính các phụ tá lại chối cãi là mình chẳng biết gì và chẳng có uy quyền gì.

Có những người được khai mở một cách rất dễ dàng, và làm nhiều động tác trong lúc khai mở. Thông thường điều đó khiến họ rất vui mừng và biết ơn. Trong những trường hợp đó, các phụ tá cũng cảm thấy thanh thản và sung sướng.

Vào mùa hè năm 1958 các phụ tá ở Anh đã có khá nhiều kinh nghiệm trong sự khai mở cho những người khác. Điều đó khiến có một sự phát triển đáng kể. Cho tới lúc đó, tất cả các nhóm đã được khai mở bởi Pak

Subuh hay một người có kinh nghiệm như Hussein Rofe. Nhưng Pak Subuh đã trở về Nam Dương, và Coombe Springs thì phải đối phó với những sự tìm hiểu từ khắp thế giới, chủ yếu từ Âu Châu. Kết quả là các phụ tá của Anh, chỉ với một năm kinh nghiệm về Subud, được yêu cầu lập nên những nhóm tại những quốc gia khác. Theo ý tôi, chính điều có thể có được đó là một trong những khía cạnh hết sức lạ thường của Subud. Cặp Elliots và chị Olga de Nottbeck đến Paris, nơi ông Bennett cũng đến để có một buổi thuyết trình bằng tiếng Pháp. Cặp Whiffens đến Na Uy, Pierre Elliot tới miền Nam nước Pháp; Bruin Brown tới New York, nơi ông Bennett sẽ diễn thuyết cho 600 người. Còn tôi thì cùng cặp Fletchers ở Manchester tới Madrid. Ông Bennett không ngồi rồi, vì đi cùng hay đi trước Pak Subuh trong những chuyến tới Hà Lan và Đức, tới California và Úc. Đó chỉ là sự khởi đầu của những gì sẽ thường xảy ra. Chẳng bao lâu, các phụ tá Âu Châu bắt đầu khai mở cho những nhóm mới, còn các phụ tá Mỹ thì lập nên một mạng lưới mênh mông gồm các nhóm khắp đất nước. Những nhóm khác cũng bắt đầu lập nên tại Nam Phi bởi những kẻ chỉ có vài tháng kinh nghiệm về latihan.

Cuộc thăm viếng Tây Ban Nha đầu tiên của tôi ngẫu nhiên xảy ra. Khi tôi dự tính đi nghỉ hè trên một chiếc thuyền buồm nhẹ tại miền Nam nước Pháp, một trong những vị thư kí tại Coombe Springs đề cập tới việc có 3 người muốn tìm hiểu ở Madrid và đề nghị tôi tới đó. Tôi trước tiên lấy máy bay tới miền Nam nước Pháp, nơi tôi cư trú trên một chiếc thuyền buồm nhẹ thuộc gia đình anh Charles Parsons, một người Mỹ. Họ có một căn nhà tại St. Paul de Vence; anh Robin Mitchell và tôi tập chung latihan với họ. Tôi thấy là gia đình Parsons hơi hết hoảng, khi cả Robin và tôi đều có những latihan ồn ào và mạnh mẽ. Sau một tuần ở Pháp, tôi lấy máy bay tới Madrid. Sự tiếp đón tại đó khiến thật ngạc nhiên. Có 3 anh bạn trẻ đến đón tôi tại phi trường, và lập tức tôi được cấp cho một chỗ trọ nơi căn phòng của bà Milly Pinna, một nữ nhân người Pháp làm nghề trang phục phụ nữ, tại trung tâm Madrid, Conde de Aranda 22.

Một trong những anh bạn trẻ, Eugenio Pastor Freixa, quen biết rất nhiều, trong đó có những kẻ đã học hỏi về thần bí học. May mắn là anh nói được tiếng Anh, bởi hồi đó tôi không biết tiếng Tây Ban Nha, ngoài một vài câu mà tôi vội vã học với những đĩa hát 78-rpm cổ xưa. Anh tổ chức những buổi họp, và trong vòng 2 ngày tôi đã nói chuyện với 30 người. Ngoài những buổi họp đó, tôi còn được giới thiệu đi giới thiệu

lại với thiên hạ tại những quán nước, những kẻ lập tức cho biết mình muốn tìm hiểu Subud. Phải nhớ rằng trong năm 1958 nhà độc tài Franco vẫn còn sống, và những buổi họp mặt đó rất nguy hiểm. Vậy nên, những buổi họp mặt tại quán nước phần nhiều xảy ra khoảng 10 giờ đêm. Người Tây Ban Nha vẫn thích ngủ trưa, nhưng ban đêm lại thức khuya. Tôi giải thích theo hết khả năng mình, và thấy dù khó khăn về ngôn ngữ, người Tây Ban Nha nhanh chóng nhận biết được sự khác biệt, và nhiều lần yêu cầu được khai mở tức khắc. Điều này trái ngược hẳn với lối tiếp cận thận trọng và ngập ngừng của người Anh.

Họ thiết tha được khai mở đến nỗi tôi bị kẹt trong một tình thế khó xử. Tôi gọi điện thoại cho Coombe Springs để nói chuyện với Sjafruddin, hỏi ý kiến anh về những gì mình nên làm. Anh chỉ nói: "Khai mở cho họ, Tony." Nên tôi khai mở cho 8 người, mọi người cùng một lúc trong căn phòng mình đang ở. Không ai đã có bất cứ một quan hệ nào với lối tu Gurdjieff. Chỉ với hai người trong họ tôi có thể nói tiếng Anh. 5 người trong số 8 người phản ứng mãnh liệt vì latihan. Một người trong họ đã có một linh thị đáng kể trong lúc khai mở, và người đó lấy làm ngạc nhiên khi tôi nói rằng mình chưa từng có linh thị nào.

Bốn tháng sau tôi trở lại Madrid với Lionel và Herina Fletcher. Chúng tôi đi ghé qua Paris, nơi chúng tôi ngăn ngủi gặp ông Bennett và Pierre Eliot trong quá trình thành lập nhóm Paris, rồi lấy xe lửa tới Bordeaux cùng với một nữ nhân người Pháp từng học đạo của ông Bennett. Bà ân cần cho tất cả chúng tôi ở trọ ban đêm, trước khi chúng tôi lấy xe lửa (có đầy nhóc những người Tây Ban Nha trở về nước cho Giáng Sinh) để tới biên giới, rồi tới Madrid vào khoảng 6 giờ sáng. Lần này thì có 60 người đến đón chúng tôi tại bến xe, mọi người đều được khai mở trong vòng 12 ngày tiếp theo. Chị Herina Fletcher khai mở cho hơn 30 phụ nữ.

Người Tây Ban Nha tôi thấy họ hồn nhiên, bộc trực và kiêu hãnh. Tôi cảm thấy thoải mái với họ hơn với dân tộc mình. Thậm chí tôi đã được họ gọi tôi là gitano, vũ công Tây Ban Nha. Tôi thích lòng nhiệt thành hết sức liến thoắng của họ, và trải qua một trong những mùa Giáng Sinh hạnh phúc nhất với họ. Cách dân Madrid ăn mừng Năm Mới thật tuyệt vời!

Tôi nghe bạn bè mình, cặp Whiffens, nói rằng cảm tình của họ với người Na Uy như của chúng tôi với người Tây Ban Nha: cảm thấy thoải mái với người Na Uy hơn với dân tộc mình. Có lẽ như vậy là à cause de

Subud? Ai mà biết được?

Tôi đã đề cập tới sự gia tăng nhanh chóng và sự không lệ thuộc Coombe Springs của các trung tâm ở Anh. Điều tôi muốn nói rõ: đó là một quá trình xảy ra từ từ. Vài trung tâm lớn như Manchester và Bournemouth nhanh chóng được tự trị, nghĩa là có Hội đồng Quản trị và Nhóm Phụ Tá của chính mình, và cảm thấy hoàn toàn có khả năng tự lo liệu lấy những chuyện của chính mình. Trước kia, khi học đạo của Gurdjieff, những sinh hoạt của các nhóm ở tỉnh hoàn toàn dưới sự điều khiển của ông Bennett.

Những năm 1958 và 1959 có rất nhiều những buổi họp của các nhóm tại Coombe Springs, trong đó người ta bàn luận về những vấn đề thực tế và tài chánh.

Chính tại những buổi họp đó mọi người hầu như đều thấy rõ được có một tinh thần mới. Những vị đại diện đến dự tất nhiên khiến cảm thấy được tình trạng độc lập tại các tỉnh. Có vài vụ tranh cãi gay gắt về việc quản lí, và “tổ chức” trở thành một từ có ma lực. Tuy có những khó khăn và tố cáo lẫn nhau, điều quan trọng nhất là những kẻ trước kia rụt rè thì bây giờ bày tỏ quan điểm của mình, những kẻ hay nhân nhượng thì trở nên kiên quyết, những kẻ cho ý kiến mình là đúng thì chịu lùi bước để nhường nhịn.

Năm 1958 lúc về nước Bapak để lại hai người Nam Dương trẻ là Sjafruddin, một người hơn 30, và Asikin, một người hơn 20. Đối với nhiều người họ là những gương mẫu sống động giúp ích cho mình rất nhiều từ những gì có thể mong ước cho Subud. Sự lịch thiệp bên ngoài, phong cách nhã nhặn, thái độ đàng hoàng tự nhiên, cùng với sự sạch sẽ tỉ mỉ và cách ăn mặc trang nhã của họ gây nên một ấn tượng đáng kể.

Tôi kết thân với họ, và cùng với một nhóm gồm vài người chúng tôi thường đến thăm họ nơi phòng ở của họ. Ban đầu, khi Bapak về nước, họ đến một số nhóm ở tỉnh để dự những buổi khai mở và đại lược trợ giúp và khuyên răn. Họ thường tới miền Bắc và lưu lại tại Garstang, nơi một căn nhà rộng lớn ở thôn quê thuộc Eric và Maria Bradford.

Theo những phong cách của họ, họ là những người lạ lùng. Họ khiêm tốn nhưng lại biết cách thuyết phục. Tôi chưa từng nghe Sjafruddin hay Asikin nói những chuyện nhảm nhí về bất cứ ai. Nếu chúng tôi bắt đầu tranh luận để phê phán những hành vi một hội viên, Sjafr, chúng tôi gọi

anh như vậy, chắc chắn sẽ cảm lặng. Sự cảm lặng đó khiến nhiều người chúng tôi phải xấu hổ.

Tuy họ rất vui tính, Sjaf thường trêu chọc Asikin, nhưng tôi chưa từng nghe họ nói những gì tỏ vẻ coi thường hay phỏng đoán latihan, hay lên mặt dạy đời. Tính giản dị cùng sự nhạy cảm của họ thật đáng phục. Họ có vẻ đau đớn trong thân vì sự thiếu độ lượng. Có lần, khi tôi cùng Bapak đến thăm viếng một nhóm họ, một kẻ muốn tỏ vẻ long trọng, dò hỏi: “Bapak cho phép anh tới đây?” Tôi bức tức vì sự nhận xét đó, và sau đó anh bạn đáng thương Asikin nói với tôi rằng anh đã cảm thấy như bị đập vào bụng.

Sjaf hình như sống với những ‘chỉ dẫn’ của mình, những điều khiến khó mà đoán được ý anh. Đôi khi, anh được mời đến thăm một nhóm, và anh chợt nói chuyện để khuyên răn khái quát. Tiếp theo, anh đến một nhóm khác, và người ta đang đợi chờ anh cho biết ý kiến, nhưng anh lại chẳng nói gì hết. Có lần, một ông lão vui đùa khuyên anh: “Đừng e thẹn, anh bạn trẻ.” Sjaf mỉm cười khi nhắc lại chuyện đó cho tôi: anh đã không thể nói được gì. Chuyện đó là như vậy.

Thiên hạ coi anh là đại diện của Bapak ở Anh, và nhiều người đến hỏi ý kiến anh về những chuyện quan trọng. Những kẻ thấy thực sự cần phải hỏi anh luôn đến gặp anh. Nhưng những kẻ chỉ lo nghĩ tưởng tượng thì khó khăn hơn. Sjaf có lần nói với tôi rằng có những kẻ đầu óc lộn xộn đến nỗi họ chẳng biết phải hỏi gì, và họ chỉ làm cho anh nhức đầu.

Anh có vẻ như thích nhất có một nhóm bạn trẻ chung quanh, những kẻ coi là nghiêm trọng nhưng không nói chuyện nghiêm trọng về Subud. Anh thường chơi đàn guitar và ca hát, và mọi người đều rung đùi cười nói trong một không khí thanh thản. Thường thường, tới lúc đã khuya Sjaf nói: “Chúng ta tập latihan chứ?” và chúng tôi đi tập.

Có lần, sau khi tôi đã tập được vài năm và vừa lái xe từ Manchester tới, Sjaf hỏi tôi có muốn tập không. Tôi rất mệt mỏi, trong một thời kì khô héo, và cảm thấy ngần ngại. Tuy thế, tôi chấp thuận, chúng tôi đến phòng ngủ xưa kia của ông Bennett, tất cả các đồ dùng trong phòng đã dọn dẹp, để tập latihan. Latihan tôi rất sâu sắc, và tôi cảm thấy vô cùng vui sướng và biết ơn, điều nhiều người cảm thấy là kết quả của latihan. Khi chúng tôi yên lặng ngồi trên sàn nhà, Sjaf nói: “Lúc này bạn tập khi latihan kêu gọi mình tập. Ban đầu thì không như vậy. Bạn phải làm

những gì phụ tá nói và tập hai lần mỗi tuần trong nửa tiếng đồng hồ. Nhưng bây giờ thì bạn đáp ứng, bạn tập khi ‘nội tâm’ kêu gọi tập.”

Khi Sjaf nói như vậy thì không có gì để nói thêm nữa. Đột ngột, anh không nói tới những chuyện nghiêm trọng nữa, mà đi pha trà.

Thành tích phi thường của anh bạn trẻ đó là mọi người đều kính trọng anh, và anh cũng không làm mất lòng ai. Anh không thuộc bất cứ phe phái nào, và mọi phe đều lôi kéo anh về phe mình. Anh không thiên vị và hoàn toàn không quan tâm tới những gì người ta nghĩ về mình.

Nhiều người thường nghĩ anh là một nhà tiên tri, nhưng anh càng lúc càng ngăn cản điều đó. Chẳng hạn, anh bạn tôi Perter Kermode là một nhà điêu khắc, một kẻ ai cũng biết mặt trong các nhóm ở London. Như nhiều nghệ sĩ, anh vô cùng túng thiếu: lúc có việc làm, lúc không, có lúc làm những khung ảnh, có lúc trông nom những máy bơm dầu xăng. Một hôm, không biết phải xoay sở ra sao, anh quyết định đến Scilly Isles để hái hoa. Tuy nhiên, trước khi lên đường, anh thử đi tìm một vài phụ tá để trải nghiệm coi quyết định của mình có đúng hay không. Một vị phụ tá không đồng ý lối trải nghiệm đó, trong khi những vị khác thì không có mặt. Anh điện thoại cho Robert Whiffen, nhưng Robert lại nói rằng nhà mình có khách tới dùng bữa cơm chiều. Peter quyết định lên xe gắn máy về làng Sussex để ngủ đêm với mẹ anh tại đó. Buổi sáng, trong cơn bốc đồng, anh trở lại Coombe Springs đến gặp Sjaf. Sjaf chào hỏi anh: “Bạn đã kiếm được một phụ tá chưa, Peter? Cặp Whiffen đã mời tôi tới nhà họ!”

Peter ngồi xuống cho hay tình cảnh mình. Anh không công ăn việc làm, không đồng xu nào, không biết đời mình ra sao, không biết xoay sở thế nào. Sjaf đáp: “Bạn hỏi mình, nhưng mình cũng như vậy: mình không biết gì.”

“Vậy thì, Sjaf” Peter tuyệt vọng nói “chúng ta phải làm cái quái gì đây?”

Sau một phút giây im lặng, Sjaf nói: “Chúng ta đi coi xi-nê, Peter!”

Năm 1959 Pak Subuh có một số những chuyến đi khắp thế giới. Ông đến Hong Kong và Nhật Bản, Tích Lan và Mã Lai, Úc và Tân Tây Lan. Tiếp theo ông đến Mỹ, du hành rất nhiều tới những lục địa Nam và Bắc, lập

nên các nhóm, phần nhiều tại những đô thị lớn. Danh sách những chỗ ông đến thật đáng kể, từ Lima tới Buenos Aires, từ Los Angeles tới New York...

Cuối cùng giữa hè ông tới Anh dự Hội Nghị Subud được báo trước từ lâu. Phạm vi chương trình soạn thảo đầy thử thách tới nỗi đương nhiên có những chuyện nói đùa về Subud. Mọi chuyện được bàn luận, Subud và tôn giáo, Subud và giáo dục, Subud và nhà nước: thực vậy, quan hệ của Subud với tất cả các lĩnh vực, những nỗ lực của con người.

Đoạn 10.

Tại Manchester chúng tôi mỗi tuần có những buổi thảo luận để cho những đại biểu được lựa chọn làm quen với quan điểm của nhóm. Những buổi thảo luận đó phơi ra ánh sáng những quan niệm âm thầm đã được trù liệu. Một điều mà mọi người để ý là hình thức tổ chức của nhóm. Chúng tôi vừa nghe nói là Bapak mong muốn các phụ tá không dính líu gì tới tổ chức, điều dành lại cho ban quản trị. Hồi đó, tôi là phụ tá và cũng là thư kí của nhóm trong 2 năm. Tôi chống đối sự phân chia thành phụ tá và ban quản trị, lí do là đa số những kẻ năng động và có khả năng tổ chức đã làm phụ tá. Như vậy tôi thấy nhiều nhóm có vẻ như phải dựa vào vài kẻ năng động.

Cuối cùng Pak Subuh đến Coombe Springs thì có vài trăm người từ khắp nơi trên thế giới tụ tập để đón ông. Có những đại biểu từ Anh, Pháp, Hà Lan, Na Uy, Đức, Hoa Kỳ, Ba Tây, Peru, Tích Lan, Nam Phi, Tân Tây Lan vv...

Hội Nghị kéo dài độ 3 tuần. Những buổi họp buổi sáng, các đại biểu thảo luận đề tài trong ngày, và vị chủ tịch lập nên một danh sách những câu hỏi. Những câu hỏi đó đọc lớn tiếng cho Pak Subuh nghe tại những phiên họp toàn thể để ông cho biết phải làm gì.

Phải mất nhiều trang cho biết nội dung những giải đáp. Dù sao thì cũng không cần thiết, bởi một bản tin đầy đủ về Hội Nghị đã được công bố. Tôi chỉ có ý cho biết những ấn tượng khái quát.

Sau 2 năm chắc ai cũng nghĩ là có những vấn đề phải được giải quyết.

Có thể khai mở cho trẻ em? Tại sao nam và nữ phải tập riêng biệt? Tại sao người vợ phải xin phép chồng mình để được khai mở, và ngược lại thì không được? Cha mẹ có thể giúp ra sao cho một đứa con linh hồn cao? Bốn phận ban quản trị là gì? Những người Subud nên ăn chay? Một nhà giáo Subud nên hành xử như thế nào? Một kẻ sắp chết có thể được khai mở mà đương sự không ưng thuận?

Nhiều câu hỏi rất gay go. Những giải đáp của Pak Subuh chỉ có thể gọi là được khải thị. Nếu có những cạm bẫy thì ông đã tuyệt vời tránh được những cái đó mà chưa từng bị mắc vào. Những giải đáp của ông luôn đi thẳng vào vấn đề, và được phát biểu khiến không làm mất lòng.

Những lời khuyên của ông có tác động kết hợp, và các đại biểu thuộc những quốc gia và tôn giáo khác đều cảm thấy một cách tuyệt diệu tình anh chị em giữa những người cùng chí hướng. Hội nghị có hiệu quả trực tiếp đối với sự tổ chức của các nhóm. Chính Pak Subuh ban đầu đã bổ nhiệm những vị đầu tiên làm việc trong ban quản trị. Bây giờ thì ông đề nghị mỗi năm nên bổ nhiệm một ban quản trị mới, một biện pháp mà cá nhân tôi đã chống lại. Tuy thế, chẳng bao lâu người ta hiểu rõ được sự uyên thâm của điều đó.

Điều lạ lùng là nhiều vị trưởng nhóm, những vị năng động nhất, lại không được ưa thích. Chỉ nói tới một vài nơi thôi, hiện tượng đó xảy ra tại London, Birmingham, Manchester, Bournemouth, Paris và Los Angeles. Cơ bản của Subud là dân chủ, và các nhóm thường có ác cảm với bất cứ hình thức 'độc tài' nào, dù nó có ôn hòa hay thiện ý đến mấy đi nữa. Hậu quả là nhiều vị thủ lĩnh đã thôi việc, và tổ chức được nhường lại cho những vị khác.

Tôi bàn luận điều đó với ông Varindra Vittachi, một người Tích Lan. Ông cũng cùng một cảm nghĩ với tôi, nhưng ngay sau khi ban quản trị mới bắt đầu hoạt động, họ có thể làm việc đắc lực như những vị tiền nhiệm. Trong dịp đó, nhiều vị rất năng động của buổi ban đầu đã lui về hậu trường để nhường chỗ lại cho những vị khác được dịp trở tài. Kết quả thực thụ của điều đó là tránh được sự lạm dụng quyền hành.

Có nhiều đại biểu, khoảng 300 người, tại Hội Nghị khiến Pak Subuh khó có thể tiếp chuyện mỗi người. Thế nên, tôi rất may mắn được tổ chức những chuyến đi thăm những đô thị miền Bắc của Pak Subuh. Bởi không có bao nhiêu người nên không khí hầu như trở nên thân mật hơn.

Chúng tôi chở Pak Subuh với một đoàn xe hộ tống. Ông ở Garland vài ngày, trong khi thăm viếng Manchester, Liverpool và Sheffield.

Một chuyện nhiều người thấy khó hiểu là trong Subud có thể năng động tới mức nào. Pak Subuh hiển nhiên không khuyến khích quảng cáo, nhưng ông chúc phúc cho một vài tác giả muốn viết sách. Ông không khuyến khích việc truyền đạo nhưng lại có vẻ hài lòng, khi có nhiều người mong muốn được khai mở, và ta phải nhìn nhận điều đó thường là kết quả sự hoạt động của ai đó đã truyền tin trong phạm vi bạn bè mình. Đương nhiên, Bapak rất hài lòng về sự tổ chức của nhóm Manchester khiến họ có phòng tập latihan và văn phòng của chính mình với thăm và lò sưởi.

Trong chuyến thăm viếng đó, Pak Subuh làm mọi chuyện để khuyến khích sự hợp tác giữa các hội viên về những vấn đề vật chất. Thực vậy, một số kinh doanh đã khởi công ngay sau khi đó. Một trong những kinh doanh đáng kể nhất là sự thành lập một cộng đồng tại Whatcombe House ở Dorset, đặc biệt cho thiếu nhi, những đứa không thích nghi được với xã hội. Anh Patrick Harding lập nên cộng đồng đó, và bố trí cho nó những hội viên Subud.

Nói lại cuộc viếng thăm miền Bắc của Bapak, điều đáng ghi nhớ nhất với tôi là buổi nói chuyện một chủ nhật nọ tại Garstang. Tại đó, Bapak than phiền về sự tầm thường của những câu hỏi đặt ra cho mình. Một kẻ nào đó nghiệm thấy mình nói 'Ồi' và đến gặp Bapak hỏi cái 'Ồi' đó có nghĩa gì. Những kẻ khác thì muốn biết người phụ nữ này hay người kia có là người vợ lý tưởng của mình không. Pak Subuh nói rằng có những kẻ coi ông là một hạng thầy bói, nhưng thực ra thì họ nên kiên nhẫn và tin tưởng ở chính mình để tiếp nhận những chỉ dẫn. Pak Subuh cũng nói rằng khi trải qua sự thanh lọc của mình, ông đã phải đối diện nhiều thử thách. Ông nhấn mạnh sự ưu tiên của lòng kính ái đối với Thượng Đế, thay vì đối với những quyền lợi mình. Ông nói rằng mình đã vui lòng hy sinh tâm trạng mình, ngay cả linh hồn mình, để có thể chân thực phụng thờ Thượng Đế.

Trong chuyến đi đó, tất cả chúng tôi đã kết bạn với Dr. Anwar Zakir, kể cả bà vợ là Rana. Nhưng tôi ít trông thấy các phụ nữ như lần viếng thăm trước đó, trong đó có con gái Bapak là Rahayu. Trong số các phụ nữ tôi chỉ quen biết Ibu và Ismana. Ông Anwar là một người vui tính ăn nói không úp mở, và ông đã kể cho chúng tôi nhiều chuyện thú vị. Ông

không dần lòng như Sjaffrudin, một người ông coi là đạt được một trình độ cao hơn mình. Dưới đây là vài điều ông đã nói.

“Có lần tôi hỏi Bapak: ‘linh hồn con bao nhiêu tuổi?’. Bapak đáp: ‘hai năm’. Vài năm sau tôi hỏi một lần nữa và Bapak nói: ‘hai năm rưỡi.’ Kể từ đó tôi không bao giờ hỏi nữa.”

Ông Anwar cho biết mình chỉ có một linh hồn trình độ vật chất. “Ở Nam Mỹ” ông nói “một phụ nữ đã đạt được trình độ con người sau chỉ một buổi tập latihan. Bà vợ tôi cũng vậy, bà đã đạt được trình độ con người, tôi không hiểu được điều đó, bà có vẻ gắn bó với vật chất nhiều hơn trước kia!”

Một người trong chúng tôi hỏi: “Nếu trình độ ông là vật chất, thì dưới vật chất là gì?” Ông đáp: “Quên mất, dưới vật chất có 7 trình độ nữa.”

Khi được hỏi mình đã nghi ngờ gì về Subud không, ông đáp: “Đĩ nhiên, tôi nghi ngờ!”

Ông khiến chúng tôi nhớ tới Icksan, một người đã giúp chúng tôi rất nhiều và lập nên các nhóm ở Tích Lan và Singapore. Icksan chết vì bệnh tim tại Singapore trong năm 1959. Có lần tôi đã nói là trò chuyện với Iksan dễ hơn với Sjafrudin. Ông đáp: “Đó là vì anh ấy (Sjafrudin) cao siêu hơn. Ở Nam Dương người ta không coi Icksan là cao siêu trước đó. Nhưng khi du hành với Bapak, tâm linh anh đã tiến bộ rất nhiều. Sau đó anh chết. Tôi mong mình sẽ không phải chết!” Tôi mong mình có thể truyền đạt lại về sâu thẳm, giọng nói nhấn mạnh và tính khô hài phong phú của ông.

Tôi nói với ông là vừa rồi tập latihan thay vì thấy khỏe khoắn tôi lại thấy mệt mỏi và đau ốm. “Đó là vì bạn là phụ tá,” ông nói.

Gây vui cho chúng tôi với những trò hề ranh ma, ông cũng có khả năng nhận xét.

Hội Nghị tại Coombe Springs có một vị giáo viên người Tân Tây Lan. Ngoài cái tính lảm lỳ của anh, tôi không nhận thấy có gì đặc biệt, tuy chúng tôi trong cùng một khách sạn. Anwar lập tức nhận rõ được nhân vật đó đang trong tình trạng khủng hoảng. Trong 3 ngày vị giáo viên đó đã bị làm cho câm miệng! Anh đi đứng rất bình thường giữa các đại diện: tôi tự hỏi có bao nhiêu người biết được anh đang trải qua điều gì

đó. Nhân vật đó được chữa bệnh một cách thật đặc biệt do kết quả của lối tu tập Subud.

Những ngày tháng Bapak ở Garstang là những lúc rất vui vẻ cho chúng tôi. Khi tìm kiếm các sự cố trong kí ức mình, tôi không thể nhớ lại bất cứ gì; chỉ còn lại một ánh sáng rực rỡ của những dịp lễ lạc. Mọi người đều thân mật lúc đó, và Bapak thường tham dự ở nhà những buổi trò chuyện gồm vài người sau bữa ăn chiều. Ngồi đầu bàn, ông thường nói tới những chuyện rất trần tục, và sau những buổi trò chuyện buổi tối đó, tôi thường muốn chạy nhảy và la hét như một cậu học sinh. Tôi cảm thấy vui mừng một cách vô lí và thương mến mọi người lúc đó.

Trong lúc thăm viếng đó, Sjafrudin làm việc thông ngôn. Trong một dịp họ tại Manchester giữa lúc buổi nói chuyện, Sjaffrudin thông ngôn xuất sắc tới nỗi Bapak quay đầu qua phía anh nói: “’Rất hay, nhưng điều đó thì tôi chưa nói!’”

Bapak làm một vài trắc nghiệm với nhóm phụ tá. Một phụ nữ hỏi mình có thể giúp cho người cha đã chết hay không. Bapak nói rằng tất cả chúng ta nên trắc nghiệm chuyện đó. Kết quả là ‘Không được.’ Kế tiếp Bapak nói rằng chồng chị có thể giúp đỡ qua latihan mình. Chúng tôi trắc nghiệm một lần nữa, và tiếp nhận được người nam giống như một đường dọc và người nữ như một đường ngang. Bapak nói rằng mình không biết tại sao lại như vậy mà chỉ biết đó là sự kiện. Trước đó ông nói với tôi: “Bởi linh hồn người con trai thăng tiến, nên linh hồn người cha cũng tiến theo, dù người cha đã chết.” Tôi hiểu rằng điều đó có thể tác động ngược lại tới 7 thế hệ. Tôi thấy điều này hình như liên quan tới cái quan niệm cầu nguyện cho tổ tiên.

Sau chuyến viếng thăm đó, tôi gặp Bapak một lần nữa tại Edinburgh, và sau đó tại Newcastle. Ibu và Rochanawati cũng có mặt tại đó. Ibu rất lấy làm tức cười thấy tôi phơi quần áo ra dây thếp trong vườn. Những người đàn ông Nam Dương không làm một chuyện như vậy!

Pak Subuh tiếp tục cuộc hành trình đi Âu Châu thăm viếng Đức, Pháp, Áo, rồi Ấn Độ và Mã Lai trước khi về nước. Một cuộc hành trình thật khó tin.

Năm 1960, anh Hardjono, con trai Bapak, một kĩ sư, thành hôn với Ismana, người vợ là góa phụ của Icksan. Họ đến thăm nước Anh trong

tần trắng mặt. Tôi may mắn được quen biết Hardjono thật sớm, và nhanh chóng có một quan hệ thú vị với anh. Tôi rất thích trêu chọc thiên hạ, và Hardjono nói rằng anh cũng thích trêu chọc những người khác ở Nam Dương. Tôi lập tức biết được mình có thể cười nói và vui đùa cùng anh. Sjaif nói rằng Hardjono phản ánh tình trạng của người mình trò chuyện.

Pak Subuh khuyên các nhóm phụ tá nên tập làm trắc nghiệm. Sau khi ông ra đi, lời khuyên đó được tuân hành, nhưng hơi theo cách hiểu theo nguyên văn. Những câu hỏi xoàng xĩnh được đem ra trắc nghiệm, nhiều câu hỏi chỉ việc giải quyết theo lẽ thường. Nên bất cứ lúc nào có một câu hỏi nào đó, Hardjono thường nói với tôi, một cách giễu cợt nghiêm nghị: “Có phải trắc nghiệm không, Tony?”

Chị Ismana, chị có tiếng về sự cảm thụ của mình, có lần kể với tôi là có một không khí yên lặng nặng nề khi mọi người ngồi trên sàn nhà sau một buổi latihan với phái nữ tại Coombe. Có ai đó đặt một câu hỏi và chị nhận thấy họ đang trắc nghiệm. Cuối cùng một trong những người nữ nói: “Tôi không cảm thấy trắc nghiệm câu hỏi đó là đúng.” Chị tự thấy mình đồng ý: “Như vậy là đúng, đúng đấy.”

Trắc nghiệm vẫn có vẻ còn là vấn đề. Chị nói với tôi: “Có những kẻ có thể dễ dàng tiếp nhận trắc nghiệm, nhưng điều đó chưa hẳn là dấu hiệu mình đã tiến xa. Có những kẻ mà nội tâm mạnh tới nỗi nó không muốn cho giải đáp.”

Đoạn 11

Tất nhiên là trắc nghiệm có tiếng xấu với một vài vị phụ tá, những vị có thiên tính không ưa thích những câu hỏi chỉ vì hiếu kỳ. Nhưng nếu có những câu hỏi phù phiếm và tương đối vô hại, thì cũng có những câu hỏi nghiêm trọng. Chẳng hạn, có những hội viên đến gặp phụ tá để hỏi những điều liên quan tới sự nghiệp, việc lựa chọn đại học, việc giành quyền sở hữu hay đến một quốc gia khác để thay đổi cuộc sống. Điều đáng nói ở đây là Pak Subuh đã nói thẳng với tôi là ‘Pergike California!’. Câu đó có thể dịch là mệnh lệnh ‘Đi California’ hay ‘Sẽ đi California lúc thích hợp’ hay ‘Đi California là ý kiến hay.’ Đương nhiên là điều đó đã khiến tôi xôn xao. Tuy nhiên, khi tôi hỏi Bapak mình nên làm gì về chuyện

đó, việc Pergike California, ông nói là chẳng làm gì hết. Trong năm 1960 tôi lấy máy bay đi California, vì say mê cô gái sẽ thành bà xã mình trong năm 1962! Sau đó, tôi quyết định trở về Anh sau khoảng 2 năm buồn bán bất động sản tại San Fernando Valley, và viết thư cho Bapak biết sự quyết định của mình. Bapak viết thư hồi đáp chấp thuận chuyện đó. Sự kiện là tôi đã quyết định trong cả hai trường hợp, và tôi tin rằng đó là điều Bapak muốn chúng ta làm -tự đứng trên bàn chân mình- dù sự quyết định của mình có đúng hay không.

Không có gì khiến ngạc nhiên khi các phụ tá không chịu trặc nghiệm những câu hỏi như vậy, bởi họ không tin cái khả năng tiếp nhận được những giải đáp cho những câu hỏi nghiêm trọng đó của mình.

Dù sao, trặc nghiệm là gì? Điều này là quá liều lĩnh nếu tôi tự nhận mình biết đó là gì. Nhưng tôi có một vài chứng nghiệm; tuy không là bao, tôi cũng có thể bàn luận được đôi chút.

Trước hết, theo tôi hiểu, trặc nghiệm là 'tiếp nhận;' trặc nghiệm không là có những tư tưởng hay chủ trương này nọ. Khi Pak Subuh trặc nghiệm với chúng tôi, tôi không hiểu được những gì mình phải làm, hay những gì mình tiếp nhận được. Chúng tôi chỉ việc đặt mình trong trạng thái latihan. Đương nhiên là khi Bapak có mặt, có những người đã thực sự tiếp nhận được, và tất cả những gì tiếp nhận được đều thích ứng với họ, trong khi những người khác thì chẳng nghiệm thấy gì.

Theo những gì Pak Subuh nói, tôi hiểu được rằng có cái gì đó đặc biệt theo đó cơ thể chúng ta được làm cho sống lại. Chẳng hạn, tôi còn nhớ tới cái trặc nghiệm mà Icksan làm với mình, khi anh nói rằng tại tôi đang sống lại, nhưng mắt tôi thì chưa được thanh lọc. Tôi nghe thấy Pak Subuh nói về một trong những phụ tá nữ khá nhất hồi đó là phần thân cơ thể chị đã sống lại, nhưng chị chưa có chân cẳng và cánh tay. Mức độ sự sống lại, trạng thái thanh lọc, tác động tới khả năng tiếp nhận và do đó tới trặc nghiệm.

Tôi đã một hay hai lần than phiền với Pak Subuh là mình chẳng tiếp nhận được gì hết trong trặc nghiệm, và nghĩ rằng tâm linh mình chưa tiến bộ được nhiều. Một hay hai lần ông kêu tôi làm trặc nghiệm: tôi đứng trước mặt ông nhưng chẳng có kết quả nào có sức thuyết phục.

Sau khoảng 2 năm, một buổi cuối tuần nọ tôi đề cập chuyện đó với

Sjaffrudin khi có mặt tại Coombe. Anh mời tôi tới phòng khách của Bapak tại cánh nhà phía Đông; Asikin cũng có mặt tại đó. Tôi bị một cơn cảm lạnh kinh khiếp, và khi Sjaf và Asikin đang ngồi đó nhẹ nhàng lắc lư, tôi cảm thấy vô cùng khó chịu. Hai hay ba lần, tôi cố sức gạt bỏ những ý nghĩ của mình, và ngay lúc tôi muốn bỏ cuộc, latihan bắt đầu tuôn trào. Tuy đang ngồi trên một chiếc ghế bành, tôi bắt đầu được đưa đẩy về phía trước, đầu chúc xuống giữa hai đầu gối, trong khi lớn tiếng la hét làm đảo lộn sự yên lặng của ban đêm. Sau một lúc lâu, Sjaf nói với tôi là tôi nên bình tĩnh lại, tuy tôi hầu như không thể bình tĩnh lại. Sự thật là những cảm xúc của tôi thoáng rộng tới nỗi hình như tất cả những gì có nơi mình đều hoan hỉ, và tôi hầu như muốn chảy nước mắt vì vui sướng. Tiếp theo, Sjaf làm một vài trắc nghiệm bằng cách lớn tiếng đặt các câu hỏi. Điều đó khiến tôi có những phản ứng mãnh liệt, và lần đầu tiên tôi bắt đầu hiểu được trắc nghiệm có thể như thế nào. Nhưng nếu mãnh liệt nghiệm được, tôi vẫn chưa hiểu được ý nghĩa. Điều lạ lùng là chính các câu hỏi đã bị xóa mờ khỏi kí ức mình.

Năm 1959 khi Pak Subuh còn bên Anh, tôi có mặt trong nhiều dịp có trắc nghiệm, nhưng cũng chẳng nghiệm thấy gì có sức thuyết phục. Tuy nhiên, tháng 11 năm 1960 có một buổi họp của các Nhóm miền Bắc ở Northumberland tại ngôi nhà lớn ở nông thôn của vợ chồng Widdringtons. Ông John và bà Elisabeth Bennett cũng đến, và lúc gần tối chúng tôi cũng tới trong dịp đó. Nhiều buổi nói chuyện riêng được sắp xếp, ông Bennett có một buổi nói chuyện, và có khoảng 50 người lấy làm vui thú có bữa tiệc trưa ăn đứng thịnh soạn, và lúc gần tối chúng tôi có một buổi latihan. Một người nam được khai mở; anh đã có một thời gian rất dài lâu để chuẩn bị, và buổi latihan tiếp theo mọi người thấy rất thoải mái. Sau đó, ông Bennett đi gặp các phụ tá nam và nữ: tôi nhớ được có tất cả là 8 người.

Một trong những người nữ đưa ra vài vấn đề, và ông Bennett đề nghị chúng tôi trắc nghiệm. Tôi còn nhớ được rất rõ tâm trạng mình hôm đó. Tôi rất thích buổi họp mặt lúc đó, nhưng đã thấy rất mệt mỏi và chỉ mong cho ông Bennett tuyên bố không còn chuyện gì nữa. Tôi không chút nào thấy hứng thú làm trắc nghiệm. Trong lúc trắc nghiệm, tôi chợt tiếp nhận được, hết sức rõ rệt, giải đáp cho câu hỏi đặt ra.

Ông Bennett, trước đó đã có một buổi nói chuyện liên quan tới vấn đề tiếp nhận, đề nghị mỗi người chúng tôi tự trắc nghiệm lấy cho mình

câu hỏi: “Trở ngại chánh yếu cho sự tiếp nhận của tôi là gì?” Một lần nữa, tôi bị lôi ra khỏi ghế ngồi của mình, và tiếp nhận được một giải đáp khiến choáng váng và phải tin tưởng. Có tất cả khoảng 5 cái trắc nghiệm, những giải đáp cho mỗi cái tôi tiếp nhận được một cách khiến có ấn tượng khá sâu sắc.

Sau vụ đó khoảng một thời gian, tình trạng tôi trở nên khá nhạy cảm, và hồi đó có nhiều chuyện tôi hiểu được, những điều hiện nay tôi chỉ mù mờ nhớ lại. Nhưng rồi thì tôi không nghĩ là mình nghiệm điều gì có sức thuyết phục y như vậy. Theo tôi hiểu thì có nhiều lí do tại sao lại vậy. Trước hết, tôi thấy hình như cuộc cùng nhau trắc nghiệm đòi hỏi một trạng thái latihan thâm sâu. Một đặc tính của trắc nghiệm đích thực tiếp nhận được hình như là điều mọi người đều nhất trí.

Kể đến tôi nhận thấy đi nhận thấy lại những câu hỏi thật tầm thường, những gì chỉ đòi hỏi trả lời ‘có’ hay ‘không’, thường tạo nên những đáp ứng lẫn lộn, người này cảm thấy như thế này, người kia cảm thấy như thế kia, và trắc nghiệm thoái hóa thành bầu bán. Điều đó thường xảy ra khi có những câu hỏi về việc có nên khai mở cho một hội viên dự bị nào đó hay không.

Trong một trường hợp nọ, khi câu hỏi đó đặt ra, các phụ tá đã có những ý kiến khác nhau. Có sự đề nghị là chúng tôi nên trắc nghiệm tình trạng đầu óc của anh hội viên dự bị đó. Như vậy thì là một việc khó khăn hơn, thậm chí ngạo mạn. Tuy thế, các phụ tá đều nhất trí cảm thấy tình trạng hỗn loạn của đương sự, nếu đó không là tình trạng bệnh thần kinh. Quả nhiên các phụ tá đã đoán đúng. Anh phụ tá Dick Holland, kẻ đề nghị khai mở cho anh hội viên dự bị đó, đã cố tình không đề cập tới tình trạng của đương sự, để mọi người đừng có thành kiến.

Có một điều tự động gia tăng tôi gọi là ‘trắc nghiệm tự phát,’ trái với lối trắc nghiệm chung. Điều tôi muốn nói là trong đời sống hằng ngày ta có thể tức khắc cảm thấy những gì mình phải làm, thường là trái ngược với lẽ thường. Chẳng hạn, trong lúc săn sóc anh chồng bệnh tật, một chị vợ chợt có ý định đi nấu một món ăn nào đó. Chị có thể nhận thấy mình nấu một món gì khác, hay làm món ăn một cách khác với cách thường làm. Bất cứ lúc nào điều đó xảy ra, anh chồng chắc chắn sẽ nói đó đúng là món ăn mình muốn.

Hoặc có trường hợp này là một anh bạn tôi đến thăm mà phải báo

trước cho anh có lần nói với tôi rằng vợ chồng anh đã làm thêm một phần ăn đặc biệt mà không hiểu tại sao. Sau này, khi đến San Fernando Valley buôn bán bất động sản, có lần tôi đã bán được một căn hộ cho một hội viên Subud. Anh bị đặt trong tình trạng khẩn cấp phải có một căn hộ cho vợ chồng mình và 3 đứa con trong vòng một tuần. Tôi dẫn anh đi coi chỉ những căn hộ còn trống, và anh khiến tôi sốt ruột. Hoàn toàn do may mắn chúng tôi kiếm được một căn hộ khác, với 4 phòng ngủ và một khoản tiền cho vay khá bộn. Theo tôi thấy, những gì anh làm là trắc nghiệm. Mặc dù tình trạng mình, anh hoàn toàn điềm tĩnh. Hình như anh đã cảm nhận được nơi chốn, rồi chỉ việc nói đó là căn hộ mình muốn. Tôi liền đi kiểm chị vợ anh để chỉ cho chị thấy căn hộ đó. Chị lập tức hưởng ứng. Khi tôi đem chị tới, anh chồng chị đang ngồi chơi đàn ông Hammond. Kẻ duy nhất bị xúc động chính là tôi: tôi có thể mất số tiền hoa hồng là 300 đô.

Đã 5 năm rồi kể từ khi Pak Subuh lần đầu tới Anh. Có những nhóm được lập tại Algeria, Á Căn Đình, Áo, Úc, Bỉ, Ba Tây, Tích Lan, Chí Lợi, Cyprus, Đan Mạch, Ecuador, Phần Lan, Honduras...Danh sách đó thật đáng kể.

Nhưng vẫn còn một vấn đề chánh yếu mà hầu hết các hội viên dự bị đều hỏi: 'Như vậy thì bạn được gì? Bạn đã thay đổi?' Điều này là sự thật, như Pak Subuh đã nói: 'quá trình thanh lọc được khởi động và tự động tiến hành?'

Những câu hỏi đó rất khó trả lời, bởi các hội viên Subud thường không có một y kiến y như nhau. Như tôi đã nói, có những kẻ không nhận là mình đã thay đổi. Những người khác thì không muốn nói chuyện về những hiệu quả của latihan, vì họ cảm thấy không thể diễn tả sự quan trọng của nó, hay thậm chí nói rằng đó là một 'hoạt động không chủ tâm.'

Ngoài ra, có khá nhiều người đã mãnh liệt nghiệm được trong lúc nào đó, nhưng hiện nay hình như đã thôi không tập nữa. Nhiều người nói rằng họ đã bỏ Subud. Có thể là vậy và cũng có thể không là vậy. Một người bạn thân của tôi đã không đi tập latihan nữa. Anh trở về Lincolnshire để tiếp tục công việc kinh doanh của gia đình là nghề thầu khoán nông sản. Tôi thỉnh thoảng đến thăm anh. Một hôm nọ, khi anh đang chỉ dẫn cho một kẻ mới vào nghề dùng máy đào, gàu xúc của máy bị trực trực làm dập nát chân anh. Té xuống đất, anh hiển nhiên thấy mình tập latihan

kêu thét ‘Allah!Allah!Allah!’ Đương nhiên điều đó khiến những kẻ chung quanh kinh ngạc.

Một thời gian sau đó, có ai đó nhận xét cho tôi hay là anh bạn đó không đến tập nữa, thì tôi phải thú nhận là điều đó khiến mình đau buồn. Nếu Subud có một mục tiêu, thì phải nói đó là sự quy thuận Ý Thượng Đế. Theo tôi thấy, chúng ta phải thận trọng đừng vội xét đoán cách quy thuận đó ra sao.

Sự thành công ngoài đời đi theo bước chân các hội viên Subud? Có hàng trăm trường hợp xác nhận điều đó, cũng như có hàng trăm trường hợp hình như đã phủ nhận. Theo tôi thấy, ta phải nhận thức được sự quy thuận đó là vô điều kiện. Điều này tức là có những người chắc phải đau khổ vì những khó khăn khác nhau, và họ đã làm được như vậy mà đức tin không suy giảm.

Tất nhiên là tình trạng toàn bộ của hội viên Subud đã thay đổi, theo nhiều cách đáng chú ý hơn những thay đổi của cá nhân.

Một số những chuyện nhỏ nhặt cho thấy đó là sự thật. Khi Bapak lần đầu tiên lựa chọn phụ tá, có khá nhiều chuyện ganh ghét. Có những người coi đó là sự thăng quan tiến chức, và các phụ tá không luôn là khuôn mẫu của sự khiêm tốn. Tôi biết hiện nay phần đông các phụ tá đều chỉ coi chức vụ của mình là bổn phận. Nhiều vị hoàn toàn phủ nhận mình là phụ tá, coi thường và lấy làm tức cười việc người ta gọi mình là phụ tá. Điều tôi tìm cách làm cho hiểu rõ: đó không là sự khiêm tốn của trí óc, mà là sự khiêm tốn của một người tự nhiên có ấn tượng về việc mình chẳng là gì hết.

Một điều khác đã phát triển là cái khả năng để mình không bị ảnh hưởng. Chính latihan có những điều làm cho người ta chống đối tất cả những gì là sự thuyết phục và ép buộc. Tương tự, nhiều người Subud không ưa thích ép buộc những người khác. Điều này tức là mình được khiến cho ‘để mặc kệ.’ Chẳng hạn, tôi thường thấy nhiều hội viên Subud mỉm cười chẳng nói gì hết, khi có lẽ có ai đó đang làm những điều tiêu cực. Như vậy là khiến cho kẻ đó nhìn thấy sự tiêu cực của chính mình.

Pak Subuh luôn thận trọng về những gì làm cho người ta cảm thấy, và không bao giờ khiến họ bị sốc. Trước khi có Subud nhiều người theo lối tu Gurdjieff nghĩ rằng họ có quyền kiên định nói ‘sự thật’, nhưng theo tôi

như vậy là không đúng. Trong một thời gian ngắn, những người Subud trở nên vô cùng thận trọng không làm cho những người khác bị xúc phạm hay xúc phạm tới sự nhạy cảm của họ.

Tất cả những chuyện đó có vẻ như không đáng kể đối với một độc giả thường. Đó là bởi vì khó diễn tả được sự tự do, trừ phi coi đó là những gì tiêu cực. Theo những gì chính tôi cảm thấy, latihan liên tiếp tạo nên những sự phóng thích, và những điều đó khiến mình được tự do hơn. Ngoài ra, nếu có ai đó hỏi 'Những người Subud không cứng đầu cứng cổ?' thì theo tôi câu trả lời là 'Đừng hấp tấp! Bạn có biết mình đang hỏi gì không? Đó là một vấn đề rất trọng đại.'

Đương nhiên có sự khác biệt rất lớn này là những người Subud thấy vui sướng. Họ vui sướng và dám nghĩ dám làm; họ thích thú gặp gỡ nhau. Tình bằng hữu của họ mở rộng ra khắp thế giới. Một hội viên Subud chắc chắn sẽ được một hội viên khác trợ giúp, và tình bằng hữu được rèn luyện giữa những người mình chưa từng gặp. Điều này trái ngược với cái xã hội của chúng ta ngập ngụa với cái văn hóa ma túy của nó, chết đuối vì bệnh Si-Đa, vì những vụ xì-căng-đan tình dục và những sự đồi bại đủ cách. Phần đông thiên hạ phải khổ sở, đời họ không có cái đích nào khác ngoài sự hưởng lạc: một cuộc đời vô đích. Subud đem đến cho thiên hạ sự sống, đem sự sống đến cho mọi điều, ngay cả cho nafsu mình, như Ibu Rahayu đã cho thấy rõ. Nhiều người có thể đã ra khỏi hội là tổ chức, nhưng cái vết tích sâu đậm thì mãi mãi còn, họ không thể ra khỏi hội là tâm linh, như Bapak đã chỉ cho thấy. Thực vậy, những người bị coi là bỏ Subud đã khiến cho đời mình đáng sống hơn. Họ đã dành hết thời gian mình cho Giáo Hội của mình, hoặc trở thành một Phật tử hay một Sufi.

Mọi người đều nhận thức được con đường mình phải đi còn dài, rất dài. Chỉ Thượng Đế mới có thể dẫn dắt những bước chân còn ngập ngừng của chúng ta.

Chương 7

Tôi là ai?

Có một số những điều về latihan mà những người muốn tìm hiểu Subud thường hỏi. Những điều đó phải được coi là chính đáng và là cần bản sự khó khăn dùng trí thức, tuy không để gì trả lời.

Câu hỏi đầu tiên là điều chính tôi đã hỏi Pak Subuh: ‘Cái sức mạnh mà mình để cho latihan truyền vào là gì? Làm sao biết chắc được mình đã để cho một sức mạnh thanh cao truyền vào, chứ không là những sức mạnh ma vương thấp kém?. Hệ luận tất nhiên của điều đó là: ‘Như thế nào latihan khác với thôi miên, tự kỉ ám thị? Những người tập latihan bị ma quỷ hay những sức mạnh đồng bóng trừ ám?’

Câu hỏi thứ hai liên quan tới những biểu hiện của latihan: ‘Tại sao những kẻ tập latihan có những động tác và phát ra những tiếng ồn ào không đầu đuôi, ca hát và nói những ngôn ngữ kì quái?’

Câu hỏi thứ ba: ‘Nếu quyền năng của Thượng Đế có khắp nơi, tại sao thiên hạ lại phải được khai mở? Tại sao phải có mặt một phụ tá?’

Những câu hỏi đó tất nhiên là có căn cứ và chính đáng, nhưng lại hầu như không thể trả lời khiến thuyết phục được. Nhiều người trong Subud cảm thấy nói chuyện về latihan là hoàn toàn vô ích, nếu trước tiên chưa nghiệm được tác động của nó, bởi latihan có cái gì đặc biệt khiến không thể nghi ngờ về sự đúng đắn và chánh đáng của nó. Tôi nhất định đồng ý với cái ý kiến đó. Những biện luận thâm sâu, sự diễn tả về những thay đổi trong cuộc sống hay sự cải thiện của sức khỏe mình chẳng có lợi ích

gì, nếu mình chưa nghiệm được chính latihan là gì.

Nhưng nếu không thể xét đoán về Subud mà chưa nghiệm được latihan, thì cũng có thể xét về những nguyên tắc được mọi người chấp nhận để xua tan những khó khăn.

Trong suốt đời mình con người chịu tác động của các sức mạnh. Ta chịu tác động của trọng lực, của ánh sáng và màu sắc, của cơn nóng và cơn lạnh, của sự khô cạn và ẩm ướt. Những thứ chúng ta ăn có một sức mạnh đối với mình. Đồng đô la và pound có một sức mạnh. Các thương gia và chính trị gia có thể lực. Ta ham muốn một chiếc xe, bị sự dụ dỗ tuyệt đối của những đồ châu báu. Quần áo lụa, những đồ xa tanh, tấm thảm sặc sỡ, tất cả những thứ đó có một sức mạnh. Ta chú ý đọc báo chí. Ngay cả một cái hamburger trần tục và thịt rán của Pháp cũng có một sức mạnh rất lớn.

Hiển nhiên con người chịu ảnh hưởng của vô số sức mạnh. Những sức mạnh đó luôn khiến ta hành động, suy nghĩ và cảm giác. Tuy thế, trong ý thức chủ quan của mình, ta không nhận thức được những cái đó là sức mạnh, mà chỉ là kết quả của những gì mình trải nghiệm. Tôi thấy lạnh. Tôi muốn ăn một trái chuối. Tôi thích những màn cửa màu đỏ. Tôi không thích những tiếng nói ồn ào.

Thực vậy, những sức mạnh mà con người nhận được qua giác quan, thường xuyên khiến ta ham muốn, tạo nên những ý nghĩ và ý kiến của mình, khiến mình hành động mà hoàn toàn không do ý muốn. Điều đó đã được Gurdjieff đề cập tới: con người là một bộ máy phản ứng lại môi trường. Pak Subuh nói rằng chúng ta nằm dưới sự thống trị của các sức mạnh hạ đẳng, của nafsu mình, những điều ông chia thành vật chất hay ma vương, thực vật, thú vật và con người. Tôi trích dẫn những gì ông nói:

“Từ thế hệ này qua thế hệ khác, con người chịu ảnh hưởng và sự thống trị của những sức mạnh dưới trình độ con người, khiến cho cái chân tâm có khả năng làm thức tỉnh linh hồn con người đã lâu đời trở thành cái vỏ bên ngoài là những ý nghĩ và dục vọng mình.”

Nếu sự thật con người là một guồng máy qua đó các sức mạnh luân chuyển, thì có một điều rõ rệt này: ta đã bị thôi miên. Ta thường xuyên chịu áp lực của những ảnh hưởng có sức thôi miên rất mạnh. Ta không

cần phải sợ sự quy thuận của ý chí mình, bởi ta đã vui vẻ phó thác ý chí mình cho bất cứ những ảnh hưởng nào, đến nỗi mình coi chuyện đó là bình thường. Sự tự do mà ta nghĩ mình có là hoàn toàn giả mạo. Ý chí đã chịu phục tùng, và điều đó phải là vậy: tức là ý chí đã phải phó thác cho những sức mạnh của thế giới hữu hình hay vô hình, cho đồng tiền hay Thượng Đế.

Một vài độc giả chắc sẽ nghĩ rằng như vậy là chưa đi thẳng vào vấn đề. Họ có thể phản đối cái nghĩa tôi dùng cho từ 'thôi miên' là một nghĩa triết học, hoàn toàn không là cái nghĩa thường được dùng. Khi hỏi Subud có phải là một kiểu thôi miên không, điều họ muốn nói là 'Pak Subuh có phải là một kẻ đứng trong bóng tối điều khiển những kẻ nhẹ dạ với một lô những thuật bịp bợm trong tay áo?' Nhiều người quả thực đã nói với tôi rằng 'những kẻ ở phương Đông rất khôn khéo, và rất có khả năng thôi miên tập thể.'

Trả lời câu hỏi đó, tôi phải trở về cái đề tài này: con người không được tự do, ta phản ứng lại các ảnh hưởng, đáp ứng lại các sức mạnh. Toàn bộ vấn đề là điều này: có những sự chinh phục khác nhau? Tất cả các ảnh hưởng đều có một tính chất y như nhau? Có những sức mạnh cao quý và những sức mạnh thấp kém? Có những sức mạnh làm hại và những cái khác thì làm lợi cho con người?

Tất nhiên là các ảnh hưởng có thể có những tính chất khác nhau. Chẳng hạn, thiên sứ Moses đã bắt buộc phải nhận những huấn thị của Chúa Jehovah (Thượng Đế). Tình trạng bị ép buộc của ông khác hẳn với tình trạng bị ép buộc của một kẻ nghiện ma túy. Chúng ta có thể không ít thì nhiều phân hạng các ảnh hưởng một cách hoàn toàn chủ quan theo những trạng thái của mình, và theo những biểu hiện tiếp theo đó.

Dĩ nhiên chúng ta không bao giờ trông thấy các sức mạnh: chúng ta chỉ có thể xem xét những biểu hiện từ đó. Chúng ta không trông thấy điện lực, nhưng có thể xem xét một bóng đèn được bật hay không. Chúng ta có thể không trông thấy trọng lực, nhưng có thể xem xét, như nhà bác học Newton đã làm, một trái táo rớt xuống mặt đất. Chúng ta không thể trông thấy sức mạnh của một bữa tiệc ngày Chủ Nhật, nhưng có thể rõ rệt xem xét sự việc mình chảy nước dãi, việc miệng mình ứa nước.

Thế nên chúng ta không suy nghĩ theo cách coi đó là những sức mạnh, điều xa lạ với lối suy tư thông thường của mình, mà theo cách coi đó là

những trạng thái chủ quan của mình. Chúng ta không thể nói với mình: ‘Báo chí khiến tôi cảm thấy tò mò và làm cho tôi lấy nó để đọc.’ Trái lại chúng ta nghĩ: ‘các tin tức làm tôi muốn đọc.’ Bởi cái thói quen thâm căn cố đế đó, chúng ta chủ quan phán đoán về những sức mạnh tác động tới mình theo những trạng thái của mình. Nếu đánh bạo phán đoán những người khác, chúng ta phán đoán họ theo những biểu hiện của họ.

Chẳng hạn như trường sức mạnh thực vật của hoa bia. Nếu uống quá nhiều bia, tôi liền cảm thấy nhức nhối, đầu óc mờ mịt. Thế nên, nếu bị ảnh hưởng quá mức, tôi coi như vậy là không tốt. Một kẻ ngoại cuộc sẽ không nghiệm thấy trạng thái của tôi mà chỉ thấy tôi nói năng không đầu không đuôi, đi đứng không vững vàng. Từ đó hẳn có thể kết luận là tôi say rượu, hay như điều thiên hạ thường nói, tôi bị ‘ảnh hưởng của rượu chè.’

Thực vậy, tất cả chúng ta đều chủ quan kết luận về những sức mạnh tác động tới mình. Những gì khiến lo ngại, sợ hãi, hận thù, tham lam, ham dâm, chúng ta coi là những ảnh hưởng xấu xa. Mặt khác, những sức mạnh khiến chúng ta thương xót, chịu đựng, kiên nhẫn, điềm đạm, can đảm và nhân từ, chúng ta coi là những sức mạnh tốt đẹp hay tốt hơn.

Về điều người ta thường hiểu về thuật thôi miên đã nói tới, điều gì khiến mọi người coi nó liên quan tới? Đương nhiên đó là phó thác sự chủ động của mình cho ảnh hưởng của kẻ khác, nhất là cho tình trạng để mình bị ám thị. Ta khó có thể thấy được như thế nào điều đó là ảnh hưởng của latihan. Trước hết là không có trường hợp ám thị, và những biểu hiện của những người tập latihan hoàn toàn có tính cách cá nhân. Kế đến, chỉ việc quan sát một số hội viên Subud, ta sẽ thấy được họ có bị ảnh hưởng của một người khác hay không. Họ không những không bị dụ dỗ theo bất cứ cách nào, mà nhiều người còn chưa từng gặp chính Pak Subuh hay bất cứ những người Nam Dương nào.

Có cả những người chưa từng đọc bất cứ tờ báo nào đã được xuất bản của Subud. Hơn nữa, trong bất cứ nhóm nào mình đã quen biết, tôi đều nhận thấy sự mất vẻ hào nhoáng của các lãnh tụ trước kia, sự suy giảm vô cùng ảnh hưởng của họ. Thực vậy, tất cả các bằng chứng đều cho thấy Subud có sức mạnh phản thôi miên, trái ngược hẳn với thôi miên.

Vậy thì sức mạnh của latihan là gì? Chính Pak Subuh đã đề cập tới vấn đề đó trong một buổi nói chuyện tại Úc. Ông đặt câu hỏi: ‘Nguồn gốc

sức mạnh trong latihan là gì?’ Lớn tiếng cười, ông tự trả lời cho mình: ‘Chúng ta không biết được!’

Điều đó rất đáng chú ý đối với tôi: những gì chúng ta có thể biết chắc chắn thuộc những thế giới hạ đẳng và phải được nắm bắt qua những đường kênh của giác quan. Nói cho đúng, một người tập latihan không thể xác định là nó khởi phát do Thượng Đế hay Quỷ Vương. Những gì mình có thể xác định là tác động của nó hoàn toàn khác biệt, bởi nhiên nhiên nó dùng một đường kênh khác biệt với những gì thường là kinh nghiệm của mình. Nói cách khác, đó là một tác động vượt ngoài tư duy, ham muốn, dục vọng và ý chí mình. Nếu là vậy thì việc gọi cái sức mạnh đó là gì, hay nó bắt nguồn từ đâu, là điều không đáng quan tâm tới, bởi đó đúng là một sự siêu cảm nghiệm.

Tại sao thiên hạ lại cử động, đôi khi nói năng vụng về, đôi khi ca hát du dương hay nói những ngôn ngữ quái lạ? Tôi hoàn toàn không biết được. Ta có thể ước đoán hết chuyện này tới chuyện nọ về nguồn gốc của ngôn ngữ, nhưng tôi không biết được. Về các cử động, tôi đã nói latihan phần nào có tính chất trị liệu, và điều ai cũng biết việc làm cho bắp thịt giảm bớt căng thẳng có thể làm tiêu tan những ấn ức. Về điều này thì có thể dựa vào kinh nghiệm của những người tập latihan. Latihan được coi là có khả năng thanh lọc. Tôi tin rằng phần đông những người Subud đều càng lúc càng nghiệm thấy đó là một quá trình thanh lọc, khiến cuối cùng họ cảm thấy được trong sạch vì đã liệng bỏ đi cái gì đó.

Tôi đã nói rất nhiều về các ‘sức mạnh.’ Nơi đây tôi xin được nhắc cho độc giả nhớ lại một điều mình đã trích dẫn: ‘Đối với nhiều người cái khả năng lựa chọn ảnh hưởng là chuyện tự nhiên.’ Gurdjieff kể ra một số những ảnh hưởng khác nhau, và ông nói rằng ‘tất cả công trình tu luyện chỉ là lựa chọn cái ảnh hưởng mình mong muốn phó thác cho và để cho nó ảnh hưởng tới mình.’ Điều này thật kỳ ngộ, nhưng lại có thể là cách diễn tả đích xác nhất về latihan của Subud.

Trong cuốn Susila Budhi Dharma Pak Subuh nói rất nhiều về các sức mạnh: ông kể ra và phân biệt các sức mạnh vật chất, thực vật, thú vật và con người. Thật lí thú đọc được trong đó việc chúng ta như thế nào bị các sức mạnh đó tác động tới mình, nhưng trong chương này chúng ta chỉ quan tâm tới sự việc cái quan niệm về các sức mạnh là toàn bộ căn bản triết học của Subud.

Vấn đề tư cách liên quan sâu sắc tới cái quan niệm đó. Sự tác động của các sức mạnh khiến tôi có những kinh nghiệm: tôi là ai, nếu không là những kinh nghiệm của mình? Nếu là vậy thì tính chất cuộc sống tôi, tính chất những kinh nghiệm của tôi, tùy thuộc cái sức mạnh tuôn chảy qua tôi. Hiển nhiên là thể xác không có quyền hành. Điều đó tuy hiển nhiên nhưng lại không được nhận biết. Dù thuộc bất cứ tôn giáo nào, cái ảo tưởng cho mình có quyền hành là một căn bản trái ngược với tín ngưỡng mình.

Nếu tác động tới mình và khiến mình có những kinh nghiệm, điều này nghĩa là các sức mạnh hạ đẳng đã tiếm đoạt địa vị của Tư Ngã. Tất cả các tôn giáo đều xác chỉ nhận nhờ sự quy phục Thiên Ý con người mới có thể thoát khỏi sự thống trị của các sức mạnh hạ đẳng, chỉ nhờ sự nhập vào của Thiên Lực con người mới cởi bỏ được gánh nặng của tội lỗi. Vậy thì điều được coi là những kinh nghiệm chủ quan của cái Tôi đáng lí ra phải là sức mạnh của Thiên Ý, và nếu không quy phục Thượng Đế tư ngã sẽ không đạt được đạo.

Cuối cùng, nếu quyền năng Thượng Đế có khắp nơi, thì tại sao ta phải được khai mở? Tôi quen biết khá nhiều người, những kẻ sau khi nghe một buổi thuyết giảng của ông Bennett, đã tuyên bố là họ không cần phải được khai mở, bởi đã được khai mở! Tôi lại phải ngại rằng mình thực sự không biết phải trả lời như thế nào câu hỏi đó. Theo lý thì không cần phải có một phụ tá trợ lực cho lúc khai mở, nhưng thực tế thì phần đông người ta không biết như thế nào buông thả những ý nghĩ và ham muốn của mình để đón nhận cái sức mạnh rung động của latihan, nếu thiếu vắng sự hiện diện của những người có thể buông thả để đón nhận sức mạnh đó. Điều đó được xác nhận bởi sự việc là đối với hầu hết mọi người tác động của latihan như một phép màu, hoàn toàn không giống với bất cứ gì họ nghiệm được trước đó. Tuy nhiên, Pak Subuh đã nói rằng con cái những vợ chồng Subud không cần phải được khai mở, vì chính họ đã được khai mở.

Những kinh nghiệm của latihan độc đáo tới nỗi những người đã vào Subud, những kẻ suốt đời chỉ thích tìm hiểu tâm linh và đã thử nhiều phương pháp và thuật tu luyện khác nhau, đã hỏi: 'Làm sao tôi đã có thể tiếp nhận được? Tại sao Subud xuất hiện trong lúc đặc biệt này của lịch sử?'

Điều đáng chú ý là cái quan niệm về con đường truyền dẫn không xa lạ

gì với Thiên Chúa giáo: lễ kiên tín, sự đặt tay của giám mục lên đầu giáo đồ, đều dựa trên cái quan niệm vị giám mục là con đường truyền dẫn cho Chúa Thánh Thần. Cái khía cạnh đó của Thiên Chúa giáo hiện nay ít được bàn luận tới, bởi các giáo hội hầu như chỉ hoàn toàn quan tâm tới những vấn đề đạo đức và luân lí. Điều này thật kỳ ngộ, bởi chính đó là dấu hiệu đặc biệt của Thiên Chúa giáo.

Pak Subuh luôn nhấn mạnh sự việc mọi người trong Subud đều trực tiếp tiếp nhận, và điều này thì phù hợp với kinh nghiệm. Hiển nhiên là các phụ tá chẳng làm gì hết: họ chỉ là phương tiện dẫn truyền. Điều đáng chú ý là Pak Subuh đã nói rằng không có phụ tá thâm niên cũng như phụ tá mới vào nghề, nhưng mọi người đều như nhau, bởi chính latihan cũng không có tuổi tác và không quan tâm tới con đường truyền dẫn được dùng. Pak Subuh luôn nhấn mạnh sự vĩ đại của quyền năng Thượng Đế, chứ không là con đường truyền dẫn.

Tháng 9 năm 1959, hai ngày trước khi rời khỏi nước Anh, Pak Subuh có một buổi nói chuyện tại Newcastle. Ông nói rằng tác động của latihan xảy ra khi tư tưởng và cảm xúc ngưng hoạt động. Ông còn nói là khi thiên hạ tự tìm cách tách biệt mình khỏi tư tưởng và cảm xúc, điều đó không thể làm được, như việc tách biệt đường khỏi vị ngọt. Ông còn nói: ‘Đôi khi người ta nói rằng lúc được khai mở là lúc con người nghiệm được cái chết của chính mình.’

Phần 2

Chương 9 — Extracts

6. Bapak nói về Chúa GiêXu

“Theo truyền thống, màu xanh lục là màu của Chúa GiêXu. Điều đó tức là những ảnh hưởng của thế gian không xâm chiếm được bản chất ông, khiến ông thực sự được Thượng Đế yêu chuộng. Chắc các bạn đã biết rằng màu xanh lục tượng trưng cho tình trạng trong trắng của một đứa bé, cho sự không bị ảnh hưởng của ham muốn, đặc biệt là ham muốn đàn bà và ham muốn những thứ mà con người thèm khát.

Người ta cũng kể lại rằng Chúa GiêXu không những có khả năng làm cho người bệnh được lành mạnh và người chết được sống lại, mà còn có khả năng đi trên mặt nước, và cuối cùng chính theo Ý Thượng Đế mà ông phải đối diện cái chết trên thập tự giá.

Làm cho người bệnh được lành mạnh là sự tu chỉnh những lỗi lầm và nhược điểm bên trong con người; làm cho người chết sống lại là sự làm cho sống lại cái linh hồn đã chết của con người; cái khả năng đi trên mặt nước nghĩa là sự khắc phục và thanh lọc những cảm xúc của con người.

Cơ bản của điều đó tương tự với những gì các bạn đã tiếp nhận được trong lối tu tập của Subud.

Trong lối tu tập này các bạn được thanh lọc, những lỗi lầm và nhược điểm của mình được tu chỉnh, như tình trạng bệnh tật của bản chất mình, hay có thể gọi đó là bất cứ gì. Linh hồn các bạn, từ lúc sinh ra cho tới lúc mình thành người lớn, được làm cho sống lại, cái linh hồn đã bị

đóng lại bởi những cảm xúc, tư tưởng và dự vọng mình.

Đối với các bạn tập latihan không còn gì là lạ lùng nữa: chắc các bạn đã cảm nhận được trong lòng một sự sống sôi nổi mới lạ, khác với những gì là trước kia.

Sự sống sôi nổi mới lạ đó nghĩa là linh hồn sống lại và được giải thoát khỏi cảnh tù ngục và nô lệ của những áp lực thế gian. Như vậy, Subud không chút nào đi ra ngoài những gì đã được mặc khải cho các vị thiên sứ xưa kia, những vị mà Bapak đã nói tới.

Sự đối diện cái chết trên thập tự giá tượng trưng cho tình trạng đứng giữa của những con người toàn thiện, giữa trần gian và thiên đàng.

Do đó mà theo truyền thống Chúa GiêXu sau khi trải qua cái chết vẫn còn nguyên vẹn như trước đó. Điều này có nghĩa đó là Ý Thượng Đế khiến linh hồn con người đáng lý ra phải có khả năng che chở ý thức của cá tính mình, khiến nó thấm vào và bao gồm toàn bộ thể chất.

Vậy trong cuộc sống mình sau khi chết, Chúa GiêXu đã không mất đi bất cứ gì thuộc cá tính mình: ông vẫn còn có thể nhìn, nghe và ngửi thấy, nói năng và nhận biết; tất cả những chức năng khác của ông vẫn còn hoạt động.

Điều đó phù hợp với những gì chúng ta nghiệm được trong lối tu tập của mình, trong đó từng cái một, tất cả các thành phần và bộ phận của chúng được làm cho sống lại khiến cho cái nhìn và cái nghe, cùng với tất cả các giác quan khác của mình, sẽ còn nguyên vẹn sau cái chết.

Như vậy không có nghĩa là thể chất chúng ta vẫn còn hiện hữu sau cái chết. Những gì chúng ta sẽ đem theo mình và thuộc về cá tính mình sẽ không là mắt, mà là cái khả năng nhìn thấy; không là tai, mà là cái khả năng nghe thấy; không là miệng, mà là cái khả năng ăn nói; không là mũi, mà là cái khả năng ngửi thấy; không là máu, mà là cảm xúc; không là óc não, mà là tri thức; không là tim, mà là cái khả năng suy tư và chân ngã mình.

Quả thực đó là những gì chúng ta mong ước và cầu xin Thượng Đế: việc chúng ta trở thành một con người đúng theo điều chúng ta nên trở thành theo Ý Thượng Đế.”

Đoạn nói chuyện đáng chú ý này đáng để cho chúng ta đọc đi đọc lại. Bởi nó không những làm cho chúng ta hiểu rõ được Phúc Âm, mà còn vô tình giải thích được tại sao trong Subud phải có sự khai mở: ‘Linh hồn các bạn, từ lúc sinh ra cho tới lúc mình thành người lớn, được làm cho sống lại, cái linh hồn đã bị đóng lại bởi những cảm xúc, tư tưởng và dục vọng mình.’

Chính bởi vì bị ‘đóng lại’ nên chúng phải để cho ‘mở ra’. Do đó mà người ta nói rằng một khi ai đó đã được khai mở trong Subud, họ sẽ không bao giờ bỏ Hội Tâm Linh Subud. Bởi tuy họ có thể không hoạt động trong tổ chức Subud, thậm chí có thể bỏ bê latihan, nhưng một khi linh hồn họ đã được khai mở, thì công việc trong linh hồn là công việc của Thượng Đế. Chúng ta không có quyền phán xét chuyện đó.

Tuy thế, tôi trích dẫn nơi đây một đoạn nói chuyện của Ibu Rahayu tại Wolfsburg trong năm 2002. ‘Do đó mà tuy việc này là nhiệm vụ của Thượng Đế, việc đem chúng ta qua cái quá trình này, nhưng chính chúng ta cũng phải làm việc. Bởi chúng ta phải cố gắng tập latihan. Chúng ta phải đem mình đi tập để đích thực tập được latihan. Điều này không dễ gì bởi có nhiều chuyện, rất nhiều chuyện tìm cách cản trở mình. Chúng ta có thể chán nản, hay lười biếng, hay quá bận rộn. Có nhiều việc, rất nhiều việc, tìm cách ngăn cản mình.’

7. Con trai Bapak



(Chuyện này Icksan kể lại cho Isaac Gerson và đăng trong Subud Chronicle số tháng 3 1959)

Con trai Bapak là một y sĩ. Tên anh là Harijadi. Lúc 23 tuổi anh nói: ‘Bapak, con muốn chết.’

Bapak nói: ‘Bây giờ thì chưa được.’

Một năm sau Bapak nói: ‘Bây giờ thì được.’

Harijadi đi tắm gội, như người Hồi giáo,

chỉnh lại radio cho Bapak, rồi đi vào phòng mình.

Bapak đang ngồi đó. Phòng của Harijadi gần phòng mình.

Chợt nhiên Harijadi gọi: ‘Bapak.’

Bapak đi vào và đỡ Harijadi trong cánh tay mình. Anh đã chết.

Ngày hôm sau là lễ an táng. Cháu trai Bapak cũng có đó. Cháu nói với tôi: ‘Bác Icksan, trông có đẹp không?’

Hồi đó tôi trong Subud chưa được bao lâu. Tôi nghĩ điều cháu muốn nói là cái xác chết. Tôi nói: ‘Đẹp, trông rất đẹp.’

‘Không phải vậy!’ cháu khinh miệt nói. ‘Chúng ta chôn cất đi cái đó. Điều cháu muốn nói là chú Harijadi’.

Harijadi đã có đó với chúng tôi. Cháu trai Bapak, chỉ 7 tuổi đầu, đã trông thấy anh. Bạn cũng sẽ trông thấy anh ấy, tất cả các bạn, khi các bạn sẵn sàng, khi các bạn cần anh ấy. Anh là phụ tá của Bapak: anh đến với lưỡi dao phẫu thuật.

11. Định mệnh và Định hướng.

Vittachi



Buổi tối đó Bapak nói chuyện với chúng tôi về ‘ý nghĩa đích thực’ của trai giới. Người giải thích qua một ngụ ngôn về Định Mệnh và Định Hướng.

“Thượng Đế phái tới một người giao hàng đem đến cho chúng ta những gì mình cần trên thế gian: một người vợ hay chồng thích hợp, con cái, một căn nhà, một công việc hợp với năng khiếu mình, phương tiện chuyên chở cho mình và con cái. Túi đựng đồ của người giao hàng chứa tất cả những gì chúng

ta cần, và người giao hàng vui lòng đem đến đúng lúc những thứ đó. Nhưng do ảnh hưởng của tâm trí, chúng ta luôn nóng lòng đòi hỏi thứ này thứ kia, và không lúc nào không bất mãn. Chúng ta vung vẩy tạo nên những sương mù dày đặc chung quanh mình, khiến người giao hàng không thể tìm đường lối tới chúng ta. Những gì Thượng Đế muốn cho chúng ta là định hướng mình. Định hướng là những gì đáng lí phải xảy ra cho chúng ta. Định mệnh là những gì thực sự đã xảy ra cho chúng ta bởi tâm trí mình, cái tâm trí bị ảnh hưởng của sức mạnh hạ đẳng, khiến chúng ta khó có thể phó thác cho những gì Thượng Đế muốn cho mình để đạt được định hướng mình. Vậy nên định mệnh thống trị cuộc sống mình thay vì định hướng. Bapak khuyên các hội viên Subud nên trai giới, bởi khi các bạn không bị những thèm khát của mình thống trị, những sương mù chung quanh mình sẽ trở nên bớt dày đặc hơn, khiến người giao hàng có thể tìm thấy đường lối tới mình.”

15. Ông Soeparto ở Nhật Bản

(Trích trong *Subud Chronicle* số tháng 3 1960 của **Rin Jubishi**)

Một chuyện khó quên khác là việc liên quan tới trắc nghiệm với một vị trong đoàn người đi chung với Bapak. Vấn đề trắc nghiệm là một trong những đề tài đã được tranh cãi nhiều nhất trong những buổi họp phụ tá mỗi tháng tại Tokyo của chúng tôi. Có những người có ý kiến là chúng tôi không nên đùa giỡn với trắc nghiệm vì chưa đủ kinh nghiệm. Những người khác thì đề nghị chúng tôi không nên mạo hiểm trắc nghiệm chỉ vì hiếu kì. Những người khác nữa thì đề cao sự quan trọng của việc tập những cách trắc nghiệm đơn giản nhất. Nhưng ông Soeparto chỉ việc ‘biểu diễn’ trắc nghiệm bất cứ lúc nào có một câu hỏi trong đầu óc của ai đó. Thực vậy, ông có vẻ như đang trắc nghiệm bất cứ lúc nào nghe thấy những câu hỏi khác nhau của chúng tôi. Thậm chí ông còn giải thích trắc nghiệm như dưới đây là thuộc ‘lớp mẫu giáo.’

“Như các bạn đã biết, mỗi bộ phận cơ thể đáng lí ra phải tham gia phụng thờ Thượng Đế. Nhưng như các bạn đã thấy, phần đông những bộ phận của mình lại không chịu làm chuyện đó. Các bạn xem đây này.” Chỉ vào mũi mình, ông nói tiếp: “Anh bạn mũi, bạn chỉ cho tôi thấy bạn phụng thờ Thượng Đế như thế nào?”

Mũi ông cử động một cách rất quái lạ, khiến chúng tôi phải cười. Kế đến, ông nhìn chăm chăm bàn tay mình và nói: “Cả bạn nữa, bàn tay phải của tôi!” Bàn tay ông thành linh giật mạnh, cho thấy những động tác nhảy múa vui vẻ. Thậm chí ông đã thử ngay cả giọng nói mình. Ông yêu cầu: “Giọng nói tôi, bạn cho tôi thấy cách bạn phụng thờ Thượng Đế.” Theo đó là một giọng hát du dương tuyệt trần.

16. Lúc Bapak ở Paris

Có một buổi nói chuyện rất hay của Bapak, buổi nói chuyện thứ nhì ở Paris, được đăng trong tờ Subud Chronicle số tháng 3 năm 1961. Khi tôi lần đầu quen biết Icksan Achmed, anh thường đề cập tới pembersihan hay thanh lọc. Ở phương Tây chúng ta có một quan niệm khá đa cảm về sự thanh lọc. Nhưng trong Subud thanh lọc có một nghĩa thật hạn định liên quan tới sự làm cho sống lại những bộ phận khác nhau. Điều đó được cho thấy rõ qua đoạn trích dẫn dưới đây của bài nói chuyện đó.

“Công việc đầu tiên của cái nội lực (latihan) đó là chọc xuyên qua lớp chắn thô kệch, cái năng lực hoạt động khi chúng ta đi đứng, cử động hay làm những gì như vậy. Tất cả phải được cái nội lực đó thấm vào. Tại sao lại vậy? Bởi qua sự đụng vào và bị đụng vào, những ô ứ (lỗi lầm) nhập vào chân tâm mình. Cái tình trạng đụng vào đó và ngũ quan của chúng ta là cánh cửa cho sự nhập vào của những ô ứ, những cái mà tâm trí truyền vào nội cảm mình. Những ô ứ đó nhập vào chân tâm mình, đạt tới chỗ thâm sâu nhất của tim và chứa đầy trong óc. Thế nên, điều cần thiết là phải tẩy cho sạch những ô ứ đó để trở nên trong sạch.

Sự tẩy cho sạch tất cả những cái đó có nghĩa như thế này: trước kia sự đi đứng của các bạn do tác động của dục vọng, nhưng bởi đã các bạn tập latihan, sự đi đứng của mình không do tác động của dục vọng, mà tự phát do linh hồn. Với bàn tay các bạn thì cũng y như vậy: trước kia khi các bạn đụng vào những gì, đó là do mình muốn hay thích làm vậy. Nhưng bởi các bạn đã tập latihan, nên dần dần, các bạn đôi khi có thể đụng vào cái gì đó, nhưng đó là không do dục vọng mình, mà do cái linh hồn đang lớn lên của mình. Điều này sẽ tiếp tục cho tới khi quyền năng của latihan thấm vào tất cả các bộ phận của mình, khiến cho cuối cùng các bạn có thể tự mình thấy được những hành động nào của mình là đúng, là được Thượng Đế hướng dẫn; không chỉ với sự đi đứng của

mình, với những gì mình đụng vào với bàn tay, mà còn với cái nhìn, cái nghe cùng với những chức năng khác.”

Cũng trong bài nói chuyện đó Pak Subuh mình giải một điều làm chúng tôi thấy khó nuốt trong nhiều năm. Pak Subuh thường nói rằng latihan hoạt động khi tâm trí ngưng hoạt động. Nhưng theo nhận xét của tôi, trí óc mình hoạt động khá nhiều, trong khi có những lúc mình nhận được nhiều latihan. Latihan cùng với tư tưởng và cảm xúc mình hình như đi chung với nhau, có thể nói vậy. Đoạn trích dẫn trong bài nói chuyện nói trên của Pak Subuh đề cập tới tình trạng khó nuốt đó.

“Tương tự, nếu trong latihan tư tưởng mình vẫn còn hoạt động, nói cách khác các bạn nhớ tới những sự cố hay chuyện này nọ, hay khi tâm cảm mình nhớ tới những sự cố hay chuyện này nọ, thì cứ để cho xảy ra, đừng ngăn cản lại. Nếu tâm trí tìm cách chống lại sự hoạt động của tư tưởng, điều đó sẽ không làm giảm bớt mà là tăng cường sự hoạt động đó. Tuy thế, cứ để mặc kệ, dần dần rồi sẽ lắng xuống: tâm cảm sẽ không còn tuôn trào, bởi sẽ không còn bất cứ nơi nào cho sự hoạt động đó tràn vào.”

Theo kinh nghiệm của tôi, điều này thật lạ lùng là những tư tưởng và ngay cả sự nhận thức được những người khác trong phòng vẫn còn tiếp diễn, trong khi đồng thời mình được làm cho cử động theo nhiều cách, ca hát hay phát ra những âm thanh trong những ngôn ngữ khác nhau. Latihan tiến triển thì hình như đôi khi có sự ‘sang số’ khiến mình càng lúc càng phải chú ý tới những cảm nhận, nhưng sự nhận thức được tất cả những gì khác, những hội viên khác và vân vân thì không bao giờ mất hẳn.

Đoạn trích dẫn dưới đây là phần tiếp theo trực tiếp của đoạn kể trên, nhưng liên quan tới latihan kedjiwaan cùng với những lễ thói lễ bái tại nhà thờ hay giáo đường.

“Với những ai đi lễ tại nhà thờ hay những nơi chốn lễ bái khác, nhiều người trong các bạn có lẽ thường đi lễ, thì chẳng có gì đi ngược lại những gì các bạn tiếp nhận được trong latihan. Nếu cảm thấy gấn bó với một giáo hội, các bạn tất nhiên nên tiếp tục đi lễ bái. Chỉ có điều này: trong sự lễ bái tại nhà thờ, Bapak khuyên các bạn nên theo những lễ nghi phải làm, nhưng đừng làm latihan, bởi latihan thì khác biệt. Bởi nếu đột nhiên theo một cái latihan tự phát, các bạn sẽ làm cho những kẻ không

hiểu chút gì về latihan phải giật mình và thấy chướng tai gai mắt. Bởi latihan là sự phụng thờ theo lệnh của Thượng Đế, nhưng lễ bái tại nhà thờ hay những nơi tương tự là sự phụng thờ theo cách tổ chức của con người. Có sự khác biệt giữa hai lối phụng thờ đó, tuy cái đích của cả hai đều là Thượng Đế.”

Đoạn tiếp theo đoạn trên có một điều khiến kinh ngạc, nhưng lại là điều gì mà bất cứ ai quen thuộc với latihan đều có thể nhận biết ngay được.

“Khi chân tâm ý thức được những chướng ngại làm mình không tiến bộ được, và khi các bạn đạt tới cái trình độ phải đạt, các bạn sẽ có thể tiếp xúc với sự sống của nội tâm bất cứ lúc nào mình muốn. Điều này nghĩa là các bạn có thể phụng thờ Thượng Đế nơi phòng khiêu vũ hay nơi chợ búa, và tất nhiên các bạn sẽ có thể phụng thờ Thượng Đế tại bất cứ nơi phụng thờ nào, như tại nhà thờ. Nếu người bên cạnh mình yên lặng phụng thờ, các bạn cũng sẽ có thể yên lặng, bởi đã quen thuộc với sự đa dạng, những cách phụng thờ hay tiếp cận Thượng Đế khác nhau. Thậm chí, điều này thì Bapak không nói đùa, các bạn có thể cãi lộn hay tranh biện với một người bạn, nhưng cái đó không can dự gì tới sự phụng thờ Thượng Đế: sự phụng thờ của mình không bị ảnh hưởng gì. Như trong những truyện về các hiệp sĩ: một hiệp sĩ chân chính sẽ không quên phụng thờ Thượng Đế ngay cả trong lúc chiến đấu: nếu chết mình sẽ được Thượng Đế mở rộng cánh tay đón tiếp, chứ không vì thương hại.”

Theo tôi thì bất cứ ai trong Subud cũng có thể làm chứng cho chuyện đó là sự thật. Tình trạng của tôi là đã ác liệt bất đồng ý kiến với các thành viên của nhóm về những phương án cho Hội, hay đôi khi (khá nhiều lần!) với bà xã mình, nhưng sự phụng thờ Thượng Đế thì không bao giờ bị quên lãng. Tôi dùng thể thụ động (không bị quên, chứ không là tôi quên) bởi đó là không điều gì mình làm, mà là có sẵn. Điều này thì khó giải thích được.

gn
10.2017

